ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

**KHOA LUẬT**

**NGUYỄN THỊ CHÂM**

**TRÁCH NHIỆM CHỨNG MINH TRONG VỤ ÁN HÌNH SỰ THEO LUẬT TỐ TỤNG HÌNH SỰ**

**VIỆT NAM**

**LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC**

**Hà Nội – 2016**

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

**KHOA LUẬT**

**NGUYỄN THỊ CHÂM**

**TRÁCH NHIỆM CHỨNG MINH TRONG VỤ ÁNHÌNH SỰ THEO LUẬT TỐ TỤNG HÌNH SỰ**

**VIỆT NAM**

***Chuyên ngành* : Luật Hình Sự và Tố Tụng Hình Sự**

***Mã số* : 60 38 01 04**

**LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC**

***Cán bộ hướng dẫn khoa học*: TS. Nguyễn Văn Tuân**

**Hà Nội – 2016**

 LỜI CAM ĐOAN

*Tôi xin cam đoan Luận văn là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các kết quả nêu trong Luận văn chưa được công bố trong bất kỳ công trình nào khác. Các số liệu, ví dụ và trích dẫn trong Luận văn đảm bảo tính chính xác, tin cậy và trung thực. Tôi đã hoàn thành tất cả các môn học và đã thanh toán tất cả các nghĩa vụ tài chính theo quy định của Khoa Luật Đại học Quốc gia Hà Nội.*

*Vậy tôi viết Lời cam đoan này đề nghị Khoa Luật xem xét để tôi có thể bảo vệ Luận văn.*

*Tôi xin chân thành cảm ơn!*

|  |  |
| --- | --- |
|  | NGƯỜI CAM ĐOANNGUYỄN THỊ CHÂM |

**MỤC LỤC**

**LỜi cam đoan**

**MỤc lỤc**

**Danh mỤc các chỮ viẾt tẮT**

**Danh mỤc BẢNG SỐ LIỆU**

**MỞ ĐẦU 1**

**CHƯƠNG I: MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ TRÁCH NHIỆM CHỨNG MINH TRONG VỤ ÁN HÌNH SỰ 6**

**1.1. Khái niệm và đặc điểm trách nhiệm chứng minh trong vụ án hình sự 6**

1.1.1. Khái niệm trách nhiệm chứng minh trong vụ án hình sự 6

1.1.2. Đặc điểm trách nhiệm chứng minh trong vụ án hình sự 14

**1.2. Mối liên hệ giữa trách nhiệm chứng minh trong vụ án hình sự với các nguyên tắc của Luật tố tụng hình sự 18**

1.2.1. Mối liên hệ với nguyên tắc suy đoán vô tội 19

1.2.2. Mối liên hệ với nguyên tắc xác định sự thật của vụ án 20

1.2.3. Mối liên hệ với nguyên tắc tranh tụng trong xét xử được bảo đảm 21

1.2.4. Mối liên hệ với nguyên tắc bảo đảm quyền bào chữa của người bị buộc tội, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại, đương sự 23

**1.3. Khái quát về trách nhiệm chứng minh trong vụ án hình sự theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam 24**

**1.4. Pháp luật của một số nước trên thế giới về trách nhiệm chứng minh trong vụ án hình sự 28**

**KẾT LUẬN CHƯƠNG I 31**

**CHƯƠNG II: NHỮNG QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT TỐ TỤNG HÌNH SỰ VIỆT NAM VỀ TRÁCH NHIỆM CHỨNG MINH TRONG VỤ ÁN HÌNH SỰ 32**

**2.1. Trong giai đoạn khởi tố, điều tra 32**

2.1.1. Giai đoạn khởi tố 32

2.1.2. Giai đoạn Điều tra 36

**2.2. Giai đoạn truy tố 54**

**2.3. Giai đoạn xét xử 56**

**KẾT LUẬN CHƯƠNG II 63**

**CHƯƠNG III: THỰC TIỄN VÀ NHỮNG GIẢI PHÁP NHẰM NÂNG CAO HIỆU QUẢ ÁP DỤNG TRÁCH NHIỆM CHỨNG MINH CỦA CƠ QUAN TIẾN HÀNH TỐ TỤNG TRONG QUÁ TRÌNH CHỨNG MINH VỤ ÁN HÌNH SỰ 64**

**3.1. Thực tiễn áp dụng quy định của pháp luật về trách nhiệm chứng minh trong vụ án hình sự 64**

3.1.1. Những kết quả đạt được 64

3.1.2. Hạn chế về trách nhiệm chứng minh trong vụ án hình sự của cơ quan tiến hành tố tụng 66

3.1.3. Nguyên nhân của hạn chế 73

**3.2. Giải pháp góp phần nâng cáo hiệu quả trách nhiệm chứng minh vụ án hình sự của cơ quan tiến hành tố tụng 81**

3.2.1. Giải pháp đối với các quy định của pháp luật 81

3.2.2. Giải pháp đối với các cơ quan tiến hành tố tụng có trách nhiệm chứng minh 83

3.2.3. Giải pháp khác 86

**KẾT LUẬN CHƯƠNG III 88**

**KẾT LUẬN 89**

**DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO 91**

**DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT**

|  |  |
| --- | --- |
| **Cơ quan tiến hành tố tụng** | CQTHTT |
| **Cơ quan điều tra** | CQĐT |
| **Điều tra viên** | ĐTV |
| **Kiểm sát viên** | KSV |
| **Tố tụng hình sự** | TTHS |
| **Tiến hành tố tụng** | THTT |
| **Tòa án** | TA |
| **Viện kiểm sát** | VKS |
| **Vụ án hình sự** | VAHS |

**DANH MỤC BẢNG SỐ LIỆU**

Bảng 3.1. Số bị can bị khởi tố - số liệu từ năm 2010 đến 2015 65

Bảng 3.2. Số vụ án VKS truy tố và số vụ án TA đưa ra xét xử từ năm 2010 đến 2015 65

Bảng 3.3. Số vụ án bị TA trả hồ sơ điều tra bổ sung từ năm 2010 – 2015 68

**MỞ ĐẦU**

**1.Tính cấp thiết của đề tài**

Chứng minh trong tố tụng hình sự (TTHS) là một quá trình bao gồm phát hiện, thu thập chứng cứ, kiểm tra chứng cứ, đánh giá chứng cứ và sử dụng chứng cứ nhằm làm sáng sự thật của vụ án hình sự (VAHS). Thu thập chứng cứ làm cơ sở cho việc chứng minh các đối tượng cần chứng minh trong VAHS, nhằm làm sáng tỏ bản chất của vụ án thuộc về trách nhiệm của các cơ quan tiến hành tố tụng (CQTHTT). Quan hệ pháp luật hình sự có nội dung là mối quan hệ giữa một bên là Nhà nước một bên là người phạm tội, Nhà nước với tư cách là chủ thể của quan hệ pháp luật hình sự có quyền quyết định hành vi nào là phạm tội đồng thời buộc người thực hiện hành vi phạm tội phải gánh chịu hậu quả pháp lý bất lợi bằng bản án của Tòa án (TA) hoặc các quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Để kết án một người là có tội và phải chịu chế tài hình sự tương ứng với hành vi gây ra thì phải chứng minh hành vi của họ là phạm tội, theo quy định của pháp luật TTHS Việt Nam thì “Trách nhiệm chứng minh tội phạm thuộc về các CQTHTT”. Trách nhiệm chứng minh tội phạm thuộc về CQTHTT là một phần của nguyên tắc “Xác định sự thật của vụ án” trong pháp luật TTHS Việt Nam. Trên thực tiễn thực thi nguyên tắc trên của các chủ thể có trách nhiệm chứng minh tội phạm trong VAHS còn nhiều vấn đề tồn tại, trong thời gian vừa qua trách nhiệm của CQTHTT thực hiện chưa tốt, còn nhiều vụ án oan sai dẫn đến mất lòng tin của nhân dân vào pháp chế Nhà nước. Vì vậy, việc nghiên cứu một cách hệ thống về mặt lý luận, thực tiễn về trách nhiệm chứng minh tội phạm của từng CQTHTT, trên cơ sở đó giải quyết những vướng mắc mà thực tiễn đặt ra, đề xuất những phương hướng nhằm tăng cường hiệu quả hoạt động của các CQTHTT trong quá trình chứng minh tội phạm, bảo đảm xác định sự thật khách quan của vụ án là vấn đề mang tính cấp bách, có ý nghĩa quan trọng trong việc thực thi pháp luật để bảo đảm quyền con người và tính nghiêm minh của hệ thống pháp luật trong giai đoạn hiện nay.

Vì vậy, tác giải chọn đề tài **“Trách nhiệm chứng minh trong vụ án hình sự theo luật tố tụng hình sự Việt Nam”** làm đề tài nghiên cứu, bảo vệ luận văn thạc sĩ, nhằm giải quyết những vấn đề cấp thiết mà tác giả đã đề cập trên.

**2. Tình hình nghiên cứu**

Ở nước ta, dưới góc độ pháp lý hình sự, vấn đề nghiên cứu trách nhiệm chứng minh trong VAHS đã có một số bài viết liên quan đề cập đến nguyên tắc “Xác định sự thật của vụ án” và các chế định có liên quan đến trách nhiệm chứng minh trong VAHS như:

TS. Bùi Kiến Điện có công trình *Về trách nhiệm chứng minh tội phạm*, (Tạp chí Luật học, số 1/1997), bài viết đã đề cập đến trách nhiệm chứng minh tội phạm theo nguyên tắc tại Điều 11 bộ luật TTHS năm 1988.

Luận án tiến sĩ luật học *Nguyên tắc suy đoán vô tội trong luật TTHS Việt Nam* của tác giả Nguyễn Thành Long năm 2010, luận án đã đề cập đến trách nhiệm chứng minh tội phạm thuộc về CQTHTT, các CQTHTT trên cơ sở nhiệm vụ, quyền hạn của mình thực hiện nghĩa vụ chứng minh tội phạm.

# Đề tài luận án tiến sĩ *Nguyên tắc xác định sự thật của vụ án trong TTHS Việt Nam* của tác giả Đinh Thế Hưng năm 2015. Luận án đã nghiên cứu chuyên sâu nguyên tắc xác định sự thật của vụ án, góp phần hoàn thiện nội dung của nguyên tắc này và các chế định, quy định cụ thể của pháp luật TTHS Việt Nam cũng như trách nhiệm chứng minh tội phạm.

Tác giả Trần Quang Tiệp có bài viết *Đối tượng chứng minh và nghĩa vụ chứng minh trong BLTTHS năm 2003,* đăng trên[tạp chí Kiểm sát, Số 2/2007, tr. 22 - 26,](http://lib.hlu.edu.vn/WShowDetail.aspx?intItemID=46) bài viết phân tích để làm sáng tỏ một cách khách quan đầy đủ, toàn diện và chính xác nội dung chủ yếu của đối tượng phải chứng minh trong một vụ án hình sự. Bài viết đã khẳng định việc quy định nghĩa vụ chứng minh thuộc về các cơ quan tiến hành tố tụng xét về bản chất tương tự với quy định các cơ quan tiến hành tố tụng có nhiệm vụ xác định sự thật của vụ án một cách khách quan, toàn diện và đầy đủ, chính xác, làm sáng tỏ các chứng cứ buộc tội, chứng cứ gỡ tội, những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị can, bị cáo.

# Bên cạnh đó các nhà khoa học và một số tác giả cũng đã quan tâm đến khía cạnh của nội dung này và đã được đề cập đến trong một số giáo trình như: Giáo trình luật TTHS Việt Nam (Chương 4) của Khoa Luật – Đại học Quốc gia Hà Nội do PGS.TS. Nguyễn Ngọc Chí chủ biên; *Chứng cứ và chứng minh trong VAHS* của tác giả Đỗ Văn Đương (Nxb Chính trị Quốc Gia, 2011)…

# Tuy nhiên các công trình, bài viết nghiên cứu trên mới chỉ đề cập đến một khía cạnh nhất định về trách nhiệm chứng minh trong VAHS của CQTHTT chưa tập trung nghiên cứu chuyên sâu về trách nhiệm của các CQTHTT trong quá trình chứng minh VAHS. Chính vì vậy, việc nghiên cứu “Trách nhiệm chứng minh trong vụ án hình sự theo luật tố tụng hình sự Việt Nam” là đòi hỏi khách quan và cấp thiết.

**3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu**

***\* Mục đích nghiên cứu đề tài:***

Mục đích cơ bản của đề tài góp phần về làm rõ mặt lý luận trách nhiệm của CQTHTT, thực tiễn áp dụng trong từng giai đoạn tố tụng chứng minh tội phạm tìm ra sự thật khách quan của VAHS, để từ đó đưa ra những giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của CQTHTT trong quá trình chứng minh tội phạm.

***Nhiệm vụ nghiên cứu đề tài:*** Để đạt được mục đích trên tác giả đã đặt ra những nhiệm vụ nghiên cứu sau:

Làm sáng tỏ những vấn đề lý luận về trách nhiệm chứng minh trong VAHS của CQTHTT theo pháp luật TTHS Việt Nam và TTHS của một số nước trên thế giới;

Làm sáng tỏ khái niệm, nội dung, ý nghĩa nhiệm chứng minh trong VAHS của CQTHTT trong pháp luật TTHS Việt Nam;

Làm sáng tỏ mối quan hệ về trách nhiệm chứng minh với một số nguyên tắc cơ bản trong luật TTHS Việt Nam;

Nghiên cứu thực tiễn áp dụng các quy định của pháp luật TTHS về trách nhiệm chứng minh trong VAHS;

Đề xuất các phương hướng góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của các CQTHTT trong quá trình chứng minh tội phạm.

**4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

***\* Đối tượng nghiên cứu của Luận văn:*** Bao gồm các vấn đề lý luận và thực tiễn áp dụng pháp luật về trách nhiệm chứng minh trong VAHS theo quy định của pháp luật TTHS Việt Nam.

 ***\* Phạm vi nghiên cứu:***  Luận văn nghiên cứu đề tài này dưới góc độ luật TTHS. Luận văn nghiên cứu việc thực hiện những quy định liên quan trong khoảng thời gian từ năm 2010 đến năm 2015.

 **5. Phương pháp nghiên cứu**

Luận văn được nghiên cứu dựa trên cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa Mác-Lênin về chủ nghĩa duy vật biện chứng và duy vật lịch sử; tư tưởng Hồ Chí Minh; Đường lối của Đảng về Nhà nước và pháp luật. Bên cạnh đó, việc nghiên cứu đề tài luận văn cũng sử dụng các phương pháp nghiên cứu khoa học chuyên ngành như: Lịch sử, phân tích, tổng hợp, so sánh, diễn giải, và phương pháp xã hội học để làm sáng tỏ những vấn đề nghiên cứu.

**6. Những điểm mới và ý nghĩa của luận văn**

 ***\* Những điểm mới của luận văn***

 Sau quá trình nghiên cứu và tìm hiểu, luận văn đã thu được những kết quả nhất định, có thể xem những kết quả sau đây là điểm mới của luận văn:

1. Làm sáng tỏ vấn đề lý luận về trách nhiệm chứng minh trong VAHS trong pháp luật TTHS;
2. Phân tích thực trạng trách nhiệm chứng minh trong VAHS của CQTHTT;
3. Đề xuất các phương hướng góp phần nâng cao hiệu quả trách nhiệm chứng minh của các CQTHTT trong quá trình chứng minh tội phạm.

***\* Ý nghĩa của luận văn***

Về mặt lý luận: Luận văn đề cập một cách tương đối có hệ thống một số vấn đề cơ bản của lý luận về trách nhiệm chứng minh trong VAHS theo quy định của luật TTHS Việt Nam ở cấp độ luận văn thạc sĩ luật học.

Về mặt thực tiễn: Luận văn góp phần vào việc làm sáng tỏ trách nhiệm của các CQTHTT trong quá trình chứng minh tội phạm ở trong thực tiễn điều tra, truy tố, xét xử, cũng như đưa ra các kiến nghị nhằm nâng cao trách nhiệm của các CQTHTT trong quá trình chứng minh tội phạm góp phần xác định sự thật khách quan của vụ án.

**7. Kết cấu của luận văn**

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận và Danh mục tài liệu tham khảo, nội dung của luận văn gồm 3 chương:

Chương I: Một số vấn đề lý luận về trách nhiệm chứng minh trong vụ án hình sự.

Chương II: Những quy định của pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam về trách nhiệm chứng minh trong vụ án hình sự.

 Chương III: Thực tiễn và những giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả áp dụng trách nhiệm chứng minh của cơ quan tiến hành tố tụng trong quá trình chứng minh vụ án hình sự.

**CHƯƠNG I: MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ TRÁCH NHIỆM CHỨNG MINH TRONG VỤ ÁN HÌNH SỰ**

* 1. **Khái niệm và đặc điểm trách nhiệm chứng minh trong vụ án hình sự**
		1. *Khái niệm trách nhiệm chứng minh trong vụ án hình sự*

Pháp luật TTHS Việt Nam góp phần bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, tổ chức, bảo vệ trật tự pháp luật xã hội chủ nghĩa, đồng thời giáo dục mọi người ý thức tuân theo pháp luật, đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm. Bộ luật TTHS quy định trình tự, thủ tục khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án hình sự; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và mối quan hệ giữa các CQTHTT; nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của những người tiến hành tố tụng; quyền và nghĩa vụ của những người tham gia tố tụng, của các cơ quan, tổ chức và công dân; hợp tác quốc tế trong TTHS, nhằm chủ động phòng ngừa, ngăn chặn tội phạm, phát hiện chính xác, nhanh chóng và xử lý công minh, kịp thời mọi hành vi phạm tội, không để lọt tội phạm, không làm oan người vô tội.

Với sứ mệnh quan trọng của mình trong hệ thống pháp luật Việt Nam, Luật TTHS đề cao trách nhiệm chứng minh tội phạm để tránh làm oan người vô tội, không bỏ lọt tội phạm. Trách nhiệm chứng minh tội phạm là một nội dung trong nguyên tắc xác định sự thật của vụ án trong Bộ luật TTHS.

Để có thể làm rõ khái niệm trách nhiệm chứng minh tội phạm, trước hết cần làm rõ khái niệm “trách nhiệm”. Theo từ điển tiếng việt thông dụng thì “*Trách nhiệm*” được hiểu: “Là phần việc được giao cho hoặc coi như được giao cho. Phải bảo đảm làm tròn nếu kết quả không tốt thì phải gánh chịu phần hậu quả”. Thuật ngữ “*Trách nhiệm*” theo nghĩa là thể hiện khả năng của một cá nhân, tổ chức thừa nhận về những gì mình đã làm khi thực hiện một việc nào đó; đồng thời, nó bao hàm nghĩa vụ giải thích, báo cáo, thông tin, biện giải về những việc đó và những hệ quả, cũng như việc sẵn sàng chịu sự đánh giá, phán xét, thậm chí là trừng phạt cả về mặt pháp lý và đạo đức đối với những hệ quả đó. Theo từ điển tiếng việt thì “ *Trách nhiệm*” được hiểu là điều phải làm, phải gánh vác hoặc phải nhận lấy về mình. Thuật ngữ "*Trách nhiệm*" thường được hiểu theo hai nghĩa. *Thứ nhất*, trách nhiệm là nghĩa vụ, bổn phận của một người trước người khác, trước xã hội hoặc Nhà nước. Ví dụ, trách nhiệm của nhân viên với lãnh đạo, trách nhiệm của công dân trong việc bảo vệ môi trường sống; trách nhiệm của bố mẹ trong việc chăm sóc, giáo dục con cái v.v... *Thứ hai*, trách nhiệm là hậu quả bất lợi mà một người phải gánh chịu trước người khác, trước xã hội hoặc Nhà nước do đã có hành vi vi phạm nghĩa vụ, bổn phận nào đó. Như vậy, có thể hiểu trách nhiệm là nhiệm vụ được phân công theo chức trách của mỗi cá nhân, đảm bảo phải hoàn thành và phải gánh chịu hậu quả bất lợi khi không hoàn thành nhiệm vụ được giao hoặc có nghĩa vụ phải hoàn thành.

Thuật ngữ “*chứng minh*” được hiểu là xác định là có căn cứ đúng hay sai có hay không dùng suy luận logic để vạch rõ vấn đề [27, tr239]. Chứng minh là một hoạt động nhận thức chân lý của con người, hoạt động chứng minh tiến hành trong nhiều lĩnh vực, tuy nhiên đặc điểm chung là việc chủ thể sử dụng những phương tiện để làm sáng tỏ sự thật khách quan, khẳng định tính đúng đắn của một vấn đề nào đó để tìm ra chân lý. Trong TTHS chứng minh là quá trình khôi phục lại sự thật khách quan của vụ án, là quá trình nhận thức sự thật khách quan. Cơ sở lý luận nhận thức của hoạt động nhận thức này chính là lý luận nhận thức của triết học Mác – Lênin. Lý luận nhận thức Mác – Lênin khẳng định rằng: Nhận thức là sự phản ánh biện chứng tích cực, sự phản ánh đó là một quá trình vận động và phát triển không ngừng tự không biết đến biết, từ biết ít đến biết nhiều, từ hiện tượng đến bản chất, từ thấp đến cao, từ nông đến sâu để nắm được bản chất quy luật của sự vật và hiện tượng. Trong thế giới khách quan, không có gì là con người không nhận thức được, mà chỉ có những cái con người chưa nhận thức được nhưng dần dần cũng sẽ nhận thức được. Như vậy, trong VAHS hoạt động chứng minh được tiến hành bằng việc phát hiện, thu thập chứng cứ từ các nguồn khác nhau và sử dụng chứng cứ này làm nguồn phương tiện chứng minh làm rõ các vấn đề cần phải chứng minh trong vụ án. Chứng minh trong VAHS là một hoạt động khá phức tạp, đó là việc thu thập, kiểm tra, đánh giá chứng cứ nhằm xác định sự thật của vụ án. Để giải quyết đúng đắn VAHS, các CQTHTT và người THTT có trách nhiệm áp dụng mọi biện pháp để chứng minh sự thật của vụ án. Những vụ án xảy ra luôn để lại những dấu vết trong thế giới khách quan, được con người và môi trường vật chất phản ánh lại [26,tr8-9]. Chứng minh trong VAHS bắt đầu từ khi có quyết định khởi tố vụ án, gồm nhiều hoạt động khác nhau như điều tra, truy tố, xét xử. Trong mỗi giai đoạn lại chứa đựng những nội dung cần chứng minh khác nhau cho nên trách nhiệm của từng CQTHTT và người THTT sẽ khác nhau nhưng đều đòi hỏi phải tuân theo trình tự và thủ tục mà Bộ luật TTHS quy định.

Chứng minh trong VAHS là quá trình các chủ thể của TTHS trên cơ sở quy định của pháp luật TTHS tiến hành phát hiện, thu thập, kiểm tra, đánh giá chứng cứ và sử dụng các chứng cứ thu thập được làm phương tiện, căn cứ để xác định, làm rõ về tội phạm và người thực hiện hành vi phạm tội cũng như tất cả những vấn đề liên quan đến vụ án.

***Trách nhiệm chứng minh nhìn từ góc độ pháp luật Quốc tế:***

Trong Tuyên ngôn nhân quyền quốc tế năm 1948 ghi nhận rằng *“*Mọi người, nếu bị cáo buộc về hình sự, đều có quyền được coi là vô tội cho đến khi được chứng minh là phạm tội theo pháp luật, tại một phiên toà xét xử công khai, nơi người đó được bảo đảm những điều kiện cần thiết để bào chữa cho mình*”*. Bản Tuyên ngôn toàn thế giới về quyền con người này là thước đo chung cho tất cả các quốc gia và các dân tộc, và cho cả mọi cá nhân và tổ chức xã hội, đánh giá việc thực hiện các mục tiêu của mình, trên cơ sở luôn ghi nhớ bản Tuyên ngôn này. Quyền con người được bảo vệ, để buộc tội một người bị cho là có tội thì các chủ thể đại diện cho cơ quan Nhà nước phải chứng minh theo trình tự luật định, chứng minh người đó có các dấu hiệu vi phạm pháp luật để đưa ra xét xử bằng một phiên tòa công khai. Tuyên ngôn cũng khẳng định rằng người bị cáo buộc phải được đảm bảo quyền tự bào chữa cho mình trước những cáo buộc bất lợi cho mình. Lịch sử xã hội loài người là lịch sử của các cuộc đấu tranh giành các quyền dân chủ và tiến bộ. Các quyền tự do, dân chủ mà con người có được ngày nay là kết quả của quá trình đấu tranh lâu dài, bền bỉ của những lực lượng tiến bộ chống lại những thế lực độc tài, phản dân chủ trên thế giới. Một trong những quyền dân chủ mà con người giành được trong các cuộc đấu tranh này là quyền bào chữa. Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị năm 1966, tại khoản 3 Điều 14 của Công ước này có nội dung như sau: Trong quá trình xét xử về một tội hình sự, mọi người có quyền được hưởng một cách đầy đủ và hoàn toàn bình đẳng những bảo đảm tối thiểu như được thông báo không chậm trễ và chi tiết, bằng một ngôn ngữ mà người đó hiểu được về bản chất và lý do buộc tội mình, không bị buộc đưa ra lời khai chống lại mình, bị buộc phải nhận là mình có tội”.

Tòa án Hình sự quốc tế (ICC) được hình thành trên cơ sở Quy chế Rôm - một trong những điều ước quốc tế đa phương có sự tham gia rộng rãi nhất của các quốc gia trong cộng động quốc tế. Theo đó Điều 42 Quy chế Rome quy định:

Văn phòng công tố hoạt động độc lập như một cơ quan riêng biệt của Tòa án. Văn phòng có trách nhiệm nhận các thông báo và bất kỳ thông tin quan trọng nào về tội phạm thuộc thẩm quyền tài phán của Tòa án, kiểm tra các thông báo và thông tin này, tiến hành điều tra và truy tố trước Tòa án. Thành viên của văn phòng công tố không nhận hoặc không hành động theo các chỉ thị từ bên ngoài[ 29, Điều 42].

Để chứng minh một người nào đó là có thực hiện hành vi vi phạm pháp luật hay không, phải có đủ tài liệu chứng minh. Người bị buộc tội, người liên quan không buộc phải chứng minh mình vô tội. Việc chứng minh tội phạm thuộc trách nhiệm của Văn phòng công tố và Tòa án. Các thông báo và thông tin về tội phạm thuộc thẩm quyền tài phán của ICC từ các cá nhân, các quốc gia cũng như các tổ chức quốc tế cung cấp. Sau khi tiếp nhận các thông tin này, Văn phòng công tố tiến hành kiểm tra, xác minh thu thập tài liệu chứng cứ để làm rõ có phải hành vi phạm tội hay không, hoặc phối hợp với các nước, các tổ chức liên Chính phủ có liên quan để điều tra làm rõ. Công tố viên có trách nhiệm “phát hiện và tìm ra mọi tình tiết và chứng cứ để xác định trách nhiệm hình sự và tội phạm theo quy chế, điều tra xác định các tình tiết buộc tội và gỡ tội một cách công bằng” [29, Điều 54.1]. Việc thu thập tài liệu, chứng cứ tuân thủ theo sự chỉ đạo của Trưởng công tố và tuân theo Quy chế Rome và các nguyên tắc, quy tắc, quy định của pháp luật quốc tế. Quy chế Rome cũng thể hiện rõ “Trách nhiệm chứng minh bị cáo có tội thuộc về Trưởng công tố” (Điều 66).

***Trách nhiệm chứng minh nhìn từ pháp luật Việt Nam:***

Điều 10 Bộ Luật TTHS Việt Nam năm 2003 quy định:

 Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát và Toà án phải áp dụng mọi biện pháp hợp pháp để xác định sự thật của vụ án một cách khách quan, toàn diện và đầy đủ, làm rõ những chứng cứ xác định có tội và chứng cứ xác định vô tội, những tình tiết tăng nặng và những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị can, bị cáo. Trách nhiệm chứng minh tội phạm thuộc về các cơ quan tiến hành tố tụng. Bị can, bị cáo có quyền nhưng không buộc phải chứng minh là mình vô tội [36].

CQTHTT là các cơ quan nhà nước có thẩm quyền được giao thực hiện chức năng tố tụng trong việc khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án nhằm giải quyết vụ án khách quan, công bằng, bảo đảm và tôn trọng quyền con người, không bỏ lọt tội phạm, không làm oan người vô tội, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, xã hội, mọi hoạt động của CQTHTT phải dựa trên cơ sở và trong phạm vi của pháp luật TTHS [6, tr 115]. CQTHTT bao gồm CQĐT; VKS; TA. Như vậy, trách nhiệm chứng minh trong VAHS thuộc về ba CQTHTT đó là CQĐT, VKS và TA. Đây là ba cơ quan có trách nhiệm chứng minh có tội phạm xảy ra hay không trong một VAHS, dựa trên những quy định của pháp luật hình sự và theo một trình tự luật định do Bộ luật TTHS quy định về trình tự, thủ tục trong quá trình giải quyết vụ án. Như vậy, Bộ luật TTHS đã quy định rõ ba CQTHTT có trách nhiệm chứng minh tội phạm là CQĐT, VKS, và TA. Khẳng định rằng TA ngoài chức năng xét xử thì TA có trách nhiệm chứng minh tội phạm.

Trách nhiệm chứng minh tội phạm là một nội dung của nguyên tắc xác định sự thật của vụ án. Chủ thể nào có trách nhiệm chứng minh, xác định sự thật khách quan của vụ án và cách thức yêu cầu của việc xác định sự thật của vụ án. Bộ luật TTHS quy định chủ thể có trách nhiệm chứng minh và làm sáng tỏ trong VAHS là cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, nghĩa là trách nhiệm chứng minh tội phạm thuộc về nhà nước mà đại diện là CQTHTT được Nhà nước giao quyền. Khi có tội phạm xảy ra, các CQTHTT phải có trách nhiệm thực hiện tất cả các hoạt động tố tụng cần thiết theo quy định để phát hiện và xử lý tội phạm, đảm bảo xử lý công minh, nhanh chóng theo đúng pháp luật. Nếu các CQTHTT không chứng minh được bị can, bị cáo có tội thì có nghĩa là họ vô tội, khi đó tùy thuộc vào mỗi giai đoạn tố tụng phải ra các quyết định như quyết định đình chỉ điều tra, quyết định đình chỉ vụ án hoặc ra bản án tuyên bị cáo không phạm tội, nếu bị can, bị cáo đang bị tạm giam phải trả tự do cho bị can, bị cáo. Mặt khác, vấn đề luật TTHS giải quyết là các VAHS, mà bản chất của quan hệ pháp luật hình sự là quan hệ giữa tội phạm và Nhà nước. Tội phạm xâm hại đến những quan hệ xã hội mà Nhà nước bảo vệ sẽ phải chịu hình phạt của Nhà nước, cho nên Nhà nước, đại diện bởi cơ quan tiến hành tố tụng, sẽ có trách nhiệm chứng minh rằng người bị buộc tội thực sự đã thực hiện tội phạm. Trách nhiệm, đòi hỏi các CQTHTT bắt buộc phải thực hiện. Chính vì vậy, Bộ luật TTHS quy định *Trách nhiệm chứng minh tội phạm thuộc về các cơ quan tiến hành tố tụng* là hợp lý.

Khi điều tra, truy tố và xét xử VAHS, CQTHTT phải chứng minh: Có hành vi phạm tội xảy ra hay không, thời gian, địa điểm và những tình tiết khác của hành vi phạm tội; Ai là người thực hiện hành vi phạm tội; Có lỗi hay không có lỗi, do cố ý hay vô ý; Có năng lực trách nhiệm hình sự hay không; mục đích, động cơ phạm tội; Những tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị can, bị cáo và đặc điểm về nhân thân của bị can, bị cáo; Tính chất và mức độ thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra; Nguyên nhân và điều kiện phạm tội; Những tình tiết khác liên quan đến việc loại trừ trách nhiệm hình sự, miễn trách nhiệm hình sự, miễn hình phạt.

Mục đích chung của chứng minh trong VAHS là tìm ra được sự thật của vụ án, để không làm oan người vô tội và không bỏ lọt tội phạm thì trách nhiệm của CQTHTT và người THTT rất quan trọng. CQTHTT có trách nhiệm chứng minh trong vụ án bởi vì các CQTHTT được Nhà nước thiết lập và giao quyền áp dụng các biện pháp do Bộ luật TTHS quy định. Sở dĩ pháp luật quy định như vậy là vì thể hiện ý chí của Nhà nước, có cơ quan chuyên trách nhân danh Nhà nước để bảo vệ pháp luật, bảo vệ quyền chính đáng của con người và các thiết chế xã hội đã được tạo dựng[46, tr21-22].

Trách nhiệm chứng minh trong VAHS là nhiệm vụ, nghĩa vụ bắt buộc của CQTHTT là hoạt động mang tính nhận thức về sự kiện phạm tội đã xảy ra trong quá khứ thông qua việc nghiên cứu những thông tin về sự kiện đó trong tất cả các giai đoạn của TTHS từ giai đoạn điều tra, truy tố đến xét xử VAHS. Không chỉ chứng minh chứng cứ buộc tội mà CQTHTT và người THTT còn phải chứng minh cả những chứng cứ gỡ tội dựa trên nguyên tắc suy đoán vô tội để làm sáng tỏ vụ án.

Bên cạnh đó, pháp luật cũng quy định bị can, bị cáo có quyền nhưng không buộc là phải chứng minh mình vô tội, quyền được chứng minh để bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của bản thân bị can, bị cáo không chỉ được ghi nhận trong nguyên tắc xác định sự thật của vụ án mà còn được cụ thể hóa thành các quyền tố tụng của bị can, bị cáo. Là người bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị can, bị cáo có quyền đưa ra chứng cứ chứng minh mình vô tội hoặc giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho mình. CQTHTT phải dựa trên những cơ sở, chứng cứ để xem xét, xác định sự thật của vụ. Mặc dù bị can, bị cáo là người biết rõ và có đầy đủ thông tin về hành vi mà họ thực hiện nhưng những lời khai của họ không thể thay thế công tác điều tra, xử lý VAHS. Do xuất phát từ những hành động khai báo khác nhau nên những lời khai của họ về tình tiết vụ án không phải lúc nào cũng đáng tin cậy. Ngoài ra, khi đã bị khởi tố hoặc đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn họ không thể thu thập chứng cứ của vụ án. Nếu buộc bị can, bị cáo chứng minh mình vô tội thì không bảo đảm giải quyết vụ án một cách khách quan, vi phạm những quy định của pháp luật. Sở dĩ, pháp luật quy định như vậy vừa là bảo đảm quyền của bị can, bị cáo mà còn giúp cho CQTHTT xác định đúng sự thật vụ án, truy tố, xét xử đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không để lọt tội phạm, nhưng cũng không làm oan người vô tội. Pháp luật cũng quy định bị can, bị cáo có quyền nhờ người bào chữa cho mình, sự tham gia của luật sư trong tố tụng không chỉ giúp bị can, bị cáo bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, mà còn góp phần trong việc xác định sự thật khách quan của vụ án, giúp việc điều tra, truy tố và xét xử được nhanh chóng, chính xác, tránh làm oan người vô tội, để lọt tội phạm. Cho nên, trách nhiệm chứng minh thuộc về cơ quan có thẩm quyền THTT và bắt buộc các CQTHTT phải thực thi đúng, đủ, không coi đó là trách nhiệm của bị can, bị cáo mà bị can, bị cáo có quyền tức là có thể chứng minh hoặc không chứng minh mình vô tội.

Theo PGS.TS Nguyễn Ngọc Chí – Khoa Luật Đại học Quốc Gia Hà Nội định nghĩa chứng minh trong TTHS là: “quá trình các chủ thể của TTHS trên cơ sở quy định của pháp luật TTHS tiến hành phát hiện, thu thập, kiểm tra, đánh giá chứng cứ và sử dụng các chứng cứ thu thập được làm phương tiện, căn cứ để xác định, làm rõ về tội phạm và người thực hiện hành vi phạm tội cũng như tất cả những vấn đề liên quan đến vụ án”. Chứng minh là quá trình đi tìm sự thật khách quan của vụ án, chứng minh trong TTHS phải giải quyết hàng loạt các vấn đề đặt ra của VAHS như: Đối tượng, phạm vi chứng minh, các bước tiến hành trong quá trình chứng minh....tất cả đều được điều chỉnh bằng quy phạm pháp luật tố tụng. Vì vậy, trách nhiệm chứng minh trong VAHS của các chủ thể là phải tuân thủ pháp luật để giải quyết các yêu cầu đặt ra trong quá trình chứng minh VAHS.

Từ những phân tích trên, có thể rút ra khái niệm về trách nhiệm chứng minh trong VAHS như sau: “***Trách nhiệm chứng minh trong VAHS là việc phải làm của CQTHTT. Theo đó, cơ quan THTT có nhiệm vụ tuân theo các quy định của pháp luật TTHS để tiến hành phát hiện, thu thập, kiểm tra, đánh giá chứng cứ và sử dụng các chứng cứ thu thập được làm phương tiện, căn cứ để xác định, làm rõ về tội phạm và người thực hiện hành vi phạm tội cũng như tất cả những vấn đề liên quan đến vụ án*** ***và phải chịu hậu quả bất lợi nếu vi phạm quy định của pháp luật TTHS trong quá trình chứng minh tội phạm***”.

Khái niệm này đã chỉ ra những thuộc tính cơ bản về trách nhiệm chứng minh tội phạm của CQTHTT khi áp dụng các quy định của pháp luật TTHS để thực thi trách nhiệm của mình.

* + 1. *Đặc điểm trách nhiệm chứng minh trong vụ án hình sự*

Xuất phát từ nguyên tắc xác định sự thật của vụ án được quy định trong Bộ luật TTHS, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các chủ thể mà hoạt động chứng minh tội phạm trong từng giai đoạn tố tụng có sự khác nhau. Theo khái niệm về trách nhiệm chứng minh trong VAHS ta có thể thấy những đặc điểm cơ bản sau:

Thứ nhất, *trách nhiệm chứng minh trong VAHS là việc phải làm của CQTHTT*

CQTHTT bắt buộc phải thực thi trách nhiệm của mình được pháp luật quy định cụ thể, trách nhiệm này phải thực hiện một cách tối đa nhằm đạt hiệu quả cao nhất trong chứng minh các tình tiết liên quan đến VAHS.

CQTHTT phải áp dụng tất cả các biện pháp hợp pháp để xác định sự thật của vụ án một cách khách quan, toàn diện và đầy đủ, làm rõ chứng cứ xác định có tội và chứng cứ xác định vô tội, tình tiết tăng nặng và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của người bị buộc tội. Việc phải làm của CQTHTT bao gồm hoạt động tiếp nhận tin báo tội phạm; tiến hành khởi tố; điều tra; truy tố và xét xử vụ án hình sự. Trong mỗi giai đoạn tố tụng các CQTHTT căn cứ vào nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của mình thực hiện các nhiệm vụ và ra các văn bản tố tụng ứng với mỗi giai đoạn tố tụng.

CQTHTT phải tiến hành phát hiện, thu thập, kiểm tra, đánh giá chứng cứ và sử dụng các chứng cứ thu thập được làm phương tiện, căn cứ để xác định, làm rõ về tội phạm và người thực hiện hành vi phạm tội cũng như tất cả những vấn đề liên quan đến vụ án.

*Thứ hai, trách nhiệm chứng minh trong VAHS thuộc về CQTHTT*

Chủ thể có trách nhiệm chứng minh trong VAHS là chủ thể được pháp luật TTHS quy định, tùy từng quốc gia với từng mô hình tố tụng khác nhau. Các chủ thể có trách nhiệm chứng minh trong VAHS là người nắm vững các quy định của pháp luật, am hiểu và có kiến thức chuyên môn đến lĩnh vực tư pháp hình sự, sử dụng các biện pháp khoa học kỹ thuật tiên tiến để phát hiện và điều tra tội phạm. Chỉ khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện về trình độ chuyên môn thì chủ thể được giao chứng minh tội phạm mới có thể áp dụng chính xác, đầy đủ và có hệ thống các quy định của pháp luật vào quá trình chứng minh nhằm làm sáng tỏ sự thật của vụ án.

Chủ thể có trách nhiệm chứng minh trong VAHS là CQTHTT. CQTHTT bao gồm CQĐT; VKS; TA, các cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra như Các cơ quan của Bộ đội biên phòng; Các cơ quan của Hải quan; Các cơ quan của Kiểm lâm; Các cơ quan của lực lượng Cảnh sát biển; Các cơ quan của Kiểm ngư; Các cơ quan của Công an nhân dân được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra; Các cơ quan khác trong Quân đội nhân dân được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra.

Trong các CQTHTT có người tiến hành tố tụng có trách nhiệm tuân thủ pháp luật chứng minh VAHS. CQĐT bao gồm Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng CQĐT, ĐTV, Cán bộ điều tra; VKS có Viện trưởng, Phó Viện trưởng VKS, KSV, Kiểm tra viên; TA có Chánh án, Phó Chánh án TA, Thẩm phán, Hội thẩm, Thư ký TA, Thẩm tra viên. Tất cả các chức danh trên đều có trách nhiệm tham gia vào quá trình chứng minh sự thật của vụ án.

Trách nhiệm chứng minh trong luật TTHS khác biệt với trách nhiệm chứng minh trong pháp luật tố tụng dân sự, pháp luật tố tụng hành chính...Bởi vì, nội dung mà luật tố tụng dân sự giải quyết các vụ án và việc dân sự, và áp dụng nguyên tắc tôn trọng quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự, vì trong quan hệ pháp luật dân sự, đương sự là người hiểu rõ nhất quyền lợi và nghĩa vụ của mình, nên họ có quyền tự quyết định cách giải quyết tốt nhất cho mình, miễn là phương án đó không bị pháp luật cấm. TTHS là mối quan hệ giữa tội phạm và Nhà nước, tội phạm xâm hại đến những quan hệ xã hội mà Nhà nước bảo vệ sẽ phải chịu hình phạt của Nhà nước, cho nên Nhà nước, đại diện bởi cơ quan tiến hành tố tụng, sẽ có trách nhiệm chứng minh rằng người bị buộc tội thực sự đã thực hiện tội phạm.

Trách nhiệm của từng CQTHTT được pháp luật TTHS quy định cụ thể. Đối với CQĐT có chức năng điều tra tất cả các tội phạm quy đinh tại Bộ luật hình sự để xác định tội phạm và xác định người đã thực hiện hành vi phạm tội, lập hồ sơ, đề nghị truy tố, tìm ra nguyên nhân và điều kiện phạm tội, yêu cầu các cơ quan, tổ chức hữu quan áp dụng biện pháp khắc phục và ngăn ngừa tội phạm. VKS có chức năng thực hành quyền công tố, kiểm sát hoạt động tư pháp theo quy định của Hiến pháp và pháp luật. VKS có trách nhiệm tuân thủ pháp luật đối với hoạt động khởi tố, điều tra, xét xử vụ án hình sự và thực hành quyền công tố, bảo đảm cho pháp luật được chấp hành nghiêm chỉnh. TA có chức năng xét xử vụ án hình sự, tuyên bố một người là phạm tội hay không phạm tội. Trong giới hạn nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của mình, các CQTHTT có trách nhiệm áp dụng mọi biện pháp mà pháp luật quy định để làm sáng tỏ các tình tiết liên quan đến VAHS.

*Thứ ba, pháp luật quy định cụ thể về trình tự, thủ tục giải quyết VAHS*

Trong quá trình chứng minh tội phạm các chủ thể phải tuân thủ đầy đủ, chính xác các quy định của pháp luật TTHS để tránh làm oan người vô tội, không để lọt tội phạm.

Giai đoạn khởi tố, điều tra VAHS, khi nhận được tin báo hoặc tố giác của các cơ quan tổ chức về tội phạm nếu có các căn cứ trên và nhận thấy có dấu hiệu tội phạm, thì cơ quan công an sẽ tiến hành điều tra, khởi tối vụ án. Khi xác định có dấu hiệu tội phạm thì CQĐT phải ra quyết định khởi tố VAHS. Giai đoạn truy tố, thuộc thẩm quyền của VKS dựa trên những quy định cụ thể của pháp luật TTHS khi có đủ căn cứ truy tố bị can trước tòa bằng một bản cáo trạng hoặc trả hồ sơ điều tra bổ sung, đình chỉ hoặc tạm đình chỉ vụ án khi chưa đủ căn cứ hoặc không có căn cứ khởi tố. Giai đoạn xét xử tại TA được tiến hành công khai qua hai cấp xét xử sơ tẩm và phúc thẩm.

*Thứ tư, mục tiêu của việc quy định trách nhiệm chứng minh trong VAHS*

Tất cả các giai đoạn của TTHS đều nhằm làm sáng tỏ chân lý khách quan của sự việc, nhằm tìm ra sự thật của vụ án. Đó là quá trình nhận thức của các chủ thể có trách nhiệm chứng minh để giải quyết VAHS một cách đúng đắn. Góp phần bảo vệ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích nhà nước, bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của nhân dân. Trách nhiệm của các chủ thể trong từng giai đoạn có ý nghĩa quan trọng và có mối liên hệ chặt chẽ với nhau, bản kết luận điều tra chính xác góp phần truy tố đúng đối tượng và xét xử đúng người, đúng tội.

*Thứ năm, chủ thể có trách nhiệm chứng minh trong VAHS sẽ phải chịu hậu quả bất lợi khi vi phạm các quy định của pháp luật về trình tự, thủ tục giải quyết vụ án*

Chủ thể có trách nhiệm chứng minh trong VAHS có nghĩa vụ phải thực thi đầy đủ, chính xác quy trình tố tụng. Không chỉ tìm ra dấu hiệu của tội phạm mà còn có trách nhiệm chứng minh những dấu hiệu không cấu thành tội phạm hay những chứng cứ gỡ tội cho người bị tình nghi, bị can, bị cáo. Trong trường hợp chủ thể có trách nhiệm chứng minh không tuân thủ sự thật khách quan cũng như các quy định của pháp luật sẽ dẫn đến người bị kết tội oan hoặc bỏ lọt tội phạm gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích của người bị buộc tội, làm ảnh hưởng đến uy tín của Nhà nước và sự thờ ở của người dân với hệ thống pháp luật. Chính vì vậy, pháp luật ngoài đề ra quyền, trách nhiệm thì cũng thiết lập nên hệ thống cơ chế để xử lý những hành vi, hoạt động của chủ thể chứng minh đi lệch hướng với quy định của pháp luật, quy định trách nhiệm phải gánh chịu từ mức độ thấp tới cao, từ trách nhiệm hành chính tới trách nhiệm hình sự được quy định cụ thể trong các luật chung và luật chuyên ngành.

* 1. **Mối liên hệ giữa trách nhiệm chứng minh trong vụ án hình sự với các nguyên tắc của Luật tố tụng hình sự**

Khẳng đinh rằng các CQTHTT có trách nhiệm chứng minh tội phạm, xác định sự thật của vụ án, có ý nghĩa vô cùng quan trọng trong quá trình làm sáng tỏ vụ án. Trong các hoạt động TTHS thì hoạt động của CQĐT, VKS, TA đóng vai trò chủ đạo, để đảm bảo hoạt động của các cơ quan này tiến hành đúng pháp luật, khách quan, yêu cầu tất yếu đặt ra là các cơ quan này phải đảm bảo tuân thủ các quy định của Bộ luật TTHS cũng như các nguyên tắc được đề ra. Trách nhiệm chứng minh tội phạm thuộc về CQTHTT. Người bị buộc tội có quyền nhưng không buộc phải chứng minh là mình vô tội, là một trong những nội dung nằm trong nguyên tắc xác định sự thật của vụ án, nguyên tắc này có mối quan hệ với các nguyên tắc khác của Bộ luật TTHS.

* + 1. *Mối liên hệ với nguyên tắc suy đoán vô tội*

Nguyên tắc suy đoán vô tội với trách nhiệm chứng minh tội phạm của CQTHTT có mối liên hệ chặt chẽ với nhau. Có quan điểm cho rằng *Trách nhiệm chứng minh tội phạm thuộc về CQTHTT. Người bị buộc tội có quyền nhưng không buộc phải chứng minh là mình vô tội* nên quy định vào nội dung của nguyên tắc suy đoán vô tội, vì suy đoán vô tội là định hướng khách quan, còn nguyên tắc xác định của vụ án là đòi hỏi trực tiếp đối với hành vi tố tụng của người tiến hành tố tụng trong việc thu thập đánh giá các chứng cứ và các tình tiết của vụ án, nên quy định trách nhiệm chứng minh tội phạm vào phần nội dung của nguyên tắc suy đoán vô tội thì hợp lý hơn [46, tr7]. Theo tác giả thì hai nguyên tắc này có mối liên hệ chặt chẽ với nhau, độc lập, có mục đích, nội dung khác nhau, trả lời những câu hỏi khách nhau. Nguyên tắc xác định sự thật của vụ án đòi hỏi các kết luận của các CQTHTT phải chính xác đảm bảo tuân thủ đúng trình tự, thủ tục tố tụng và phù hợp với tình tiết khách quan của vụ án. Các CQTHTT phải chứng minh các chứng cứ buộc tội và các chứng cứ gỡ tội, xác định vô tội hoặc giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đều phải được thu thập, kiểm tra, đánh giá. Nội dung nguyên tắc xác định sự thật vụ án dừng lại ở đây và tiếp theo là đánh giá các chứng cứ đó như thế nào, mối quan hệ tương quan giữa chứng cứ xác định có tội và chứng cứ xác định vô tội lúc này liên quan đến nguyên tắc suy đoán vô tội, bởi lẽ người bị tạm giam, tạm giữ, bị can, bị cáo được suy đoán là vô tội cho đến khi chứng minh được hoặc ngược lại, tức là chứng minh lỗi của họ, không chứng minh ngược lại thì họ được coi là vô tội.

Trách nhiệm chứng minh tội phạm của các cơ quan có thẩm quyền THTT xuất phát từ nguyên tắc xác định sự thật của vụ án cho nên có quan hệ mật thiết với nguyên tắc suy đoán vô tội. Theo đó, không được chuyển trách nhiệm chứng minh lên bị can, bị cáo, tất cả mọi nghi ngờ đều phải giải thích có lợi cho bị can, bị cáo. Bản kết tội không thể dựa trên giả thiết.Thực hiện tốt nguyên tắc suy đoán vô tội là tiền đề quan trọng để các CQTHTT chứng minh vụ án một cách toàn diện, khách quan. Theo nguyên tắc suy đoán vô tội TA không được ra bản án dựa trên những giả định, điều này đòi hỏi các CQTHTT phải không ngừng nỗ lực tìm ra những chứng cứ thuyết phục, rõ ràng và có căn cứ để chứng minh tội phạm. CQTHTT được Nhà nước trang bị các điều kiện về vật chất và con người hoạt động chuyên nghiệp nên chắc chắn đảm bảo việc chứng minh tội phạm và tìm ra sự thật của vụ án. Như vậy, các CQTHTT thực thi đúng trách nhiệm của mình góp phần thực thi nguyên tắc suy đoán vô tội trên thực tế và tôn trọng và thực hiện tốt nguyên tắc suy đoán vô tội sẽ giúp cho các CQTHTT sẽ đảm bảo truy tố, xét xử đúng người, đúng tội, không làm oan người vô tội.

* + 1. *Mối liên hệ với nguyên tắc xác định sự thật của vụ án*

Là một nội dung của nguyên tắc xác định sự thật của vụ án, nguyên tắc xác định sự thật của vụ án đã quy định chủ thể có trách nhiệm chứng minh thuộc về các CQTHTT. Đây là căn cứ pháp lý nhằm xác định trách nhiệm của các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng khi xác định sự thật của VAHS.

Xác định vụ án một cách khách quan tức là phải xác định nội dung vụ án đúng với các tình tiết của vụ án như thực tế. Thực tiễn tiến hành các giai đoạn của hoạt động tố tụng hình sự, suy cho cùng, đều hướng đến một mục đích chung nhất đó chính là làm rõ có tội phạm hay không và người bị buộc tội có thật sự phạm tội hay không. Muốn vậy, việc xác định sự thật của vụ án đóng vai trò quan trọng nhất để đạt được mục đích đó. Nói cách khác, áp dụng nguyên tắc xác định sự thật còn đảm bảo cho việc xử lí vụ án được công minh, không để lọt tội phạm đồng thời không bắt nhầm, làm oan người vô tội. Việc xác định sự thật phải dựa trên những tình tiết, những căn cứ xác thực mà có thể nhận biết được, đồng thời phải dựa trên quan điểm duy vật biện chứng về nhận thức vì nó ảnh hưởng lớn đến việc xác định đúng đắn vấn đề cần phải chứng minh trong vụ án hình sự . Để đảm bảo hiệu quả của nguyên tắc này thì các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải nâng cao trách nhiệm của mình và hoàn thành tốt trách nhiệm chứng minh vụ án nhằm tìm ra sự thật của vụ án. CQTHTT có thực hiện tốt trách nhiệm của mình thì mới đảm bảo nguyên tắc xác định sự thật của vụ án được thực thi tốt, và có tuân thủ tốt nguyên tắc xác định sự thật của vụ án thì VAHS mới được chứng minh một cách khách quan, đúng tình tự luật định.

Có nhiều quan điểm cho rằng nên bỏ trách nhiệm chứng minh VAHS đối với TA để đảm bảo tính khách quan của TA khi xét xử VAHS. PGS.TS Nguyễn Ngọc Chí đề xuất sửa đổi bổ sung về nguyên tắc xác định sự thật vụ án: “Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát (bỏ từ Tòa án) phải áp dụng mọi biện pháp hợp pháp để xác định sự thật của vụ án một cách khách quan, toàn diện và đầy đủ, làm rõ những chứng cứ xác định có tội và chứng cứ xác định vô tội, những tình tiết tăng nặng và những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị can, bị cáo. Trách nhiệm chứng minh tội phạm thuộc về Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát. Bị can, bị cáo có quyền nhưng không buộc phải chứng minh là mình vô tội”. Nếu như quy định trách nhiệm chứng minh của TA sẽ làm ảnh hưởng tới chức năng của TA, TA vừa chứng minh tội phạm vừa ra phán quyết sẽ không mang tính khách quan như yêu cầu của luật TTHS đề ra.

* + 1. *Mối liên hệ với nguyên tắc tranh tụng trong xét xử được bảo đảm*

“Trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử, Điều tra viên, Kiểm sát viên, người khác có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người bị buộc tội, người bào chữa và người tham gia tố tụng khác đều có quyền bình đẳng trong việc đưa ra chứng cứ, đánh giá chứng cứ, đưa ra yêu cầu để làm rõ sự thật khách quan của vụ án”. Sự bình đẳng của những người tham gia tố tụng đảm bảo cho VAHS được chứng minh một cách công khai, minh bạch. CQTHTT có trách nhiệm thu thập chứng cứ buộc tội, chứng cứ gỡ tội để chứng minh một người phạm tội hay không theo trình tự thủ tục, còn bị can, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác lại có quyền đưa ra chứng cứ chứng minh hoặc để phản bác những chứng cứ buộc tội của CQTHTT. Như vậy, tất cả các chứng cứ được đưa ra phải có căn cứ, chính xác, bảo đảm tính khách quan và logic.

Những người tham gia tố tụng được thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Nhằm hạn chế tính chủ quan duy ý chí của các CQTHTT, pháp luật đã quy định rõ “Mọi chứng cứ xác định có tội, chứng cứ xác định vô tội, tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, áp dụng điểm, khoản, điều của Bộ luật hình sự để xác định tội danh, quyết định hình phạt, mức bồi thường thiệt hại đối với bị cáo, xử lý vật chứng và những tình tiết khác có ý nghĩa giải quyết vụ án đều phải được trình bày, tranh luận, làm rõ tại phiên tòa”. Trách nhiệm chứng minh của CQĐT, VKS trong giai đoạn khởi tố, điều tra và truy tố sẽ được thể hiện bằng các văn bản tố tụng và được trình bày trước TA, bị can, bị cáo có quyền phản bác lại hoặc nhờ người bào chữa cho mình. Nếu như quá trình chứng minh của CQTHTT thực hiện sai trình tự, thủ tục sẽ bị phản bác tại phiên tòa xét xử bằng chính bị can, bị cáo hoặc người bào chữa của bị can, bị cáo, và có thể nhận một trong các Quyết định của thẩm phán chủ tọa phiên tòa như: Quyết định trả hồ sơ điều tra bổ sung; quyết định đình chỉ, tạm đình chỉ vụ án….

Trách nhiệm chứng minh của CQTHTT thực hiện tốt và tuân thủ các quy định về trình tự thủ tục sẽ góp phần nâng cao hiệu quả của nguyên tắc tranh tụng, mọi kết quả đạt được trong các giai đoạn TTHS sẽ tạo nên một bản án, quyết định cuối cùng của TA. Bản án, quyết định của Tòa án phải căn cứ vào kết quả kiểm tra, đánh giá chứng cứ và kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Kết quả tranh tụng tại phiên tòa sẽ cho thấy trách nhiệm của CQTHTT thực hiện tới mức độ nào, đã hoàn thành nhiệm vụ của mình hay chưa?

* + 1. *Mối liên hệ với nguyên tắc bảo đảm quyền bào chữa của người bị buộc tội, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại, đương sự*

CQTHTT có trách nhiệm chứng minh tội phạm, khó tránh khỏi ý chí chủ quan chứng minh theo hướng có tội mà “quên” đi phải tìm cả những chứng cứ “gỡ tội” của người bị nghi ngờ. Các CQTHTT mà điển hình là CQĐT, VKS được coi là chủ thể “buộc tội” đại diện cho Nhà nước, pháp luật cũng quy định bên “gỡ tội” có thể là luật sư, trợ giúp viên pháp lý, bào chữa viên nhân dân, người đại diện hợp pháp của bị can, bị cáo… tham gia bào chữa cho người bị buộc tội nhằm đảm bảo sự công bằng và khách quan.

Quyền bào chữa của người bị buộc tội là nguyên tắc cơ bản còn là chế định quan trọng của Luật TTHS, mang ý nghĩa to lớn trong việc bảo đảm các quyền và lợi ích hợp pháp của bị can, bị cáo và bảo đảm tính khách quan trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên tắc này được thực thi tốt sẽ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị buộc tội, tránh xét xử oan sai. Nó đánh giá mức độ chứng minh tội phạm của CQTHTT trong VAHS.

Các CQTHTT có trách nhiệm tìm ra các chứng cứ buộc tội bị can, bị cáo để chứng minh rằng họ đã phạm một tội mà Bộ luật hình sự quy định, nhưng không phải cứ tìm ra chứng cứ buộc tội là bị can, bị cáo có tội. Pháp luật quy định nguyên tắc bảo đảm quyền bào chữa của người bị buộc tội, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại, đương sự nhằm đảm bảo quyền và lợi ích của họ, người bị buộc tội có thể tự mình bào chữa hoặc nhờ người khác bào chữa cho mình. Một trong những nội dung của nguyên tắc xác định sự thật của vụ án *Trách nhiệm chứng minh tội phạm thuộc về CQTHTT. Người bị buộc tội có quyền nhưng không buộc phải chứng minh là mình vô tội.* Như vậy, đã khẳng định rõ người bị tạm giam, tạm giữ, bị can, bị cáo có quyền được chứng minh mình vô tội, một trong những cơ sở để người bị tạm giam, tạm giữ, bị can, bị cáo thực hiện quyền bào chữa của mình.

* 1. **Khái quát về trách nhiệm chứng minh trong vụ án hình sự theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam**

Cơ sở lý luận của trách nhiệm chứng minh trong VAHS hình thành từ thời kỳ luật La Mã cổ đại Trách nhiệm chứng minh thuộc về người khẳng định, chứ không thuộc về người phủ định. Các CQTHTT khẳng định một người phạm tội, thì các cơ quan đó phải có trách nhiệm chứng minh. Người bị buộc tội là người phủ định mình không có tội, không có trách nhiệm chứng minh. Các CQTHTT trên cơ sở chức năng, quyền hạn của mình thực hiện nghĩa vụ chứng minh tội phạm.

Bộ Luật TTHS Việt Năm năm 1988 tại Điều 11 quy định *“ Trách nhiệm chứng minh tội phạm thuộc về CQTHTT. Bị can, bị cáo có quyền nhưng không buộc phải chứng minh mình vô tội”.* Trách nhiệm chứng minh tội phạm được chính thức ghi nhận trong nguyên tắc xác định sự thật của vụ án thể hiện sự phát triển về tư duy lập pháp và hoàn toàn phù hợp với pháp luật quốc tế về mô hình tố tụng. Mặt khác nguyên tắc xác định sự thật của vụ án có mối liên hệ mật thiết với nguyên tắc suy đoán vô tội được ghi nhận chính thức tại Điều 10 Bộ Luật TTHS năm 1988 “ *Không ai bị coi là có tội và phải chịu hình phạt khi chưa có bản án kết tội của TA có hiệu lực pháp luật*” được ghi nhận trong Hiến pháp 1992 tại Điều 72.

Kế thừa và phát triển tại Bộ luật TTHS năm 1988, nguyên tắc xác định sự thật của vụ án tiếp tục được khẳng định tại Điều 10:

CQĐT, VKS và Toà án phải áp dụng mọi biện pháp hợp pháp để xác định sự thật của vụ án một cách khách quan, toàn diện và đầy đủ, làm rõ những chứng cứ xác định có tội và chứng cứ xác định vô tội, những tình tiết tăng nặng và những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị can, bị cáo [36].

Trách nhiệm chứng minh tội phạm thuộc về các CQTHTT. Bị can, bị cáo có quyền nhưng không buộc phải chứng minh là mình vô tội.

So với Bộ Luật TTHS năm 1988 thì Bộ luật TTHS năm 2003 hầu như không có sự sửa đổi bổ sung gì về trách nhiệm chứng minh trong VAHS, trách nhiệm chứng minh vẫn thuộc về CQTHTT.

Bộ Luật TTHS năm 2015 góp phần cụ thể hóa nguyên tắc hiến địnhvà là cơ sở để tiến hành các giai đoạn tố tụng***.*** Hiến pháp năm 2013 quy định tại Điều 71: “…Nghiêm cấm mọi hình thức truy bức, nhục hình, xúc phạm danh dự, nhân phẩm của công dân” và Điều 72: “Không ai bị coi là có tội và phải chịu hình phạt khi chưa có bản án kết tội của TA đã có hiệu lực pháp luật ...”. Việc xác định sự thật phải được tiến hành do cán bộ tư pháp thuộc CQĐT, VKS và Toà án và chỉ được sử dụng những biện pháp hợp pháp. Tại Điều 15 Bộ luật TTHS năm 2015:

Trách nhiệm chứng minh tội phạm thuộc về cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Người bị buộc tội có quyền nhưng không buộc phải chứng minh là mình vô tội.

Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải áp dụng các biện pháp hợp pháp để xác định sự thật của vụ án một cách khách quan, toàn diện và đầy đủ, làm rõ chứng cứ xác định có tội và chứng cứ xác định vô tội, tình tiết tăng nặng và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của người bị buộc tội [39].

So với Bộ luật TTHS năm 1988 và 2003 thì Bộ luật TTHS năm 2015 đã có sự sửa đổi trong kỹ thuật trình bày điều luật, đưa trách nhiệm chứng minh lên đầu điều luật, chứng tỏ các nhà làm luật đã đề cao hơn trách nhiệm của CQTHTT trong quá trình chứng minh VAHS để tìm ra sự thật của vụ án. Nguyên tắc này đã loại trừ những trường hợp người tiến hành tố tụng lại sử dụng các biện pháp có khả năng xâm hại nghiêm trọng tới các quyền cơ bản của công dân để làm rõ sự thật của vụ án. Để đảm bảo một cách tối đa quyền lợi của người dân, CQTHTT phải có đầy đủ căn cứ chứng minh tội phạm, thể hiện qua bản án kết tội của TA mới có thể khẳng định là có tội. Do vậy, việc thực hiện đúng nguyên tắc xác định sự thật là cơ sở quan trọng nhất để khẳng định một người là có tội hay không có tội.

Khẳng định rằng nguyên tắc xác định sự thật của vụ án và các nguyên tắc khác trong Bộ luật TTHS đều là các nguyên tắc của Luật TTHS. Quan điểm của PGS.TS Trần Đình Nhã cho rằng việc sử dụng khái niệm các nguyên tắc của luật TTHS là sự nhầm lẫn, theo đó nguyên tắc cơ bản quy định trong luật TTHS là nguyên tắc của TTHS chứ không có nguyên tắc của luật TTHS. Theo PGS.TS Phạm Hồng Hải thì “Nguyên tắc tố tụng hình sự Việt Nam là những quan điểm, tư tưởng, đường lối của Đảng cộng sản Việt Nam, Nhà nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam về quá trình giải quyết vụ án hình sự đã được thể chế hoá trong BLTTHS mà các cơ quan tiến hành tố tụng, người tến hành tố tụng, người tham gia tố tụng, các cơ quan nhà nước, tổ chức xã hội và mọi công dân phải tuân theo”. Quan điểm của PGS.TSKH Lê Cảm và PGS.TS Nguyễn Ngọc Chí cho rằng những nguyên tắc được quy định trong Bộ luật TTHS là nguyên tắc của luật TTHS, bởi vì: Trong khoa học pháp lý và nhận thức chung của xã hội đã có sự phân biệt rạch ròi hai khái niệm “Tố tụng hình sự” và “Luật tố tụng hình sự”. Khái niệm “Tố tụng hình sự” được hiểu là toàn bộ hoạt động của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng và các cá nhân, cơ quan nhà nước, tổ chức xã hội nhằm giải quyết vụ án khách quan, toàn diện, nhanh chóng, chính xác và đúng pháp luật. Hoạt động TTHS mang tính khách quan tồn tại trong tất cả các xã hội có giai cấp và nhà nước, nó là đòi hỏi tất yếu của Nhà nước khi trừng trị người phạm tội. Khái niệm “Luật tố tụng hình sự” dùng để chỉ tổng hợp các qui phạm pháp luật của nhà nước điều chỉnh các quan hệ xã hội phát sinh trong quá trình giải quyết vụ án hình sự và như vậy, “Luật tố tụng hình sự” là một phạm trù chủ quan, là nhận thức hiện tượng khách quan của nhà làm luật. Bản thân các hoạt động tố tụng hình sự đã có những nguyên tắc (qui luật) cơ bản của nó (những qui luật tự thân của sự việc) hướng tới giải quyết vụ án khách quan, công bằng. Nhà làm luật, trên cơ sở nhận thức các qui luật khách quan đó ghi nhận trong các qui phạm pháp luật và trở thành những nguyên tắc của Luật TTHS [9, tr 239-241].

Quá trình xác định sự thật là một quá trình vô cùng phức tạp, khi giữa các giai đoạn đều có sự liên quan mật thiết với nhau. Khi có đủ căn cứ khẳng định có dấu hiệu của tội phạm thì mới có thể khởi tố vụ án, và đó chính là căn cứ để tiến hành các hoạt động điều tra. Kết quả điều tra chính là cơ sở để VKS quyết định truy tố bị can hoặc đình chỉ vụ án, đồng thời nó cũng là cơ sở để TA xét xử đúng người đúng tội. Việc xác định sự thật vụ án còn phụ thuộc vào những tình tiết, chứng cứ của vụ án đòi hỏi CQTHTT phải làm sáng tỏ.

CQTHTT, người tiến hành tố tụng phải tuân thủ các nguyên tắc: (1) Tuân thủ tuyệt đối nguyên tắc pháp chế xã hội chủ nghĩa. (2) Việc tiến hành thu thập chứng cứ phải khách quan, toàn diện, đầy đủ cả các chứng cứ buộc tội và chứng cứ gỡ tội. (3) Thẩm quyền thu thập chứng cứ chỉ và phải do CQĐT, VKS, TA thực hiện. (5) Tất cả các chứng cứ khi được phát hiện, thu giữ phải được ghi nhận vào văn bản tố tụng tương ứng, theo đúng quy định và thời hạn của pháp luật TTHS. (6) Việc thu thập chứng cứ phải được tiến hành kịp thời theo các yêu cầu đặt ra và đúng pháp luật [ 4, Tr.17]*.*

Nếu như việc xác định sự thật tại một trong các giai đoạn đó không được đảm bảo thì tất yếu nguyên tắc này sẽ không được thực hiện. Nguyên tắc xác định sự thật khách quan của vụ án là cơ sở pháp lý để cơ quan có thẩm quyền do  [Bộ luật TTHS](http://luatduonggia.vn/bo-luat-to-tung-hinh-su-so-19-2003-qh11-ngay-26-thang-11-nam-2003) quy định bao gồm CQĐT, VKS, TA có quyền áp dụng mọi biện pháp hợp pháp để xác định sự thật của vụ án một cách khách quan, toàn diện và đầy đủ nhằm làm rõ những chứng cứ xác định có tội, xác định vô tội, những tình tiết tăng nặng và những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị can, bị cáo. Ngoài ra nguyên tắc này cũng đặt ra nghĩa vụ đối với các cơ quan này không được thiên vị, cảm tình cá nhân, mà phải thu thập và đánh giá chứng cứ của vụ án trên tất cả các phương diện, cân nhắc kỹ mọi tình tiết có thể làm ảnh hưởng đến việc giải quyết đúng đắn vụ án. Từ đó, mọi tình tiết thu được trong quá trình điều tra, xét xử đều được đánh giá trên cơ sở pháp lý để rút ra kết luận về vụ án.

* 1. **Pháp luật của một số nước trên thế giới về trách nhiệm chứng minh trong vụ án hình sự**

##### Pháp luật TTHS Mỹ: Giai đoạn điều tra tội phạm được bắt đầu từ khi cảnh sát có cơ sở để tin rằng có sự kiện phạm tội xảy ra (từ khi vụ án chưa được khởi tố). Cảnh sát có thể tiến hành điều tra sơ bộ từ các nguồn thông tin sau đây: Từ tố giác của nạn nhân, từ sự phát hiện của công việc tuần tra hàng ngày của cảnh sát, từ những biểu hiện nghi vấn của một người nào mà cảnh sát biết được hoặc khi phát hiện thấy có dấu vết của tội phạm hoặc có cơ sở để tin rằng kẻ phạm tội đang chuẩn bị thực hiện tội phạm hoặc chắc chắn sẽ thực hiện việc phạm tội. Giai đoạn truy tố được thực hiện bắt đầu từ khi cơ quan cảnh sát chuyển các chứng cứ, hồ sơ phạm tội đến cơ quan công tố để xem xét có buộc được người bị tình nghi phạm một tội nào đó cụ thể không, điều luật nào được áp dụng và bao gồm những điểm nào. Nhiệm vụ của công tố viên là phải xét xem những chứng cứ mà cảnh sát đã thu thập và lưu giữ đã đủ để đáp ứng yêu cầu trong việc đưa vụ án hình sự ra xét xử chưa? Tiêu chuẩn đặt ra đối với các chứng cứ đã thu thập là phải đảm bảo tính hợp pháp, tính khách quan và tính liên quan. Các TA có chức năng xét xử khi một người bị cáo buộc vi phạm luật hình sự và buộc họ phải chịu: trách nhiệm hình sự. Điều này do các bồi thẩm đoàn hay thẩm phán quyết định. Mục đích của các TA là tìm kiếm công lý và phát hiện sự thật.Những vai chính tại TA là các công tố viên, luật sư biện hộ và các thẩm phán. Mô hình tố tụng Hoa Kỳ chủ yếu sử dụng án lệ, tuy nhiên tất cả thủ tục tố tụng đều phải tuân thủ nguyên tắc về TTHS của liên bang, của các bang, các nguyên tắc và quy định của các cơ quan Bộ Tư pháp và trên cơ sở quy định của Hiến pháp Hoa Kỳ, Luật nhân quyền, Hiến pháp các tiểu bang, tổng luật Hoa Kỳ, các đạo luật của các bang, các quyết định của các TA, nhất là các quy định của Hiến pháp về bảo đảm quyền của công dân: “Quyền của con người được đảm bảo về cá nhân, nhà cửa, giấy tờ và tài sản khỏi mọi sự khám xét và bắt giam, quyền này sẽ không bị vi phạm. Không một lệnh, trát nào được cấp nếu không có lý chính đáng căn cứ vào lời tuyên thệ hoặc xác nhận, đặc biệt cần miêu tả chính xác địa điểm khám xét, người và đồ vật bắt giữ" (Tu chính án số 4); “Không một ai bị buộc phải chịu trách nhiệm về một tội nghiêm trọng hay một trọng tội xấu xa khác nếu không có sự tường trình hay cáo trạng của bồi thẩm đoàn, những trường hợp xảy ra trong lục quân, hải quân hoặc trong lực lượng dự bị, khi đang thi hành công vụ trong thời chiến hoặc trong tình trạng xã hội gặp hiểm nguy. Không ai bị kết án hai lần về cùng một tội có nguy hại đến tính mạng và thân thể; không ai bị ép buộc phải làm chứng chống lại chính mình trong một VAHS và bị tước đoạt sinh mạng, tự do hoặc tài sản nếu không qua một quá trình xét xử theo đúng pháp luật; không một tài sản tư hữu nào bị trưng dụng vào việc công mà không được bồi thường thoả đáng” (Tu chính án số 5). Ở Mỹ có thủ tục cảnh báo Miranda: “Anh có quyền giữ im lặng và từ chối trả lời câu hỏi. Bất cứ điều gì anh nói cũng sẽ được dùng để chống lại anh trước tòa. Anh có quyền có luật sư trước khi khai báo với cảnh sát và luật sư sẽ hiện diện khi cảnh sát thẩm vấn anh. Nếu anh không thể tìm được luật sư, anh sẽ được cung cấp một luật sư trước khi trả lời các câu hỏi. Anh có thể trả lời câu hỏi khi không có luật sư, nhưng anh vẫn có quyền ngưng trả lời bất cứ lúc nào để chờ sự có mặt của luật sư”.

Trong pháp luật TTHS của Liên bang Nga cũng quy định tại khoản 2 Điều 16“ *Tòa án, Công tố viên và những người điều tra có trách nhiệm giải thích cho sự nghi ngờ của mình và cho quyền lợi của người bị buộc tội và phải bảo đảm cho họ khả năng tự bào chữa cho mình* [58]. Các chủ thể tham gia tố tụng trong pháp luật Nga bao gồm CQĐT, VKS, TA. CQĐT có trách nhiệm thu thập cả chứng cứ buộc tội lẫn chứng cứ gỡ tội. Theo Bộ luật năm 2001, VKS Nga có 3 chức năng trong lĩnh vực hình sự, đó là: Điều tra tội phạm; giám sát việc điều tra của các cơ quan điều tra và thực hành quyền công tố trước TA. Các KSV trong ban giám sát của VKS chịu trách nhiệm giám sát việc điều tra VAHS để đảm bảo các hoạt động điều tra hợp pháp và mang tính hiệu quả. TA ngoài nhiệm vụ xét xử thì Thẩm phán có trách nhiệm giám sát các hoạt động điều tra và bảo vệ các quyền cá nhân. Bên cạnh đó, vai trò của Thẩm phán trung lập hơn trong tiến trình tranh tụng trước Tòa. Người bị tình nghi, bị can, nạn nhân, các bên dân sự và đại diện họ cũng có quyền đệ trình yêu của mình lên ĐTV, Dự thẩm viên hoặc KSV và kiến nghị lên TA về những hành vi và quyết định tố tụng thích đáng để xác định các tình tiết thực tế của vụ án và để bảo đảm các quyền và lợi ích pháp lý. Bộ luật năm 2001 đòi hỏi Dự thẩm viên và ĐTV phải xem xét các yêu cầu, tạo điều kiện cho người bị tình nghi, bị can, nạn nhân, các bên dân sự và đại diện của họ có cơ hội trình bày, đưa nhân chứng, nhận kết luận của các chuyên gia pháp y, khoa học hình sự để chứng minh hoặc tiến hành các hoạt động điều tra khác nếu cần thiết. Khi những yêu cầu và kiến nghị như vậy được đưa ra trong giai đoạn điều tra sơ bộ thì chúng phải được quyết định ngay hoặc sau 3 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu hay kiến nghị. Quyết định từ chối những yêu cầu hay kiến nghị đó có thể bị VKS và TA xem xét lại, bị kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm hoặc xét lại quyết định mang tính giám sát. Trong giai đoạn tiền xét xử vai trò tố tụng thuộc về cơ quan VKS, cơ quan điều tra là những cơ quan có thẩm quyền tiến hành các hoạt động điều tra và áp dụng những biện pháp cưỡng chế nhà nước. Hoạt động của những cơ quan này là nội dung của chức năng buộc tội. Sự tham gia của VKS với tư cách là người buộc tội nhân danh nhà nước tại phiên tòa sơ thẩm là bắt buộc. Thẩm quyền của VKS phê chuẩn một số biện pháp cưỡng chế liên quan đến các quyền tự do hiến định của công dân nay được chuyển giao cho Tòa án.

**KẾT LUẬN CHƯƠNG I**

Qua tìm hiểu lý luận về trách nhiệm chứng minh trong vụ án hình sự thấy được quan hệ tố tụng là các quan hệ xã hội phát sinh trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án hình sự, do pháp luật TTHS điều chỉnh và một trong số các bên tham gia quan hệ này là CQTHTT, hoặc người THTT, hoặc người tham gia tố tụng. Chỉ riêng việc các quy định của Bộ luật TTHS làm phát sinh quan hệ tố tụng và các quy định ngoài Bộ luật TTHS liên quan đến hoạt động tố tụng cũng đang làm phức tạp thêm việc nhận diện quan hệ tố tụng và quan hệ liên quan, đồng thời với chúng là chủ thể của quan hệ tố tụng. mỗi khi đã được pháp luật thừa nhận là CQTHTT, người tiến hành tố tụng, thì cơ quan và những người này, trong phạm vi, thẩm quyền của mình có toàn quyền áp dụng pháp luật TTHS để thực hiện mục đích TTHS. Và các cơ quan, tổ chức, mọi công dân (kể cả người tham gia tố tụng) hoặc trở thành đối tượng tác động, hoặc trở thành đối tượng có trách nhiệm thực hiện yêu cầu, có trách nhiệm phối hợp với các CQTHTT, người tiến hành tố tụng.

Hoạt động chứng minh của các cơ quan tiên hành tố tụng có một vai trò quan trọng trong việc tìm ra sự thật của vụ án, đảm bảo truy tố đúng người, đúng tội, không làm oan người vô tội.

**CHƯƠNG II: NHỮNG QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT TỐ TỤNG HÌNH SỰ VIỆT NAM VỀ TRÁCH NHIỆM CHỨNG MINH TRONG VỤ ÁN HÌNH SỰ**

* 1. **Trong giai đoạn khởi tố, điều tra**
		1. *Giai đoạn khởi tố*

Giai đoạn khởi tố được bắt đầu từ khi nhận được các thông tin về tội phạm và kết thúc khi cơ quan có thẩm quyền THTT ban hành quyết định khởi tố VAHS. Là giai đoạn đầu tiên trong quá trình giải quyết vụ án nhưng có vai trò quan trọng đối với nhiệm vụ chống bỏ lọt tội phạm và chống làm oan người vô tội. Cùng với đó trách nhiệm của CQĐT giai đoạn này có ý nghĩa góp phần làm sáng tỏ sự thật vụ án. Quyết định khởi tố VAHS làm phát sinh quan hệ pháp luật TTHS giữa CQĐT và VKS do cùng giải quyết VAHS theo quy định của Bộ luật TTHS, đòi hỏi CQĐT và VKS phải thực hiện tốt trách nhiệm của mình theo đúng trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật TTHS. Trong giai đoạn này, CQĐT, VKS có trách nhiệm ghi nhận những thông tin ban đầu về tội phạm; kiểm tra, xác minh nguồn tin; xác định những căn cứ cần thiết để quyết định khởi tố VAHS. Nếu quyết định khởi tố VAHS sẽ là căn cứ cho việc mở ra các giai đoạn tiếp theo; nếu quyết định không khởi tố VAHS thì mọi hoạt động sẽ được chấm dứt tại đây, đình chỉ việc giải quyết vụ án. Ngoài ra, việc cơ quan có thẩm quyền ban hành các quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can còn giúp cho cơ quan có chức năng kiểm sát, giám sát hoạt động điều tra nắm được diễn biến tình hình tội phạm và công tác điều tra tội phạm để có thể đặt ra các yêu cầu trong công tác phòng ngừa, đấu tranh, truy tố, buộc tội người phạm tội, góp phần quan trọng trong công tác giữ gìn an ninh trật tự đất nước.

Kế thừa và phát triển các quy định của Bộ luật TTHS năm 1988, Bộ luật TTHS năm 2003, đã ghi nhận và quy định thủ tục khởi tố vụ án tương ứng với trách nhiệm của CQTHTT có thẩm quyền. cụ thể:

Quy định cụ thể nhiệm vụ giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố tại Điều 103 Bộ luật TTHS năm 2003.

CQĐT, VKS có trách nhiệm tiếp nhận đầy đủ mọi tố giác, tin báo về tội phạm do cá nhân, cơ quan, tổ chức và kiến nghị khởi tố do cơ quan nhà nước chuyển đến. VKS có trách nhiệm chuyển ngay các tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố kèm theo các tài liệu có liên quan đã tiếp nhận cho CQĐT có thẩm quyền[ 36].

Pháp luật quy định trách nhiệm tiếp nhận và giải quyết tin tố giác, tin báo tội phạm, kiến nghị khởi tố thuộc về CQĐT, VKS. Một trong những yêu cầu đặt ra đối với việc hoàn thiện thủ tục khởi tố VAHS là trách nhiệm giải quyết tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố. CQĐT được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố thuộc thẩm quyền điều tra của mình nhằm đảm bảo nguyên tắc “*phân công, phối hợp, kiểm soát quyền lực*”. Trong thời hạn 20 ngày kể từ khi nhận được tin báo về tội phạm hoặc kiến nghị khởi tố, CQĐT phải tiến hành xác minh, kiểm tra nguồn tin và ra quyết định khởi tố vụ án theo đúng quy định. VKS có trách nhiệm kiểm sát việc giải quyết tin báo tội phạm, kiến nghị khởi tố của CQĐT.

 Để khởi tố VAHS CQTHTT phải xác định được các dấu hiệu phạm tội, xác định các dấu hiệu phạm tội phải dựa trên các căn cứ tại Điều 100 Bộ luật TTHS năm 2003:

1. Tố giác của công dân;

2. Tin báo của cơ quan, tổ chức;

3. Tin báo trên các phương tiện thông tin đại chúng;

4. Cơ quan điều tra, VKS, TA, Bộ đội biên phòng, Hải quan, Kiểm lâm, lực lượng Cảnh sát biển và các cơ quan khác của Công an nhân dân, Quân đội nhân dân được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra trực tiếp phát hiện dấu hiệu của tội phạm;

5. Người phạm tội tự thú [36].

Khi chưa xác định được dấu hiệu của tội phạm thì việc tiến hành các hoạt động điều tra, áp dụng biện pháp cưỡng chế đối với người bị nghi thực hiện tội phạm có thể dẫn đến oan sai, vi phạm quyền dân chủ của công dân. Bộ luật TTHS năm 2003 đã quy định những căn cứ để khởi tố VAHS. Khi nhận được tin báo, tin tố giác về tội phạm, CQĐT phải tiến hành các biện pháp kiểm tra, xác minh như: Tiến hành kiểm tra giấy tờ tùy thân; Yêu cầu công dân, tổ chức cung cấp các thông tin cần thiết, giải thích rõ sự việc; trong trường hợp cần thiết phải tiến hành khám nghiệm hiện trường và tiến hành các biện pháp khác theo quy định của pháp luật để xác minh dấu hiệu tội phạm....Tất cả các dấu hiệu của tội phạm cần phải được kiểm tra kỹ để xác định căn cứ khởi tố VAHS.

Trách nhiệm khởi tố VAHS được giao cho CQĐT, VKS, TA. Theo đó CQĐT có trách nhiệm ra quyết định khởi tố VAHS khi xác định có dấu hiệu phạm tội, tức là xác định tính nguy hiểm cho xã hội, tính có lỗi, tính trái pháp luật hình sự và tính phải chịu hình phạt. Xác định các cấu thành tội phạm bao gồm: Chủ thể của tội phạm, khách thể của tội phạm,mặt khách quan của tội phạm, mặt chủ quan của tội phạm khi có đủ các căn cứ theo luật định. VKS quyết định khởi tố VAHS trong trường hợp VKS huỷ bỏ quyết định không khởi tố vụ án của CQĐT và trong trường hợp Hội đồng xét xử yêu cầu khởi tố vụ án theo Điều 104 Bộ luật TTHS năm 2003. Việc khởi tố vụ án được giao cho CQĐT ra quyết định; sau khi có quyết định khởi tố vụ án thì chuyển cho VKS để VKS thực hiện kiểm sát việc khởi tố. Đối với quyết định khởi tố bị can, CQĐT ra quyết định và phải được VKS cùng cấp phê chuẩn. Quy định như vậy trên thực tế VKS không nắm được hết việc khởi tố của CQĐT do những bất cập trong tiếp nhận và xử lý thông tin tội phạm. Theo quy định tại Điều 103 của Bộ luật TTHS, VKS phải thống kê được mỗi năm, CQĐT tiếp nhận được bao nhiêu tố giác, tin báo về tội phạm. Nhưng chính VKS lại không thống kê được mỗi năm, CQĐT các cấp tiếp nhận được bao nhiêu tố giác, tin báo về tội phạm. Điều này không chỉ ảnh hưởng đến việc ra quyết định khởi tố hay không khởi tố VAHS, mà còn ảnh hưởng đến việc nắm bắt tình hình tội phạm diễn ra như thế nào của VKS.

Tại Điều 13 của Bộ luật TTHS quy định: “ Khi phát hiện có dấu hiệu tội phạm thì Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Toà án trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm khởi tố vụ án”. Khởi tố vụ án được giao cho cả TA, TA chỉ có chức năng xét xử để xác định sự buộc tội của VKS đúng hay không đúng đối với người phạm tội. Giao trách nhiệm khởi tố VAHS cho TA sẽ làm ảnh hưởng đến cả quá trình tố tụng, không chỉ giai đoạn chuẩn bị xét xử (bằng việc trả hồ sơ để điều tra bổ sung), mà còn ngay tại phiên tòa xét xử, Hội đồng xét xử gần như hoàn toàn nghiêng về bên buộc tội mà quên đi chức năng của mình là xét xử.

***Tóm lại***, trong giai đoạn khởi tố VAHS:

 **CQĐT** có trách nhiệm tiếp nhận và giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố. Tiến hành một số hoạt động điều tra phải kiểm tra, xác minh và ra một trong các quyết định: Quyết định khởi tố VAHS; Quyết định không khởi tố VAHS; Quyết định tạm đình chỉ việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố.

**VKS** thực hành quyền công tố, kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong việc khởi tố VAHS, bảo đảm mọi tội phạm được phát hiện đều phải được khởi tố, việc khởi tố vụ án có căn cứ và hợp pháp. Trách nhiệm tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố chuyển cho CQĐT; Kiểm sát việc tiếp nhận, trực tiếp kiểm sát, kiểm sát việc kiểm tra, xác minh và việc lập hồ sơ giải quyết nguồn tin về tội phạm của CQĐT, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra; kiểm sát việc tạm đình chỉ việc giải quyết nguồn tin về tội phạm; kiểm sát việc phục hồi giải quyết nguồn tin về tội phạm….

Trong giai đoạn này, CQĐT và VKS có trách nhiệm phối hợp trong việc tiếp nhận giải quyết tin báo tội phạm thể hiện thông qua công tác xử lý nguồn tin báo tội phạm. Nếu nguồn tin báo tội phạm mà CQĐT trực tiếp nhận được thì phải tiến hành kiểm tra, xác minh ngay và thông báo kết quả giải quyết tin báo tội phạm cho cơ quan, tổ chức cá nhân đã tố giác tội phạm biết, đồng thời kết quả đó cũng được CQĐT thông báo bằng văn bản gửi cho VKS. Đồng thời VKS có trách nhiệm kiểm sát việc xử lý nguồn tin báo tội phạm của CQĐT. Trường hợp VKS trực tiếp tiếp nhận nguồn tin báo tội phạm thì có trách nhiệm chuyển ngay nguồn tin báo đó kèm các tài liệu có liên quan đến CQĐT có thẩm quyền để điều tra xác minh.

* + 1. *Giai đoạn Điều tra*

Điều tra tội phạm là giai tiếp theo trong quá trình TTHS, giữ vai trò rất quan trọng trong TTHS. Giai đoạn này kéo dài, rất phức tạp và có ý nghĩa chi phối cả tiến trình tố tụng. Đặt giai đoạn điều tra trong mối quan hệ với các hoạt động tố tụng khác. Hoạt động điều tra là một công cụ, phương tiện khám phá tội phạm, có bản chất và nội hàm của hoạt động nhận thức. Để nâng cao hiệu quả thực tiễn của cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm đòi hỏi chủ thể phải nhận thức đúng bản chất, tuân thủ những quy luật hoạt động nhận thức trong việc áp dụng các hoạt động điều tra trong thực tiễn [17]. Chính vì vậy trách nhiệm của các CQTHTT giai đoạn này có ý nghĩa vô cùng quan trọng để làm sáng tỏ vụ án.

Quá trình chứng minh trong VAHS bắt đầu từ khi có quyết định khởi tố vụ án bao gồm nhiều hoạt động khác nhau của các cơ quan có thẩm quyền THTT khác nhau như: Hoạt động điều tra, hoạt động truy tố và hoạt động xét xử. Mỗi hoạt động này đều hàm chứa các hành vi tố tụng khác nhau. Hoạt động điều tra với tính chất là một giai đoạn tố tụng hình sự do CQĐT tiến hành và bao gồm các hành vi tố tụng đặc trưng như: Khởi tố bị can và hỏi cung bị can; Bắt tạm giam bị can, khám xét, thu giữ, tạm giữ, kê biên tài sản; Lấy lời khai của người làm chứng, người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án; Đối chất và nhận dạng… nhằm làm rõ đối tượng chứng minh trong giai đoạn điều tra. Hoạt động truy tố do VKS tiến hành thể hiện quyền giám sát hoạt động của CQĐT và thực hành quyền công tố tại phiên tòa, đặc trưng bởi những hành vi tố tụng như: Nghiên cứu hồ sơ, nghiên cứu bản kết luận điều tra, viết bản cáo trạng và truy tố bị can trước TA. Hoạt động xét xử do TA tiến hành là hoạt động mang tính quyết định cuối cùng nhằm xác định tội phạm, người phạm tội và áp dụng các hình phạt tương ứng theo quy định của pháp luật. Hoạt động xét xử bao gồm các hành vi tố tụng cụ thể như: Xét hỏi bị cáo, hỏi người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự và những người tham gia tố tụng khác, xem xét vật chứng; Tranh luận tại phiên tòa; Nghị án; Tuyên án… Tất cả những hành vi tố tụng cụ thể đó nhằm đến một mục đích cuối cùng và cao nhất đó là chứng minh chân lý khách quan của VAHS. Hoạt động này cần được tiến hành theo đúng trình tự, thủ tục do Bộ luật TTHS hiện hành quy định và tuân thủ một số nguyên tắc nhất định: Nguyên tắc đảm bảo pháp chế; Nguyên tắc không ai bị coi là có tội khi chưa có bản án kết tội của TA đã có hiệu lực pháp luật; Nguyên tắc xác định sự thật của vụ án; Nguyên tắc đảm bảo quyền bào chữa của người bị tạm giam, bị can, bị cáo; Nguyên tắc đảm bảo tính vô tư của người tiến hành hoặc người tham gia tố tụng…

Giai đoạn này là giai đoạn khởi đầu của quá trình chứng minh làm tiền đề cho các giai đoạn tiếp theo. Trong giai đoạn này, CQĐT, VKS có quyền sử dụng các biện pháp điều tra, các nguồn chứng cứ khác nhau để chứng minh. Để điều tra vụ án, Điều tra viên, Kiểm sát viên phải đưa nhiều giả thiết khác nhau và mỗi giả thiết đều phải được chứng minh để loại trừ hay xác định để đưa đến kết luận về vụ án.

Trong bất kỳ VAHS nào, vấn đề đầu tiên đặt ra cho các chủ thể có thẩm quyền THTT phải xác định được những vấn đề cần phải chứng minh trong VAHS để từ đó có hướng thu thập chứng cứ. Vậy thì, CQTHTT có trách nhiệm chứng minh những gì trong VAHS:

*Thứ nhất, phải xác định được đối tượng cần chứng minh trong VAHS*

Khi vụ việc có dấu hiệu phạm tội xảy ra, đòi hỏi quá trình điều tra phải làm rõ các vấn đề như: Sự việc xảy ra có phải là sự kiện phạm tội không? Ai là người thực hiện tội phạm? Lỗi của người phạm tội? Các tình tiết tăng nặng hay giảm nhẹ trách nhiệm hình sự? ... Làm sáng tỏ tất cả những vấn đề đó tạo cơ sở để kết luận về vụ án chính là mục đích của những hoạt động chứng minh, mục đích này do pháp luật quy định. Bởi vậy, những tình tiết bắt buộc phải được xác định trong tất cả các VAHS mà khoa học pháp lý gọi là đối tượng chứng minh được quy định cụ thể tại Điều 63 của Bộ luật TTHS năm 2003 như sau:

Điều 63. Những vấn đề phải chứng minh trong VAHS

Khi điều tra, truy tố và xét xử VAHS, Cơ quan điều tra, VKS và Toà án phải chứng minh:

1. Có hành vi phạm tội xảy ra hay không, thời gian, địa điểm và những tình tiết khác của hành vi phạm tội;

2. Ai là người thực hiện hành vi phạm tội; có lỗi hay không có lỗi, do cố ý hay vô ý; có năng lực trách nhiệm hình sự hay không; mục đích, động cơ phạm tội;

3. Những tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị can, bị cáo và những đặc điểm về nhân thân của bị can, bị cáo;

4. Tính chất và mức độ thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra [36].

Trên cơ sở quy định tại Điều 63 thì CQTHTT có trách nhiệm chứng minh những vấn đề sau:

Vấn đề thứ nhất: Đối tượng chứng minh thuộc về bản chất của vụ án hay còn gọi là các yếu tố cấu thành tội phạm, bao gồm: Mặt khách quan của tội phạm (Có hành vi phạm tội xảy ra; Thời gian, địa điểm thực hiện tội phạm; Công cụ, phương tiện và thủ đoạn phạm tội); Khách thể của tội phạm; Chủ thể của tội phạm; Mặt chủ quan của tội phạm (Lỗi; Động cơ, mục đích phạm tội).

Vấn đề thứ 2: Đối tượng chứng minh có ảnh hưởng đến trách nhiệm hình sự và hình phạt gồm tính chất và mức độ thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra; Những tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị can, bị cáo; Những đặc điểm về nhân thân của bị can, bị cáo.

Vấn đề thứ ba: Đối tượng chứng minh là những tình tiết khác có ý nghĩa đối với việc giải quyết vụ án.

Trong giai đoạn điều tra, tội phạm và người thực hiện hành vi phạm tội là những vấn đề cơ bản cần phải làm rõ trong VAHS. Khi ra quyết định khởi tố vụ án, cơ quan có thẩm quyền khởi tố dựa trên cơ sở nguồn tin ban đầu về tội phạm gửi tới nên mới chỉ có điều kiện xác định có dấu hiệu của tội phạm, còn cụ thể diễn biến của tội phạm ra sao, người nào thực hiện hành vi phạm tội, có đủ yếu tố cấu thành tội phạm hay không vẫn chưa được làm rõ. Tất cả những vấn đề này thuộc về nhiệm vụ của giai đoạn điều tra. Trong giai đoạn điều tra, CQĐT phải thu thập đầy đủ chứng cứ để xác định có hay không có việc phạm tội, đối chiếu với Bộ luật hình sự xem hành vi phạm tội đó thuộc điều khoản nào; Phải xác định tất cả tội đối với người thực hiện hành vi để không bỏ lọt tội phạm và không làm oan người vô tội. Khi xác định được có tội phạm xảy ra, CQĐT phải làm rõ ai là người thực hiện hành vi phạm tội; Lỗi của họ trong việc thực hiện tội phạm; Động cơ, mục đích phạm tội…..

*Thứ hai, xác định giới hạn chứng minh trong VAHS*

Giới hạn chứng minh được hiểu là ranh giới của việc thu thập và nghiên cứu những tình tiết có ý nghĩa đối với vụ án. Như vậy, xác định giới hạn chứng minh chính là xác định ranh giới của việc thu thập và nghiên cứu những tình tiết đó ở mức độ đủ để đảm bảo cho việc giải quyết vụ án theo đúng yêu cầu của pháp luật. Điều 10 Bộ luật TTHS năm 2003 quy định nguyên tắc chung, điều chỉnh hoạt động chứng minh, xác định sự thật của vụ án: *“*CQĐT, VKS và TA phải áp dụng mọi biện pháp hợp pháp để xác định sự thật của vụ án một cách khách quan, toàn diện và đầy đủ, làm rõ những chứng cứ xác định có tội và những chứng cứ xác định vô tội*”*. Trong hoạt động điều tra, CQĐT, VKS phải xác định cần chứng minh những vấn đề gì. Xác định đúng đối tượng chứng minh sẽ đảm bảo tính toàn diện cho hoạt động chứng minh của các chủ thể THTT nhưng để đảm bảo tính đầy đủ của hoạt động này thì phải xác định được giới hạn chứng minh. Đây lại là vấn đề phức tạp bởi đằng sau mỗi tình tiết lại có một hệ thống riêng những chứng cứ và nguồn của chúng. Tổng kết thực tiễn điều tra cho thấy, những sai sót, lệch lạc trong việc điều tra vụ án cũng thường bắt nguồn từ việc không xác định đúng giới hạn chứng minh. Điều đó được thể hiện dưới hai dạng: xác định giới hạn chứng minh quá hẹp dẫn đến không đủ chứng cứ để làm rõ những tình tiết của vụ án và xác định giới hạn chứng minh quá rộng ngoài mức cần thiết dẫn đến thừa chứng cứ. Nếu việc xác định quá rộng hay quá hẹp những vấn đề cần phải chứng minh đều ảnh hưởng đến hiệu quả của quá trình chứng minh. Việc xác định phạm vi quá rộng thì khi chứng minh sẽ không tập trung, không nghiên cứu được một cách kỹ lưỡng các tình tiết cũng như không tập hợp các tình tiết đó thành một hệ thống hoàn chỉnh gây lãng phí thời gian, tốn kém công sức... Việc xác định phạm vi quá hẹp thì lại dẫn đến chứng minh không đầy đủ và toàn diện, bỏ sót các tình tiết của vụ án mà không được biết đến dẫn đến tình trạng oan, sai và bỏ lọt tội phạm xảy ra. Cả hai dạng trên đây đều làm ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án. Vì vậy, việc xác định đúng đắn những vấn đề cần phải chứng minh và giới hạn chứng minh có một vai trò vô cùng quan trọng góp phần giải quyết đúng đắn VAHS, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của Nhà nước pháp quyền [21, tr38].

Bộ luật TTHS hiện hành chưa có điều luật riêng quy định về giới hạn chứng minh trong TTHS. Khoản 1 Điều 66 BLTTHS năm 2003 về đánh giá chứng cứ có quy định nội dung liên quan đến giới hạn chứng minh như sau: “Việc xác định các chứng cứ thu thập được phải bảo đảm đủđể đảm bảo giải quyết VAHS”. Tuy nhiên, “đủ” là một khái niệm định tính, trừu tượng. Nếu quy định của pháp luật về đối tượng chứng minh đặt ra những tình tiết mà chủ thể chứng minh buộc phải làm sáng tỏ trong quá trình chứng minh VAHS, thì quy định về giới hạn chứng minh yêu cầu các chủ thể chứng minh phải làm sáng tỏ các tình tiết ấy đến mức độ cần thiết đủ để đảm bảo giải quyết vụ án theo đúng yêu cầu của pháp luật… Hơn nữa, bản thân mỗi chứng cứ có giá trị chứng minh khác nhau, có khả năng làm sáng tỏ khác nhau những tình tiết của vụ án. Cho nên, đối với mỗi vụ án khác nhau đòi hỏi số lượng chứng cứ khác nhau để làm sáng tỏ một tình tiết nhất định thuộc đối tượng chứng minh hoặc toàn bộ những vấn đề cần phải chứng minh trong vụ án

Khi xác định giới hạn chứng minh thì vấn đề về số lượng chứng cứ cần phải thu thập, nghiên cứu để có thể khẳng định những tình tiết thuộc đối tượng chứng minh đã đủ chứng cứ xác định, chứng minh được đề cập. Đây là một vấn đề tương đối phức tạp trong cả lý luận và thực tiễn giải quyết vụ án. Việc đưa ra công thức xác định giới hạn chứng minh mang tính khuôn mẫu cho tất cả trường hợp là điều không thể. Để giải quyết vấn đề này, các ĐTV, KSV chỉ có thể dựa vào tổng thể những quy định của pháp luật hình sự và luật TTHS, kết hợp với niềm tin nội tâm, ý thức pháp luật để xác định những chứng cứ cần thiết phải được thu thập và nghiên cứu, đánh giá trong mỗi vụ án cụ thể đạt yêu cầu xác định khách quan, toàn diện, đầy đủ các tình tiết của vụ án trong quá trình điều tra, giải quyết các VAHS. Vì vậy, chúng ta không thể xác định được một số lượng chứng cứ cụ thể giúp làm sáng tỏ một tình tiết nào đó thuộc đối tượng chứng minh để áp dụng chung cho tất cả các vụ án [ 20, tr39].

 Việc xác định chính xác giới hạn chứng minh có ý nghĩa vô cùng quan trọng, là cơ sở để CQĐT ban hành các quyết định tố tụng, đồng thời là điều kiện đảm bảo tính đúng đắn của các quyết định tố tụng đó. Trường hợp xác định các chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã “đủ” để chứng minh các tình tiết thuộc đối tượng chứng minh của vụ án thì CQĐT ra kết luận điều tra đề nghị truy tố để giải quyết vụ án. Ngược lại, CQĐT kết luận điều tra và quyết định đình chỉ vụ án theo Điều 164 Bộ luật TTHS năm 2003. Do đó, trách nhiệm của ĐTV, KSV trong giai đoạn điều tra là vô cùng quan trọng. Hoạt động chứng minh trong giai đoạn điều tra VAHS mang tính định hướng, quyết định trong toàn bộ quá trình giải quyết VAHS. Hầu hết các chứng cứ của vụ án đều được thu thập ở giai đoạn này, kể cả chứng cứ buộc tội và gỡ tội.

Vì vậy, trong TTHS, CQTHTT có trách nhiệm xác định tất cả những vấn đề phải chứng minh trong vụ án. Nhưng cần bao nhiêu chứng cứ đủ để chứng minh một vấn đề cụ thể thì pháp luật chưa quy định và rất khó để quy định vấn đề này. Bộ luật TTHS nước ta chỉ mới quy định những vấn đề phải chứng minh, chưa quy định cụ thể về giới hạn chứng minh ở một điều luật cụ thể. Pháp luật TTHS chỉ đưa ra nguyên tắc chung mang tính định hướng cho các chủ thể THTT ở những hoạt động điều tra, truy tố, xét xử. Do đó, pháp luật tố tụng hình sự cần có quy định cụ thể về giới hạn chứng minh.

Khi đã xác định được những vấn đề cần chứng minh trong VAHS thì cũng là lúc đưa ra được định hướng thu thập chứng cứ để chứng minh theo những vấn đề cần phải chứng minh trong VAHS. Vấn đề chứng cứ để chứng minh đặt ra các yêu cầu đối với CQTHTT như sau:

*Một là, Thu thập chứng cứ*

Điều 64 Bộ luật TTHS năm 2003 quy định*“*Chứng cứ là những gì có thật, được thu thập theo trình tự, thủ tục do Bộ luật này quy định mà CQĐT, VKS và TA dùng làm căn cứ để xác định có hay không có hành vi phạm tội, người thực hiện hành vi phạm tội cũng như những tình tiết khác cần thiết cho việc giải quyết đúng đắn vụ án*”.*  Thu thập chứng cứ là hoạt động đầu tiên, có ý nghĩa quan trọng đối với toàn bộ quá trình chứng minh tội phạm, cũng như trong giai đoạn điều tra VAHS. Để chứng minh được VAHS thì trách nhiệm đầu tiên của CQĐT, VKS là phải thu thập chứng cứ được pháp luật tố tụng hình sự quy định được hiểu là thu thập nguồn chứng cứ hoặc thu thập ngay chính chứng cứ. Điều 65 Bộ luật TTHS năm 2003 quy định:

Để thu thập chứng cứ, Cơ quan điều tra, VKS và Toà án có quyền triệu tập những người biết về vụ án để hỏi và nghe họ trình bày về những vấn đề có liên quan đến vụ án, trưng cầu giám định, tiến hành khám xét, khám nghiệm và các hoạt động điều tra khác theo quy định của Bộ luật này; yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp tài liệu, đồ vật, trình bày những tình tiết làm sáng tỏ vụ án [36].

 Thu thập chứng cứ là việc cơ quan có thẩm quyền áp dụng các biện pháp và phương pháp theo quy định của pháp luật để phát hiện, ghi nhận, thu giữ và bảo quản các thông tin, tài liệu, đồ vật có liên quan đến vụ án phục vụ cho việc giải quyết vụ án. Kết quả của giai đoạn này có ảnh hưởng lớn đến chất lượng công tác giải quyết VAHS. Số lượng, chất lượng của các chứng cứ được thu thập sẽ tạo điều kiện thuận lợi hoặc ngược lại, gây khó khăn cho việc điều tra vụ án và toàn bộ quá trình giải quyết vụ án trong thực tiễn. Các CQĐT, VKS cần phải tập trung, chú trọng đến giai đoạn này. Để chứng minh, CQĐT, VKS phải thu thập, kiểm tra, đánh giá chứng cứ. Đặc biệt, trong giai đoạn điều tra, ĐTV, KSV tập trung nhiều hơn cho việc thu thập chứng cứ. Thiếu các chứng cứ quan trọng trong giai đoạn điều tra là một trong những căn cứ để VKS, TA trả hồ sơ để điều tra bổ sung.

*Hai là, kiểm tra, đánh giá chứng cứ*

Đánh giá chứng cứ là hoạt động nhận thức, đây là một giai đoạn phức tạp của hoạt động chứng minh được cơ quan THTT và người THTT được thực hiện, tiến hành liên tục, xuyên suốt quá trình chứng minh VAHS, nhằm sử dụng kết quả đánh giá vào từng giai đoạn khác nhau trong quá trình nhận thức khách quan. Quy định của pháp luật tố tụng hình sự về đánh giá chứng cứ cũng thể hiện phần nào nội dung của hoạt động kiểm tra chứng cứ chưa được quy định cụ thể.

Hoạt động đánh giá chứng cứ được quy định tại Điều 66 BLTTHS năm 2003 như sau:

1. Mỗi chứng cứ được đánh giá để xác định tính hợp pháp, xác thực và liên quan đến vụ án. Việc xác định các chứng cứ thu thập được phải bảo đảm đủ để giải quyết VAHS.

2. Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán và Hội thẩm xác định và đánh giá mọi chứng cứ với đầy đủ tinh thần trách nhiệm, sau khi nghiên cứu một cách tổng hợp, khách quan, toàn diện và đầy đủ tất cả tình tiết của vụ án” [36].

Sau khi thu thập chứng cứ, Điều tra viên tiến hành kiểm tra, đánh giá chứng cứ thông qua hoạt động nghiên cứu hồ sơ. Kết quả kiểm tra, đánh giá toàn bộ chứng cứ có trong hồ sơ là căn cứ để CQĐT ban hành một trong các quyết định: Bản kết luận điều tra đề nghị truy tố hoặc Bản kết luận điều tra và quyết định đình chỉ điều tra. Theo quy định tại Điều 66 Bộ luật TTHS năm 2003 đã đề cập đến hoạt động đánh giá chứng cứ với những nội dung cơ bản sau:

Chủ thể có thẩm quyền đánh giá chứng cứ ở giai đoạn điều tra VAHS: Theo quy định của Khoản 2 Điều 66 thì chủ thể có quyền đánh giá chứng cứ là ĐTV, KSV. Trong hoạt động đánh giá chứng cứ, các chủ thể khác nhau cũng có những đặc trưng khác nhau và tuân thủ một số quy định mang tính nguyên tắc. Hoạt động đánh giá của ĐTV, KSV vẫn có sự phụ thuộc vào ý chí của lãnh đạo cơ quan theo nguyên tắc thủ trưởng và chịu sự phụ thuộc vào ý chí của VKS trong hoạt động điều tra. - Các bước của hoạt động đánh giá chứng cứ: Theo quy định tại Điều 66 Bộ luật TTHS năm 2003 thì với mỗi chứng cứ phải tiến hành theo các bước, đánh giá từng chứng cứ và đánh giá tổng thể, toàn diện mọi chứng cứ trong mối quan hệ với nhau ở mỗi VAHS. Việc tiến hành đánh giá chứng cứ đảm bảo một cách tổng hợp, khách quan, toàn diện và đầy đủ. Đánh giá từng chứng cứ để có thể xác định tính khách quan, tính liên quan và tính hợp pháp của mỗi chứng cứ trong vụ án. Đánh giá tổng hợp chứng cứ sau khi đánh giá xong từng chứng cứ trong mối liên hệ chặt chẽ với nhau. Việc đánh giá chứng cứ nhằm xác định đúng đắn giới hạn chứng minh và kết luận về những vấn đề của vụ án.

Yêu cầu, đòi hỏi đối với việc đánh giá chứng cứ:

Thứ nhất, mỗi chứng cứ phải đáp ứng đầy đủ và đạt được yêu cầu chứng minh. Theo Khoản 1 Điều 66 Bộ luật TTHS thì “Mỗi chứng cứ được đánh giá để xác định tính hợp pháp, xác thực và liên quan đến vụ án. Việc xác định các chứng cứ thu thập được phải bảo đảm đủ để giải quyết VAHS”. Việc chứng cứ thu thập được phải đáp ứng, đảm bảo các yêu cầu này nhằm tăng giá trị chứng minh cho các chứng cứ và giúp xác định được giới hạn chứng minh trong các VAHS, tạo điều kiện cho việc giải quyết đúng đắn VAHS.

Thứ hai, đánh giá chứng cứ phải toàn diện, đầy đủ và khách quan. Theo quy định tại Khoản 2 Điều 66 Bộ luật TTHS thì các chứng cứ phải được *“*nghiên cứu một cách tổng hợp, khách quan, toàn diện và đầy đủ tất cả tình tiết của vụ á*n*”. Ngoài ra, các chứng cứ phải được đánh giá trong mối quan hệ tổng hợp, hệ thống với các chứng cứ khác.

Thứ ba, đây là yêu cầu đặt ra với các CQĐT, ĐTV tiến hành hoạt động đánh giá chứng cứ. Các chủ thể này phải đánh giá chứng cứ với tinh thần trách nhiệm và chuyên môn cao. Các chứng cứ phải được đánh giá một cách khách quan, trung thực và dựa vào niềm tin nội tâm trên cơ sở ý thức pháp luật của các chủ thể tiến hành đánh giá chứng cứ.

Trong quá trình điều tra VAHS, CQĐT, VKS có thể được lực lượng trinh sát cung cấp một lượng thông tin tương đối lớn các thông tin về thủ phạm gây án, diễn biến tâm lý bất thường của bị can, nơi cất giấu vũ khí, phương tiện gây án, tài sản bị chiếm đoạn, nội dung các cuộc trao đổi, đàm thoại giữa các đối tượng nghi vấn… Các tin tức, tài liệu này được lực lượng trinh sát thu thập thông qua việc áp dụng các biện pháp nghiệp vụ trinh sát. Theo tinh thần của Điều 64 BLTTHS năm 2003 và lý luận TTHS thì một tình tiết chỉ được coi là chứng cứ của vụ án khi nó đồng thời có đầy đủ 3 thuộc tính: tính khách quan, tính liên quan và tính hợp pháp. Do đó, các tin tức, tài liệu này không thể coi là chứng cứ của vụ án khi nó chưa được chuyển hóa thành chứng cứ TTHS bằng việc tiến hành các biện pháp điều tra phù hợp được quy định tại Bộ luật TTHS năm 2003. Vì vậy, khi đánh giá các thông tin đã được thu thập trong giai đoạn điều tra VAHS, CQĐT, VKS cần chú ý đến thực tế này để có biện pháp xử lý phù hợp.

Thu thập chứng cứ là hoạt động chính, được tập trung nhiều nhất ở giai đoạn điều tra để chứng minh tội phạm. Nhưng hoạt động kiểm tra và đánh giá chứng cứ ở giai đoạn này cũng được ĐTV, KSV tiến hành cẩn thận, khẩn trương, đúng quy định của pháp luật, những chứng cứ của vụ án được thu thập đầy đủ, đảm bảo tính hợp pháp, tính liên quan, tính khách quan không làm oan người vô tội, không bỏ lọt tội phạm.

Như vậy, ở giai đoạn điều tra VAHS, kiểm tra và đánh giá chứng cứ là một hoạt động tư duy và thực tiễn phức tạp nhưng lại có ảnh hưởng rất lớn đến tính có căn cứ của các quyết định tố tụng của các chủ thể chứng minh. Tuy nhiên, hiện nay, hai hoạt động này vẫn chưa được pháp luật tố tụng hình sự phân biệt rõ ràng. Bên cạnh đó, kiểm tra chứng cứ là hoạt động không thể thiếu trong quá trình chứng minh VAHS nói chung cũng như trong giai đoạn điều tra VAHS nói riêng. Tuy nhiên, Bộ luật TTHS chưa có quy định cụ thể về khái niệm hoạt động kiểm tra chứng cứ, cũng như chủ thể, phương pháp tiến hành hoạt động này. Những thiếu sót đó của pháp luật tố tụng hình sự ảnh hưởng rất lớn đến hiệu quả của hoạt động chứng minh trong giai đoạn điều tra cũng như toàn bộ quá trình giải quyết VAHS, do đó rất cần nghiên cứu để hoàn toàn.

Thu thập, kiểm tra, đánh giá chứng cứ là việc cần phải làm của các CQTHTT, là quá trình chứng minh những vấn đề cần phải chứng minh trong VAHS trên cở sở đó các chủ thể tố tụng mới đưa ra các quyết định tố tụng phù hợp với từng giai đoạn tố tụng khi thực hiện nhiệm vụ của mình. Đối với giai đoạn điều tra VAHS khi đã thu thập, kiểm tra, đánh giá đầy đủ các chứng cứ có liên quan đến VAHS, khi đó có đủ căn cứ để CQĐT, VKS ra một trong các quyết định tố tụng như tạm đình chỉ điều tra (Điều 160 Bộ luật TTHS năm 2003); Bản kết luận điều tra (điều 162); Đề nghị truy tố (Điều 163); Đình chỉ điều tra (Điều 164).

VKS sau khi nhận được bản kết luận điều tra cùng hồ sơ vụ án mà CQĐT chuyển sang thì có trách nhiệm xem xét, nghiên cứu hồ sơ. Trong quá trình nghiên cứu hồ sơ vụ án mà có những vấn đề chưa rõ thì VKS yêu cầu CQĐT báo cáo thêm.

Trong giai đoạn khởi tố VAHS quan hệ giữa CQĐT và VKS trong giai đoạn khởi tố VAHS được thể hiện rõ trong các quy định Bộ luật TTHS hiện hành về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mỗi ngành. Quan hệ đó vừa có chức năng phối hợp, tác động hỗ trợ vừa có chức năng giám sát, kiềm chế lẫn nhau để loại trừ những khiếm khuyết, sai phạm có thể xảy ra trong hoạt động TTHS, đảm bảo mọi hành vi phạm tội phải được phát hiện xử lý kịp thời, tránh làm oan người vô tội và không bỏ lọt tội phạm. Sự đan xen đó thể hiện trong từng chế định TTHS quy định về nhiệm vụ, chức năng, quyền hạn của từng CQTHTT. Trên cơ sở đó các hoạt động tố tụng của từng cơ quan có mối liên quan chặt chẽ với nhau, hoạt động này hỗ trợ, tác động tạo điều kiện cho hoạt động kia tiến hành có hiệu quả chứ không phải bài trừ nhau hoặc hạn chế nhau. Đặc biệt hoạt động kiểm sát của VKS đối với việc khởi tố của CQĐT không phải cản trở hoặc hạn chế hoạt động tố tụng của CQĐT mà có tác dụng giám sát chặt chẽ việc ra quyết định khởi tố hoặc không khởi tố VAHS của CQĐT, đảm bảo tính có căn cứ và hợp pháp của các quyết định tố tụng, tránh được những sai phạm có thể xảy ra trong khởi tố VAHS. Đảm bảo việc khởi tố vụ án của các cơ quan có thẩm quyền có căn cứ và hợp pháp, tuân thủ đúng trình tự, thủ tục tố tụng pháp luật quy định.

Do ý nghĩa quan trọng của giai đoạn điều tra VAHS có tính chất quyết định đối với toàn bộ quá trình giải quyết vụ án, bởi giai đoạn điều tra phải thu thập được những chứng cứ cơ bản, quan trọng bao gồm các chứng cứ buộc tội và chứng cữ gỡ tội, chứng cứ xác định tình tiết tăng nặng và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị can cũng như chứng cứ xác định các tình tiết khác của vụ án làm cơ sở cho việc xét xử của TA. Cho nên Bộ luật TTHS cũng quy định rất chặt chẽ việc áp dụng các biện pháp điều tra phục vụ cho việc thu thập chứng cứ phải tuân thủ đúng các quy định của pháp luật. Trong giai đoạn điều tra, CQĐT có quyền áp dụng các biện pháp ngăn chặn trong TTHS như: bắt, tạm giữ, tạm giam, cấm đi khỏi nơi cư trú, bảo lãnh, đặt tiền hoặc tài sản có giá trị để bảo đảm. Việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn đó là rất cần thiết, có tác dụng hữu hiệu trong việc điều tra, thu thập chứng cứ phục vụ việc giải quyết vụ án nhanh chóng, kịp thời, đúng quy định của pháp luật.

Tuy nhiên, nếu không có những quy định pháp luật nhằm kiểm tra, giám sát chặt chẽ việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn trong TTHS, đặc biệt là việc bắt, tạm giữ, tạm giam của CQĐT thì sẽ xảy ra tình trạng bắt, giam, giữ tràn lan, không những không phát huy tác dụng, ý nghĩa là các biện pháp ngăn chặn, các biện pháp điều tra nhằm thu thập chứng cứ mà còn vi phạm đến các quyền cơ bản của công dân, làm giảm sút lòng tin của quần chúng nhân dân vào sự công minh của các cơ quan bảo vệ pháp luật.

Như vậy, với những vấn đề nêu trên thấy rằng quan hệ chế ước lẫn nhau giữa CQĐT và VKS trong giai đoạn điều tra VAHS thể hiện rõ nét thông qua việc các CQTHTT thực thi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo quy định của pháp luật. Quyền chế ước của VKS trong khi thực hành quyền công tố và kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong hoạt động điều tra vụ án hình sự chủ yếu được thực hiện bằng các tác nghiệp nghiệp vụ như việc đề ra các yêu cầu điều tra, bằng các quyết định phê chuẩn hoặc hủy bỏ các quyết định tố tụng của CQĐT nếu xét thấy không có căn cứ và hợp pháp hoặc không cần thiết. Khi thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra các VAHS, tuỳ từng trường hợp mà VKS thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn tự mình khởi tố VAHS, khởi tố bị can hoặc yêu cầu CQĐT khởi tố hoặc thay đổi quyết định khởi tố VAHS, khởi tố bị can theo qui định của Bộ luật TTHS. Theo qui định của Bộ luật TTHS năm 2003 thì việc khởi tố VAHS do CQĐT thực hiện là chủ yếu. VKS chỉ trực tiếp khởi tố VAHS trong trường hợp VKS huỷ bỏ quyết định không khởi tố VAHS của CQĐT và trong trường hợp Hội đồng xét xử yêu cầu khởi tố vụ án. Đối với việc khởi tố bị can thì VKS chỉ trực tiếp khởi tố bị can trong trường hợp sau khi nhận hồ sơ vụ án và kết luận điều tra mà VKS phát hiện có người khác đã thực hiện hành vi phạm tội trong vụ án nhưng chưa bị khởi tố, trong các trường hợp khác, việc khởi tố bị can do CQĐT thực hiện và VKS có trách nhiệm phê chuẩn việc khởi tố. Thực tế cho thấy VKS trực tiếp khởi tố VAHS, khởi tố bị can chỉ trong một số ít trường hợp, khi thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra các VAHS, VKS chủ yếu yêu cầu CQĐT khởi tố vụ án, khởi tố bị can hoặc thay đổi quyết định khởi tố VAHS, khởi tố bị can [2, tr39-40]..

Một trong những nhiệm vụ, quyền hạn quan trọng của VKS khi thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra là đề ra yêu cầu điều tra và yêu cầu CQĐT tiến hành điều tra. Để bảo đảm hoạt động điều tra có kết quả thì VKS với vai trò là cơ quan được giao nhiệm vụ thực hành quyền công tố phải đề ra yêu cầu điều tra ngay từ khi có quyết định khởi tố vụ án và trong từng giai đoạn của quá trình điều tra, KSV được phân công thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra phải bám sát việc điều tra vụ án của CQĐT để kịp thời đề ra các yêu cầu điều tra một cách cụ thể, toàn diện nhằm bảo đảm việc giải quyết vụ án đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Trong một số trường hợp cần thiết, để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình khi thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra, VKS có thể trực tiếp tiến hành một số hoạt động điều tra theo qui định của Bộ luật TTHS như: Triệu tập và hỏi cung bị can; triệu tập và lấy lời khai người làm chứng; tiến hành đối chất; thực nghiệm điều tra… để củng cố chứng cứ và các tình tiết khác nhằm đánh giá một cách khách quan, toàn diện vụ án.

Khi thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra, VKS có quyền quyết định áp dụng, thay đổi hoặc huỷ bỏ các biện pháp ngăn chặn như bắt, tạm giữ, tạm giam, cấm đi khỏi nới cư trú, bảo lĩnh, đặt tiền hoặc tài sản có giá trị để bảo đảm. Đối với những biện pháp tố tụng, hành vi tố tụng mà Bộ luật TTHS qui định phải có sự phê chuẩn của VKS như: Phê chuẩn lệnh bắt khẩn cấp; phê chuẩn quyết định tạm giữ; phê chuẩn quyết định khởi tố bị can; phê chuẩn lệnh bắt bị can để tạm giam; phê chuẩn lệnh tạm giam… thì VKS có trách nhiệm xem xét, quyết định việc phê chuẩn hoặc không phê chuẩn. Mọi trường hợp từ chối phê chuẩn của VKS đều phải nêu rõ lý do của việc không phê chuẩn.

Để thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra VAHS, bảo đảm việc điều tra khách quan, toàn diện, đúng pháp luật khi phát hiện các quyết định tố tụng của CQĐT không có căn cứ và trái pháp luật thì VKS có quyền ra quyết định huỷ bỏ các quyết định đó như: Quyết định tạm giữ; quyết định khởi tố bị can; quyết định khởi tố VAHS; quyết định về việc bảo lĩnh; quyết định đình chỉ điều tra vụ án của CQĐT… thì VKS ra quyết định huỷ bỏ các quyết định đó theo đúng qui định của Bộ luật TTHS; trong trường hợp bị can trốn hoặc không biết bị can đang ở đâu mà CQĐT không ra quyết định truy nã thì VKS phải kịp thời yêu cầu CQĐT ra quyết định truy nã bị can theo qui định tại Điều 161 Bộ luật TTHS.

Trên cơ sở đó VKS thực hiện chức năng kiểm tra, giám sát các hoạt động tố tụng trong giai đoạn khởi tố, điều tra VAHS của CQĐT là tất yếu, khách quan, để mọi hành vi phạm tội đều phải được xử lý kịp thời, đảm bảo việc khởi tố, điều tra của CQĐT là có căn cứ và hợp pháp, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không để lọt tội phạm và người phạm tội, không làm oan sai người vô tội.

***Tóm lại***, trong giai đoạn điều tra VAHS trách nhiệm chủ yếu thuộc về hai cơ quan chính là CQĐT và VKS:

**CQĐT** có trách nhiệm thu thập, kiểm tra, đánh giá chứng cứ liên quan đến VAHS. Đối chiếu với các quy định của Bộ luật hình sự và trình tự thủ tục của Bộ luật TTHS, xác định có căn cứ chứng minh một người hoặc một pháp nhân có hay không thực hiện hành vi mà Bộ luật hình sự quy định là tội phạm thì CQĐT, để ra một trong các văn bản tố tụng gửi VKS để nghị truy tố bị can ra trước TA (nếu có đủ căn cứ cho rằng bị can thực hiện hành vi mà Bộ luật hình sự cấm) hoặc đình chỉ, tạm đình chỉ vụ án (nếu không có căn cứ). CQĐT có trách nhiệm thực hiện các yêu cầu của và quyết định của VKS về quyết định áp dụng, thay đổi biện pháp tạm giữ, tạm giam; hủy bỏ quyết định không có căn cứ và trái pháp luật của CQĐT; quyết định việc truy tố,quyết định đình chỉ vụ án…Trong giai đoạn này cũng đặt ra vấn đề trách nhiệm bồi thường của CQĐT khi thực thi nhiệm vụ mà có sai phạm xảy ra, cụ thể tại Điều 30 Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2009 quy định về Trách nhiệm bồi thường của cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra trong hoạt động tố tụng hình sự:

Cơ quan điều tra và cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra có trách nhiệm bồi thường trong các trường hợp sau đây:

1. Đã ra quyết định tạm giữ người nhưng Viện kiểm sát có thẩm quyền đã có quyết định huỷ bỏ quyết định tạm giữ đó vì người bị tạm giữ không có hành vi vi phạm pháp luật;

2. Đã ra quyết định khởi tố bị can nhưng Viện kiểm sát có thẩm quyền không phê chuẩn quyết định khởi tố vì người bị khởi tố không thực hiện hành vi phạm tội [37].

**VKS** thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra VAHS, tiến hành kiểm tra, giám sát việc lập hồ sơ điều tra VAHS của CQĐT; giai đoạn điều tra là giai đoạn quan trọng thực hiện mục tiêu phát hiện chính xác, kịp thời mọi hành vi phạm tội và người phạm tội, không để lọt tội phạm, không làm oan người vô tội. Thực hiện Nghị quyết 08-NQ/TW của Bộ chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 thì trách nhiệm của VKS được đề cao nhằm *Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, việc bắt, giam, giữ đảm bảo đúng pháp luật…VKS các cấp chịu trách nhiệm về những oan sai trong việc bắt, tạm giữ, tạm giam thuộc phạm vi quyền phê chuẩn của mình, tăng cường công tố hoạt động điều tra, gắn công tố với hoạt động điều tra*. Trong giai đoạn điều tra VKS thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra. Khi thực hành quyền công tố VKS có nhiệm vụ  khởi tố VAHS, khởi tố bị can; yêu cầu CQĐT khởi tố hoặc thay đổi quyết định khởi tố VAHS, khởi tố bị can theo quy định của pháp luật; Đề ra yêu cầu điều tra và yêu cầu CQĐT tiến hành điều tra; khi xét thấy cần thiết, trực tiếp tiến hành một số hoạt động điều tra; Yêu cầu Thủ trưởng CQĐT thay đổi ĐTV; nếu hành vi của ĐTV có dấu hiệu tội phạm thì khởi tố về hình sự; Quyết định áp dụng, thay đổi hoặc hủy bỏ biện pháp bắt, tạm giữ, tạm giam và các biện pháp ngăn chặn khác; quyết định phê chuẩn, quyết định không phê chuẩn các quyết định của CQĐT; Huỷ bỏ các quyết định không có căn cứ và trái pháp luật của CQĐT, yêu cầu CQĐT truy nã bị can; Quyết định việc truy tố bị can; quyết định đình chỉ hoặc tạm đình chỉ vụ án.

Khi kiểm sát điều tra VKS có nhiệm vụ: Kiểm sát việc khởi tố, kiểm sát các hoạt động điều tra và việc lập hồ sơ vụ án của CQĐT; Kiểm sát việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng; Giải quyết các tranh chấp về thẩm quyền điều tra; Yêu cầu CQĐT khắc phục các vi phạm pháp luật trong hoạt động điều tra; yêu cầu CQĐT cung cấp tài liệu cần thiết về vi phạm pháp luật của Điều tra viên; yêu cầu Thủ trưởng CQĐT xử lý nghiêm minh ĐTV đã vi phạm pháp luật trong khi tiến hành điều tra; Kiến nghị với cơ quan, tổ chức hữu quan áp dụng các biện pháp phòng ngừa tội phạm và vi phạm pháp luật.

Pháp luật cũng quy định về trách nhiệm bồi thường trong trường hợp VKS thực thi sai nhiệm vụ, quyền hạn của mình trong quá trình tố tụng, Điều 31 Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2009 quy định VKS có trách nhiệm bồi thường thiệt hại trong các trường hợp sau đây:

1. Đã phê chuẩn quyết định gia hạn tạm giữ của cơ quan điều tra có thẩm quyền nhưng người bị tạm giữ không có hành vi vi phạm pháp luật;

2. Đã phê chuẩn lệnh tạm giam của cơ quan điều tra có thẩm quyền hoặc ra lệnh tạm giam, gia hạn tạm giam mà sau đó có quyết định của cơ quan có thẩm quyền trong hoạt động tố tụng hình sự xác định người đó không thực hiện hành vi phạm tội;

3. Toà án cấp sơ thẩm trả hồ sơ để điều tra bổ sung nhưng sau đó có quyết định của cơ quan có thẩm quyền đình chỉ điều tra vì người đó không thực hiện hành vi phạm tội;

4. Đã có quyết định truy tố bị can nhưng Toà án cấp sơ thẩm tuyên bị cáo không có tội vì không thực hiện hành vi phạm tội và bản án sơ thẩm đã có hiệu lực pháp luật;

5. Toà án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án, quyết định của Toà án cấp sơ thẩm tuyên là không có tội vì không thực hiện hành vi phạm tội;

6. Toà án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án, quyết định của Toà án cấp sơ thẩm tuyên bị cáo không có tội vì không thực hiện hành vi phạm tội và sau đó Toà án xét xử theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm vẫn giữ nguyên bản án, quyết định của Toà án cấp phúc thẩm tuyên bị cáo không có tội vì không thực hiện hành vi phạm tội. [37]

* 1. **Giai đoạn truy tố**

Theo Điều 107 Hiến pháp năm 2013 VKS nhân dân thực hành quyền công tố, kiểm sát hoạt động tư pháp.Điều 1 Luật tổ chức VKS nhân dân năm 2002, VKS nhân dân có chức năng thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp.

Quyết định việc truy tố là giai đoạn thứ ba của hoạt động TTHS, mà trong đó VKS căn cứ vào các quy định của pháp luật TTHS tiến hành các biện pháp cần thiết nhằm đánh giá một cách toàn diện, khách qua các tài liệu của VAHS (bao gồm cả kết luận điều tra và quyết định đề nghị truy tố) do CQĐT chuyển đến và trên cơ sở đó VKS ra quyết định: Truy tố bị can trước TA bằng bản cáo trạng (kết luận về tội trạng); Trả lại hồ sơ để điều tra bổ sung hoặc là đình chỉ hay tạm đình chỉ VAHS [4]

Điều 166 Bộ luật TTHS năm 2003 quy định Thời hạn quyết định truy tố:

1. Trong thời hạn hai mươi ngày đối với tội phạm ít nghiêm trọng và tội phạm nghiêm trọng, ba mươi ngày đối với tội phạm rất nghiêm trọng và tội phạm đặc biệt nghiêm trọng, kể từ ngày nhận được hồ sơ vụ án và bản kết luận điều tra, VKS phải ra một trong những quyết định sau đây:

a) Truy tố bị can trước TA bằng bản cáo trạng;

b) Trả hồ sơ để điều tra bổ sung;

c) Đình chỉ hoặc tạm đình chỉ vụ án.

VKS có trách nhiệm kiểm tra lại tính hợp pháp và có căn cứ của toàn bộ các hành vi tố tụng mà CQĐT có thẩm quyền đã áp dụng để bảo đảm cho các quyết định của VKS được chính xác và khách quan góp phần truy cứu trách nhiệm hình sự đúng tội, đúng người và đúng pháp luật. Thời điểm của giai đoạn này được bắt đầu từ khi VKS nhận được các tài liệu của VAHS (bao gồm cả kết luận điều tra và đề nghị truy tố) do CQĐT chuyển đến và kết thúc bằng việc VKS ra một trong ba loại quyết định sau: Truy tố bị can trước TA bằng bản cáo trạng (kết luận về tội trạng) (Điều 166); Trả lại hồ sơ để điều tra bổ sung (Điều 168); Đình chỉ hay tạm đình chỉ vụ án (Điều 169). Trong giai đoạn này VKS có quyền chấp nhận hoặc bác bỏ các quyết định của CQĐT như trả hồ sơ điều tra bổ sung, đình chỉ điều tra….

Tóm lại, trong giai đoạn truy tố VKS có trách nhiệm kiểm sát hoạt động TTHS, căn cứ vào hồ sơ của CQĐT chuyển lên VKS ra một trong các quyết định có khởi tố vụ án hay không khởi tố, quyết định đình chỉ, tạm đình chỉ, trả hồ sơ điều tra bổ sung…. Quyết định truy tố của VKS thông qua bản cáo trạng thể hiện hoạt động chứng minh trên cơ sở các tài liệu của hồ sơ của vụ án (nhất là kết luận điều tra) tính chất lỗi của hành vi phạm tội, lỗi của bị cáo trong việc thực hiện tội phạm để góp phần có hiệu quả trong việc chuẩn bị cho giai đoạn xét xử của TA, loại trừ những thiếu sót hoặc hậu quả tiêu cực tiếp theo có thể xảy ra do việc xét xử thiếu công minh, vô căn cứ và không đúng pháp luật, tránh bỏ lọt tội phạm và làm oan những người vô tội...Thực hành quyền công tố vừa là quyền vừa là trách nhiệm công tố của VKS trong TTHS là xác định đúng người phạm tội, đúng tội để có thể đưa vụ án ra trước tòa và tại đó bảo vệ quan điểm của mình trước TA. Đó chính là quyền nhưng cũng là nhiệm vụ mà VKS phải thực hiện và phải thực hiện theo quy định của pháp luật.

Đồng thời VKS còn thực hiện chức năng kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong các giai đoạn tố tụng. Mục đích của hoạt động này là nhằm đảm bảo cho pháp luật được áp dụng thống nhất trong giải quyết các vụ án trên cơ sở tuân thủ nghiêm chỉnh thủ tục tố tụng mà pháp luật quy định. Cụ thể của hoạt động kiểm sát tuân theo pháp luật là quyết định xem có đầy đủ căn cứ để truy tố hay không? Vấn đề này cho chúng ta thấy mối quan hệ giữa nhiệm vụ kiểm sát và nhiệm vụ công tố. Đồng thời phát hiện những sai lầm trong hoạt động điều tra của CQĐT hoặc cơ quan khác có quyền tiến hành các hoạt động điều tra. Nếu có sai lầm thiếu sót thì tùy từng trường hợp mà có những biện pháp nhằm khắc phục sai lầm thiếu sót. Trong Bộ luật TTHS đã quy định cụ thể những cách thức khắc phục sai lầm đó: Như trả hồ sơ điều tra bổ sung; đình chỉ vụ án; hủy bỏ biện pháp ngăn chặn…

Thẩm quyền của Viện kiểm sát trong giai đoạn này được biểu hiện rõ qua việc là Viện kiểm sát phải quyết định vấn đề quan trọng nhất là: Có truy tố bị can ra trước Tòa án để xét xử hay không. Vấn đề đó chỉ được thực hiện trong giai đoạn truy tố trong đó Viện kiểm sát phải thực hiện song song hai nhiêm vụ: *Một là*, truy tố và đảm bảo việc truy tố của mình là đúng pháp luật, người bị truy tố là có tội và phải chịu hình phạt theo pháp luật hình sự; *Hai là*, kiểm sát việc tuân theo pháp luật đối với hoạt động của những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng trong quá trình truy tố và kiểm sát hoạt động điều tra qua nghiên cứu hồ sơ. Đây là giai đoạn mà quyền công tố của VKS thể hiện một cách rõ ràng nhất đó là VKS sẽ quyết định có đưa bị can ra xét xử trước TA hay không? Đây chính là trách nhiệm quan trọng của VKS[31, tr41]

* 1. **Giai đoạn xét xử**

Xét xử VAHS là giai đoạn cuối cùng, trung tâm và quan trọng nhất của hoạt động tố tụng hình sự, mà trong đó cấp TA có thẩm quyền căn cứ vào các quy định của pháp luật tố tụng hình sự tiến hành: 1) Áp dụng các biện pháp chuẩn bị cho việc xét xử; 2) Đưa VAHS ra xét xử theo thủ tục sơ thẩm để xem xét về thực chất vụ án, đồng thời trên cơ sở kết quả tranh tụng công khai và dân chủ của hai bên (buộc tội và bào chữa) phán xét về vấn đề tính chất tội phạm (hay không) của hành vi, có tội (hay không) của bị cáo (hoặc xét xử vụ án theo thủ tục phúc thẩm - nếu bản án hay quyết định sơ thẩm đã được tuyên và chưa có hiệu lực pháp luật nhưng bị kháng cáo, kháng nghị hoặc kiểm tra tính hợp pháp và có căn cứ của bản án hay quyết định đã có hiệu lực pháp luật theo trình tự giám đốc thẩm hoặc tái thẩm - nếu bản án hay quyết định đó bị kháng nghị) và cuối cùng, tuyên bản án (quyết định) của TA có hiệu lực pháp luật nhằm giải quyết vấn đề trách nhiệm hình sự một cách công minh và đúng pháp luật, có căn cứ và đảm bảo sức thuyết phục.

Thời điểm của giai đoạn này được bắt đầu từ khi TA nhận được hồ sơ VAHS (với quyết định truy tố bị can trước TA kèm theo bản cáo trạng) do VKS chuyển sang và kết thúc bằng một bản án (quyết định) có hiệu lực pháp luật của TA.Trách nhiệm và vai trò của TA thể hiện rõ nét trong giai đoạn xét xử VAHS. Hội đồng xét xử phải trực tiếp xác định những tình tiết của vụ án bằng cách hỏi, nghe ý kiến của bị cáo, bị hại, đương sự hoặc người đại diện của họ, người làm chứng, người giám định, người khác tham gia phiên tòa được TA triệu tập; xem xét, kiểm tra tài liệu, chứng cứ đã thu thập; công bố biên bản, tài liệu và tiến hành hoạt động tố tụng khác để kiểm tra chứng cứ; nghe ý kiến của KSV, người bào chữa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại, đương sự. Trách nhiệm chứng minh của TA thể hiện ở các hoạt động trong giai đoạn xét xử thông qua thủ tục xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa và quá trình thu thập chứng cứ của TA để đưa ra một bản án cuối cùng quyết định bị can có tội hay không có tội.

Bộ luật TTHS năm 2003 quy định TA là một trong những cơ quan THTT có trách nhiệm chứng minh tội phạm, quy định này sẽ làm ảnh hưởng tới chức năng xét xử của TA, cùng với trách nhiệm khởi tố VAHS theo quy định của pháp luật sẽ làm ảnh hưởng tới nguyên tắc độc lập khi xét xử và tính khách quan trong quá trình xem xét vụ án. Việc TA thu thập chứng cứ và khởi tố vụ án sẽ ảnh hưởng tới phán quyết cuối cùng của TA, Bộ luật TTHS năm 2015 vẫn tiếp tục quy định trách nhiệm khởi tố vụ án và trách nhiệm chứng minh tội phạm của TA mà chưa có sự sửa đổi sẽ làm mất đi đặc trưng cơ bản là xét xử của TA.

Sau khi nhận được hồ sơ từ VKS chuyển sang, TA có thời gian nghiên cứu hồ sơ chuẩn bị xét xử..... để đưa vụ án ra xét xử TA phải có quá trình nghiên cứu hồ sơ vụ án, xem xét quá trình điều tra của CQĐT, VKS có tuân thủ đúng trình tự luật định hay không. Bởi lẽ, trong quá trình điều tra vụ án không có sự tham gia của TA nên việc nghiên cứu hồ sơ vô cùng quan trọng. Khoản 2 Điều 176 Bộ luật TTHS 2003 quy định:

Trong thời hạn ba mươi ngày đối với tội phạm ít nghiêm trọng, bốn mươi lăm ngày đối với tội phạm nghiêm trọng, hai tháng đối với tội phạm rất nghiêm trọng, ba tháng đối với tội phạm đặc biệt nghiêm trọng, kể từ ngày nhận hồ sơ vụ án, Thẩm phán được phân công chủ tọa phiên tòa phải ra một trong những quyết định sau đây:

a) Đưa vụ án ra xét xử ;

b) Trả hồ sơ để điều tra bổ sung;

c) Đình chỉ hoặc tạm đình chỉ vụ án .

Nhiệm vụ nghiên cứu hồ sơ vụ án không chỉ để TA có căn cứ ra các quyết định tố tụng mà còn phát hiện những vi phạm trong hoạt động tố tụng của CQĐT, VKS, và nếu vụ án được đưa ra xét xử thì đó còn là tập tài liệu để Thẩm phán chủ toạ phiên toà sử dụng trong quá trình xét xử.

Thực tiễn xét xử cho thấy, có nhiều trường hợp do nghiên cứu hồ sơ vụ án không kỹ đã dẫn đến việc ra các quyết định không đúng với khoản 2 Điều 176 Bộ luật TTHS như: Thẩm phán ra quyết định trả hồ sơ vụ án để điều tra bổ sung, nhưng vấn đề cần điều tra bổ sung đã được thu thập và có trong hồ sơ vụ án; có trường hợp do vụ án phải điều tra bổ sung nhiều lần nên trong hồ sơ vụ án có nhiều bản cáo trạng khác nhau, có trường hợp Thẩm phán chủ toạ phiên toà khi nghiên cứu hồ sơ vụ án đã không thể hiện tính khách quan mà chỉ chú tâm nghiên cứu các tài liệu là chứng cứ buộc tội mà bỏ qua các tài liệu là chứng cứ gỡ tội cho bị cáo hoặc ngược lại. v.v…

Theo quy định tại Điều 27 của BLTTHS 2003 thì TA là một trong các chủ thể có nhiệm vụ tìm ra những nguyên nhân và điều kiện phạm tội, nếu xét dưới góc độ tội phạm học thì mục đích của việc tìm ra nguyên nhân và điều kiện phạm tội là nhằm để đấu tranh phòng ngừa tội phạm cụ thể, tuy nhiên xác định TA là một trong các cơ quan có nhiệm vụ tìm ra những nguyên nhân và điều kiện phạm tội, như vậy vấn đề đặt ra là nhiệm vụ này có đồng nhất với chức năng chứng minh tội phạm và chức năng buộc tội không? Bởi lẽ nếu một khi TA vừa có chức năng chứng minh tội phạm vừa trừng trị tội phạm là chưa hợp lý, nếu như vậy tính khách quan, rành mạch giữa các chức năng trong tố tụng sẽ không còn phân định rõ ràng, chồng lấn lẫn nhau,v,v...

Bên cạnh đó, pháp luật cũng quy định trách nhiệm đối với TA khi xảy ra sai sót, vi phạm pháp luật trong quá trình tố tụng VAHS, tại Điều 31 của Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2009 quy định chi tiết các trường hợp mà TA phải có trách nhiệm bồi thường cho bị can, bị cáo khi TA ra các quyết định trái với quy định của pháp luật. Toà án cấp sơ thẩm có trách nhiệm bồi thường thiệt hại trong các trường hợp sau đây: Toà án cấp sơ thẩm tuyên bị cáo có tội nhưng Toà án cấp phúc thẩm huỷ bản án sơ thẩm, tuyên bị cáo không có tội và đình chỉ vụ án vì người đó không phạm tội hoặc huỷ bản án sơ thẩm để điều tra lại mà sau đó bị can được đình chỉ điều tra, đình chỉ vụ án vì không thực hiện hành vi phạm tội hoặc huỷ bản án sơ thẩm để xét xử lại mà sau đó bị cáo được tuyên là không có tội vì không thực hiện hành vi phạm tội; Toà án cấp sơ thẩm tuyên bị cáo có tội, bản án sơ thẩm đã có hiệu lực pháp luật nhưng Toà án xét xử theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm huỷ bản án và đình chỉ vụ án vì người đó không thực hiện hành vi phạm tội; Toà án cấp sơ thẩm tuyên bị cáo có tội, bản án đã có hiệu lực pháp luật nhưng Toà án xét xử theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm huỷ bản án để điều tra lại mà sau đó bị can được đình chỉ điều tra, đình chỉ vụ án vì không thực hiện hành vi phạm tội; Toà án cấp sơ thẩm tuyên bị cáo có tội, bản án đã có hiệu lực pháp luật nhưng Toà án xét xử theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm huỷ bản án để xét xử lại mà sau đó bị cáo được tuyên là không có tội vì không thực hiện hành vi phạm tội…..[37]

Đối với trách nhiệm của VKS trong giai đoạn xét xử VAHS, VKS thực hành quyền công tố, kiểm sát phiên tòa. Điều 189 Bộ luật TTHS năm 2003 quy định “Kiểm sát viên Viện kiểm sát cùng cấp phải tham gia phiên tòa” ...... KSV tham gia phiên toà hình sự để thực hiện quyền công tố. Nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của Kiểm sát viên tham gia phiên toà đã được quy định cụ thể trong Bộ luật TTHS. Tại phiên toà sơ thẩm, KSV là người công bố bản cáo trạng, bổ sung cáo trạng hoặc rút cáo trạng tại phiên toà; tham gia cùng với Hội đồng xét xử xét hỏi tại phiên toà, trình bày lời luận tội, tranh luận với người bào chữa hoặc bị cáo; đưa ra chứng cứ hoặc yêu cầu trong đó có quyền yêu cầu thay đổi thành viên của Hội đồng xét xử, Thư ký TA. Thực trạng hiện nay cho thấy có nhiều trường hợp KSV ít tham gia xét hỏi bị cáo và những người tham gia tố tụng khác để chứng minh tội phạm, mà ỉ lại cho chủ toạ phiên toà; khi trình bày lời luận tội tại phiên toà không căn cứ vào kết quả xét hỏi mà lại căn cứ vào Bản cáo trạng, mặc dù kết quả xét hỏi tại phiên toà đã có nhiều nội dung không đúng với bản cáo trạng; đặc biệt sau khi người bào chữa trình bày lời bào chữa cho bị cáo và đề nghị Kiểm sát viên tranh luận về từng vấn đề mà người bào chữa (Luật sư) nêu ra, nhưng một số KSV không tranh luận lại, thậm chí chỉ nói một câu "vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố", cá biệt có KSV từ chối tham gia phiên toả mà không có lý do chính đáng

***Tóm lại,***Trong giai đoạn xét xử

VKS có trách nhiệm thực hành quyền công tố, kiểm sát phiên tòa xét xử. VKS với vai trò là bên “buộc tội” KSV thực hiện đối đáp, tranh luận để chứng minh cho bản cáo trạng của mình là có căn cứ và hợp pháp.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ VKS chuyển sang TA, TA có quyền đưa ra một trong các quyết định đưa vụ án ra xét xử; trả hồ sơ điều tra bổ sung (Điều 179); Đình chỉ hoặc tạm đình chỉ vụ án (Điều 180) và chỉ có TA mới có quyền bác bỏ cáo trạng của VKS. Đình chỉ, tạm đình chỉ hoặc trả hồ sơ điều tra bổ sung thể hiện trách nhiệm xét xử VAHS của TA. Mọi hoạt động xét xử của TA phải đảm bảo đúng yêu cầu là có truy tố về hành vi về con người thì mới được xét xử. TA không thể tuỳ tiện làm trái thủ tục tố tụng, do đó pháp luật quy định VKS ngoài chức năng công tố còn có chức năng kiểm sát hoạt động tư pháp, đó là giám sát việc tuân thủ của hội đồng xét xử tại phiên toà, cũng như giám sát hoạt động tố tụng của người có thẩm quyền. Trong trường hợp vi phạm thủ tục tố tụng tại phiên toà thì KSV có quyền ý kiến trực tiếp. Mặt khác sau khi xét xử VKS có quyền ban hành kiến nghị yêu cầu TA khắc phục vi phạm pháp luật trong hoạt động xét xử hoặc ban hành kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm để giải quyết lại vụ án khi có căn cứ luật định. Như vậy có thể thấy, dù TA có quyền độc lập trong việc phán quyết, tuy nhiên nếu trái pháp luật thì VKS có quyền kiến nghị, kháng nghị để đảm bảo cho việc chấp hành pháp luật của Toà án. Pháp luật nước ta còn quy định, nếu kiến nghị của VKS không được Toà án tiếp thu, thì VKS có quyền kiến nghị TA cấp trên và báo cáo VKS cấp trên để kiến nghị được đảm bảo thực hiện. Qua hoạt động giám sát của VKS còn giúp cho TA tránh được những sai sót, vi phạm pháp luật, tăng cường pháp chế

Có thể nói rằng đây là hai giai đoạn có mối quan hệ mật thiết với nhau.VKS truy tố đúng người, đúng tội, đúng pháp luật góp phần cho giai đoạn xét xử của TA được đảm bảo không làm oan người vô tội. Hai giai đoạn vừa có mối quan hệ phối hợp lẫn nhau vừa có mối quan hệ chế ước lần nhau:

Quan hệ phố hợp lẫn nhau: Các giai đoạn tố tụng đều có chung nhiệm vụ là đấu tranh, phòng chống tội phạm, giữ gìn an ninh trật tự, an toàn xã hội và cùng có trách nhiệm là mọi hành vi phạm tội phải được phát hiện điều tra, truy tố, xét xử nghiêm minh, không để lọt tội phạm và không làm oan người vô tội, tôn trọng quyền và lợi ích của công dân, bảo vệ pháp chế xã hội chủ nghĩa. Chính từ mục đích chung đó đã hình thành nên mối quan hệ phối hợp trong tố tụng hình sự giữa VKS và TA cụ thể giai đoạn truy tố và xét xử như là một vấn đề tất yếu. Mối quan hệ phối hợp đó cơ bản là quan hệ giữa chức năng xét xử và chức năng buộc tội. Bản thân hai chức năng này có quan hệ biện chứng, hữu cơ với nhau. Không thể xét xử nếu không có sự buộc tội, hay nói cách khác, ở đâu có buộc tội, thì ở đó phát sinh hoạt động xét xử và bào chữa. Nếu VKS làm tốt chức năng buộc tội thì hỗ trợ đắc lực cho chức năng xét xử và ngược lại thì tác dụng không tốt. Ngay từ khi thu thập chứng cứ, đánh giá chứng cứ nhằm xác định tội trạng và khung hình phạt truy tố, cũng như thủ tục tố tụng được tiến hành chặt chẽ đặt nền móng cho TA thực hiện hiệu quả hoạt động tố tụng. Tại phiên toà, nếu kiểm sát viên làm tốt vai trò công tố nhà nước thì tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động xét xử. Ngược lại TA thực hiện chức năng xét xử đúng đắn tạo điều kiện thuận lợi cho VKS thực hành quyền công tố nhà nước và kiểm sát hoạt động tư pháp. Cơ sở của sự phối hợp là chỉ khi xảy ra việc giải quyết VAHS và dựa trên các nguyên tắc cơ bản Bộ luật Tố tụng hình sự đã định, trong đó là nguyên tắc xác định sự thật vụ án và nguyên tắc phối hợp giữa các cơ quan tố tụng hình sự với các cơ quan, tổ chức nhà nước. Bên cạnh đó quan hệ phối hợp giữa TA và VKS trong tố tụng hình sự còn xuất phát từ yêu cầu phải thực hiện đúng đắn thẩm quyền của người tiến hành tố tụng; việc thực hiện các quy định của pháp luật do có sự bất cập, chưa hoàn thiện, do đó đòi hỏi có sự phối hợp hoạt động để đạt hiệu quả trong hoạt động tố tụng và áp dụng thống nhất căn cứ  pháp luật, tránh oan sai, bỏ lọt tội phạm.

**KẾT LUẬN CHƯƠNG II**

 Mỗi giai đoạn tố tụng ứng với trách nhiệm của từng CQTHTT cụ thể. Trách nhiệm của mỗi CQTHTT ở mỗi giai đoạn có trách nhiệm khác nhau nhưng có mối liên hệ chặt chẽ với nhau, giai đoạn tố tụng trước có ảnh hưởng tới giai đoạn tố tụng sau. Ở mỗi giai đoạn tố tụng các CQTHTT thực hiện tốt trách nhiệm chứng minh VAHS của mình sẽ góp phần bảo đảm sự khách quan của CQTHTT và sự thật của vụ án được sáng tỏ. CQĐT, VKS, TA đều có trách nhiệm trong quá trình chứng minh VAHS. CQĐT có trách nhiệm tiếp nhận giải quyết tin tội phạm ban đầu, VKS phối hợp cùng CQĐT trong quá trình điều tra vụ án, tìm ra các chứng cứ chứng minh bị can, bị cáo là có tội hoặc không vi phạm pháp luật hình sự, CQĐT chịu sự giám sát của VKS trong quá trình điều tra vụ án, khi có đủ căn cứ chứng minh rằng một người phạm tội thì CQĐT ra bản kết luận điều tra và đề nghị VKS truy tố bị can. VKS nhận được bản kết luận điều tra cùng đề nghị truy tố bị can, VKS có trách nhiệm xem xét và ra một trong các quyết định Truy tố ra trước TA, đình chỉ, tạm đình chỉ hoặc trả hồ sơ điều tra bổ sung cho CQĐT. TA khi nhận được hồ sơ từ VKS và quyết định truy tố, TA có trách nhiệm xem xét và một trong các quyết định đưa vụ án ra xét xử, đình chỉ, tạm đình chỉ hoặc trả hồ sơ điều tra bổ sung cho VKS.

**CHƯƠNG III: THỰC TIỄN VÀ NHỮNG GIẢI PHÁP NHẰM NÂNG CAO HIỆU QUẢ ÁP DỤNG TRÁCH NHIỆM CHỨNG MINH CỦA CƠ QUAN TIẾN HÀNH TỐ TỤNG TRONG QUÁ TRÌNH CHỨNG MINH VỤ ÁN HÌNH SỰ**

**3.1. Thực tiễn áp dụng quy định của pháp luật về trách nhiệm chứng minh trong vụ án hình sự**

*3.1.1. Những kết quả đạt được*

3.1.1.1. Giai đoạn khởi tố, điều tra.

Theo báo cáo tổng kết thực tiễn 10 năm thi hành Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 của VKS nhân dân tối cao ngày 19/01/ 2015, trong giai đoạn truy tố, điều tra VAHS CQTHTT đã thực hiện tốt trách nhiệm của mình. Số vụ án, số bị can được truy tố, điều tra tăng lên theo từng năm, chất lượng giải quyết vụ án của CQTHTT đã đảm bảo theo quy định của pháp luật. Công tác tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố có nhiều chuyển biến tích cực, Công an và CQĐT các cấp tổ chức trực ban (24/24h) để tiếp nhận đầy đủ tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố, lập sổ sách để theo dõi, quản lý; tăng cường xác minh, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố đã tiếp nhận. Số vụ án được khởi tố, điều tra năm sau cao hơn năm trước, chất lượng được nâng lên. Sự phối hợp giữa trinh sát và điều tra tố tụng đã góp phần nâng cao chất lượng điều tra nhiều vụ án có tính chất đặc biệt nghiêm trọng, phức tạp Chất lượng công tác điều tra, xử lý các loại tội phạm có chuyển biến tốt hơn, nhiều vụ án đặc biệt nghiêm trọng, dư luận quan tâm được phát hiện, điều tra và xử lý kịp thời; tỷ lệ án kết thúc điều tra tăng lên rõ rệt, đạt trên 80% Chất lượng điều tra của các cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra từng bước được nâng cao, kịp thời phát hiện tội phạm trong lĩnh vực được giao quản lý Chất lượng giám định từng bước được nâng cao, góp phần giải quyết vụ án khách quan, chính xác [ 49].

***Bảng 3.1. Số bị can bị khởi tố - số liệu từ năm 2010 đến 2015***

*Đơn vị: Người*

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **2010** | **2011** | **2012** | **2013** | **2014** | **2015** |
| Tổng số bị can bị khởi tố | 82.007 | 90.682 | 103.908 | 104.116 | 150.496 | 158.737 |

*[Nguồn: Báo cáo tổng kết của VKS nhân dân năm 2010 – 2015]*

Theo bảng 3.1 tổng số bị can bị khởi tố đã tăng đáng kể theo từng năm, chỉ trong khoản từ năm 2010 đến năm 2015 số bị can bị khởi tố lên tới 76.730 bị can.

3.1.1.2.Trong giai đoạn truy tố, xét xử

***Bảng 3.2. Số vụ án VKS truy tố và số vụ án TA đưa ra xét xử từ năm 2010 đến 2015***

*Đơn vị: vụ án*

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **2010** | **2011** | **2012** | **2013** | **2014** | **2015** |
| VKS truy tố | 63.602 | 66.987 | 70.765 | 76.432 | 75.564 | 82.071 |
| Số vụ án TA đưa ra xét xử | 52.797 | 59.197 | 65.276 | 68.243 | 70.098 | 78.674 |

*[Nguồn: Báo cáo tổng kết của VKS nhân dân năm 2010 – 2015]*

Theo bảng 3.2, có thể nhận thấy hoạt động giải quyết VAHS của CQTHTT đã có nhiều chuyển biến tích cực. Số vụ án được đề nghị truy tố đã tăng lên hàng năm, thể hiện trách nhiệm điều tra VAHS của CQĐT và VKS đã được nâng cao. Hoạt động chứng minh tội phạm của Hội đồng xét xử ngày càng có hiệu quả. Chỉ trong 6 năm từ năm 2010 đến năm 2015 số vụ án được truy tố và đưa ra xét xử đã tăng lên đáng kể. Số vụ án được VKS truy tố năm 2011 là 66.987 vụ tăng 3,4 % so với năm 2010 là 63.602 vụ; năm 2012 truy tố là 70.765 vụ tăng 3,8% so với năm 2011; năm 2013 số vụ truy tố là 76.432 tăng 5,7% so với năm 2013; năm 2014 là 75.764 vụ giảm 0,6% so với năm 2013; năm 2015 số vụ truy tố là 82.071 tăng 6,5%. Theo đó số vụ án được TA quyết định đưa vụ án ra xét xử cũng tăng theo số vụ được VKS truy tố, cụ thể: Năm 2010 số vụ án được đưa ra xét xử là 52.797 chiếm 83% số vụ truy tố là 63.602 vụ; năm 2011 số vụ án được đưa ra xét xử là 59.197 vụ chiếm 88,4% số vụ truy tố là 66.987 vụ; năm 2012 số vụ án được đưa ra xét xử là 65.276 vụ chiếm 92,3% so với số vụ truy tố là 70.765 vụ ; năm 2013 số vụ án được đưa ra xét xử là 68.243 vụ chiếm 89,3% so với số vụ truy tố là 76.432 vụ; năm 2014 số vụ án được đưa ra xét xử là 70.098 vụ chiếm 92,8% số vụ truy tố là 75.564; năm 2015 số vụ án được đưa ra xét xử là 78.674 chiếm 95,9% số vụ truy tố là 82.071 vụ.

Công tác thực hành quyền công tố và kiểm soát hoạt động điều tra được chú trọng. VKS các cấp đề cao trách nhiệm, phối hợp chặt chẽ với CQĐT ngay từ đầu, chủ động đề ra yêu cầu điều tra đối với nhiều vụ án, bảo đảm việc điều tra có căn cứ, đúng pháp luật. Số vụ kết thúc điều tra chuyển VKS truy tố, số vụ án truy tố chuyển TA để xét xử đạt tỷ lệ cao. Công tác xét xử các VAHS cơ bản được thực hiện theo đúng quy định pháp luật, chất lượng ngày càng cao. Các cơ quan tư pháp ở địa phương đã tăng cường phối hợp tổ chức các phiên tòa để rút kinh nghiệm, nâng cao kỹ năng thẩm vấn, tranh tụng tại phiên tòa. Trách nhiệm công tố của KSV tại các phiên tòa có chuyển biến tích cực; KSV đã chủ động hơn trong việc xét hỏi, tranh luận và đối đáp với người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác [49]

*3.1.2. Hạn chế về trách nhiệm chứng minh trong vụ án hình sự của cơ quan tiến hành tố tụng*

Bên cạnh nững kết quả mà CQTHTT đạt được thì vẫn còn tồn tại những hạn chế. CQTHTT chưa thực thi hết trách nhiệm của mình trong quá trình làm sáng tỏ VAHS. thực tiễn của hoạt động điều tra cũng cho thấy bộc lộ không ít sai sót cần được khắc phục kịp thời như thiếu trách nhiệm trong việc thu thập chứng cứ vụ án, xử lý vật chứng của vụ án không đúng quy định của pháp luật, không áp dụng những biện pháp cần thiết để kiểm tra cũng như đánh giá chứng cứ toàn diện. Các vụ án gặp khó khăn khi giải quyết gây ra hậu quả oan sai chủ yếu là do những khiếm khuyết nêu trên. Trong một số trường hợp, chất lượng hoạt động chứng minh trong giai đoạn điều tra VAHS còn chưa cao, dẫn đến trả hồ sơ để điều tra bổ sung, không đúng pháp luật, dẫn đến oan sai, bỏ lọt tội phạm và làm oan người vô tội. TA cấp sơ thẩm đã phát hiện và khắc phục những thiếu sót trong hoạt động chứng minh ở những giai đoạn trước đó, đặc biệt là giai đoạn điều tra VAHS

Ví dụ: Điển hình như vụ án quán Café Xin Chào tại Thành phố Hồ Chí Minh truy tố ông Nguyễn Văn Tấn về tội “kinh doanh trái phép”. Cáo trạng của VKSND huyện Bình Chánh, TP Hồ Chí Minh xác định, ngày 18/8/2015, ông Tấn bị Công an huyện Bình Chánh ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Kinh doanh buôn bán cà phê giải khát, ăn sáng... khi chưa được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật. Ông Tấn có xuất trình giấy hẹn ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh nhưng không được chấp nhận. Sau khi bị xử phạt, đến 10/9/2015 Công an huyện Bình Chánh phát hiện ông Tấn tiếp tục kinh doanh trái phép cà phê, nước giải khát... khi chưa được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm. Nửa tháng sau, thủ trưởng công an huyện đã ra quyết định khởi tố bị can đối với ông Tấn. Cáo trạng của VKS truy tố ông Tấn xác định, Sau khi bị xử phạt, đến 10/9/2015 Công an huyện Bình Chánh phát hiện ông Tấn tiếp tục kinh doanh trái phép cà phê, nước giải khát... khi chưa được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm. Theo TAND huyện Bình Chánh, cùng một hành vi vi phạm kinh doanh trái phép nhưng biên bản lập ngày 13/8/2015 có nội dung xác định hành vi của ông Tấn là hoạt động kinh doanh nhưng không có giấy đăng ký kinh doanh. Còn trong biên bản ngày 17/8/2015, được lập tại trụ sở Công an huyện với các hành vi vi phạm gồm: không thực hiện khám sức khỏe định kỳ cho nhân viên thuộc diện phải khám sức khỏe, sử dụng khu vực chế biến, bảo quản không đảm bảo vệ sinh; không có giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm; không lưu giữ đầy đủ hồ sơ về nguồn gốc xuất xứ nguyên liệu về quá trình sản xuất kinh doanh thực phẩm.Trong khi đó, quyết định xử phạt hành chính ngày 18/8/2015 của Công an huyện lại căn cứ vào cả hai biên bản trên. TA quyết định trả hồ sơ cho VKS điều tra bổ sung, làm rõ thủ tục xử lý vi phạm hành chính đối với chủ quán cà phê về hành vi kinh doanh thuộc trường hợp phải được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận an toàn vệ sinh thực phẩm nhưng chưa được cấp đã tiến hành kinh doanh. Ngày 24/4/2016 VKSND huyện Bình Chánh (TP HCM) đã công bố và trao quyết định đình chỉ vụ án, đình chỉ bị can và lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú đối với ông Nguyễn Văn Tấn - chủ quán cà phê Xin Chào bị truy tố trước đó về tội Kinh doanh trái phép.

***Bảng 3.3. Số vụ án bị TA trả hồ sơ điều tra bổ sung từ năm 2010 – 2015***

*Đơn vị: Vụ án*

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **2010** | **2011** | **2012** | **2013** | **2014** | **2015** |
| TA trả hồ sơ điều tra bổ sung | 2150 | 2005 | 1670 | 1662 | 1720 | 1671 |

*[Nguồn: Báo cáo tổng kết của VKS nhân dân năm 2010 – 2015]*

Theo bảng số liệu trên, thực trạng TA trả hồ sơ để điều tra bổ sung tuy đã giảm theo các năm nhưng nhìn chung số vụ án vẫn ở mức cao. Lý do của việc phải trả lại hồ sơ để điều tra bổ sung do: Thiếu những chứng cứ quan trọng mà ở giai đoạn điều tra chưa làm rõ như thiếu chứng cứ xác định năng lực trách nhiệm hình sự, tuổi chịu trách nhiệm hình sự của người thực hiện hành vi phạm tội, chưa làm rõ nhân thân người phạm tội, chưa chứng minh vai trò, mục đích, động cơ phạm tội; Những chứng cứ để xác định hành vi phạm tội, mức độ thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra; Xác định trách nhiệm của những người có liên quan; Những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; Có căn cứ để khởi tố bị can về một tội danh khác hoặc có người đồng phạm khác, trong quá trình điều tra có dấu hiệu bỏ lọt tội phạm, hành vi phạm tội, điều tra không chính xác cần được khởi tố bổ sung hoặc thay đổi quyết định khởi tố cho đúng với hành vi phạm tội… Như vậy, việc trả hồ sơ để điều tra bổ sung giữa các cơ quan THTT chủ yếu là do thiếu các chứng cứ để chứng minh các tình tiết của vụ án, điều này nhìn nhận dưới phương diện liên quan đến đối tượng chứng minh có cơ sở khẳng định rằng: Trong những vụ án này, các cơ quan THTT chưa xác định đúng phạm vi giới hạn của đối tượng chứng minh trong vụ án hoặc những tình tiết là đối tượng cần phải chứng minh trong vụ án chưa được cơ quan THTT chứng minh đầy đủ.

 Theo báo cáo tổng kết 10 năm thi hành Bộ luật TTHS năm 2003 của VKS nhân dân tối cao thì hạn chế chủ yếu trong giai đoạn điều tra VAHS đó là: Công tác điều tra, phát hiện tội phạm vẫn còn có điểm hạn chế, thiếu sót và vi phạm cần được khắc phục. Tỷ lệ khám phá tội phạm ở một số địa phương chưa cao. Còn có một số trường hợp các ĐTV mớm cung, bức cung, nhục hình đối với bị can, làm cho việc điều tra thiếu khách quan và không đầy đủ, là một trong nguyên nhân dẫn đến tại phiên tòa, bị cáo phản cung, không thừa nhận nội dung lời khai tại CQĐT. Việc điều tra, thu thập, đánh giá chứng cứ trong một số vụ án chưa đầy đủ, kịp thời; vật chứng bị mất, hư hỏng không thể phục hồi hoặc thu giữ tràn lan những vật không liên quan đến vụ án, làm cho việc nhận định, đánh giá khác nhau giữa các CQTHTT, dẫn đến tình trạng chậm khởi tố vụ án, khởi tố bị can hoặc khởi tố không đúng tội danh, để lọt tội phạm, gây bức xúc trong dư luận nhân dân.

Một trong những tồn tại lớn nhất trong quá trình giải quyết VAHS ở nước ta hiện nay đó là tình trạng án oan, oan sai trong TTHS. Điều 1 Bộ luật TTHS năm 2003 xác định một trong những mục đích của Bộ luật là xử lý công minh, kịp thời mọi hành vi phạm tội, không để lọt tội phạm, không làm oan người vô tội. Đó cũng chính là điểm đích mà công cuộc cải cách tư pháp hướng tới trong quá trình hoàn thiện hệ thống pháp luật và tư pháp để bảo vệ quyền con người và công lý.

Một vụ án điển hình của cả nước trong thời gian qua đó là vụ án oan của ông Nguyễn Thanh Chấn tại Bắc Giang. Ông Chấn vướng lao lý từ tháng 8/2003 khi Công an huyện Việt Yên, Bắc Giang cho rằng ông là thủ phạm giết cô hàng xóm Nguyễn Thị Hoan tại thôn Me, xã Nghĩa Trung, huyện Việt Yên. Qua các cấp xét xử, tòa án xác định ông phạm tội giết người, tuyên án tù chung thân. Trong 10 năm ngồi tù, ông liên tục kêu oan và có lúc tìm cách quyên sinh nhưng được các phạm nhân khác phát hiện kịp thời. Bà Nguyễn Thị Chiến, vợ ông, cũng ròng rã "gõ cửa" nhiều cơ quan công quyền kêu oan cho ông Chấn. Tháng 7/2013, trong đơn gửi VKSND Tối cao, bà cho hay đã tự xác minh được thủ phạm là Lý Nguyễn Chung. Xem xét đơn, Cục điều tra VKSND Tối cao đã vào cuộc. ngày 4/11/2013, ông Chấn được tạm tha về nhà sau 10 năm bị bắt. Hai hôm sau, TAND Tối cao trong phiên tái thẩm đã hủy hai bản án kết tội ông Chấn giết người. Vụ án được điều tra lại. Sau đó, Lý Nguyễn Chung ra đầu thú, nhận đã giết chị Hoan để cướp 2 chiếc nhẫn cùng 59.000 đồng. Trước việc ông Chấn tố cáo nhóm cán bộ điều tra ép cung, dùng nhục hình, VKSND Tối cao đã phê chuẩn quyết định khởi tố, bắt tạm giam ông Trần Nhật Luật (nguyên thượng tá, phó công an huyện Việt Yên, Bắc Giang) và ông Đặng Thế Vinh (nguyên trưởng phòng 10, VKSND tỉnh Bắc Giang) để điều tra về hành vi Cố ý làm sai lệch hồ sơ vụ án.Ông Phạm Tuấn Chiêm (65 tuổi), cựu thẩm phán Toà phúc thẩm TAND Tối cao, chủ tọa phiên phúc thẩm bác đơn kêu oan của ông Chấn, cũng bị điều tra về tội thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng. Tháng 3 vừa qua, ông Chấn chính thức “sạch tội” khi hai bản án dân sự tuyên buộc ông phải có trách nhiệm bồi thường, cấp dưỡng cho con chị Hoan, được huỷ. Cuối tháng 5, sau 10 tháng thương lượng, TAND Tối cao đạt được thoả thuận bồi thường 7,2 tỷ đồng trong khoảng 9,3 tỷ đồng ông yêu cầu.

Có thể thấy rằng đây mới chỉ là một vụ án điển hình thể hiện sự vi phạm trách nhiệm chứng mịnh trong vụ án hình sự của các CQTHTT, một vụ án oan để lại tổn thất về tinh thần, tình cảm đối với người bị oan. Mặt khác, đã làm thiệt hại một khối tài sản lớn của Ngân sách Nhà nước, nó đã làm giảm lòng tin của nhân dân vào pháp chế. Việc làm oan người vô tội luôn luôn là hệ quả của hành vi trái pháp luật, do sự thiếu trách nhiệm trong quá trình điều tra của một số người tiến hành tố tụng. Qua các vụ án oan, sai một đặc điểm chung rất dễ nhận thấy là luôn có những vi phạm tố tụng nghiêm trọng trong quá trình tiến hành tố tụng, kết luận vụ án luôn là kết quả của sự truy xét qua áp đặt chủ quan của người tiến hành tố tụng, có dấu hiệu mớm cung, bức cung trong quá trình điều tra (song hầu như không chứng minh được hoặc không được Hội đồng xét xử xem xét) như vụ án ông Nguyễn Thanh Chấn là một ví dụ điển hình. Và trước đó TTHS Việt Nam cũng đã có những vụ án oan như vụ án Vườn Điều ở Bình Thuận, vụ trộm cắp cổ vật ở Bắc Ninh….

# Có nhiều nguyên nhân dẫn đến oan, sai trong TTHS. Thực tiễn vận hành hệ thống tư pháp hình sự thời gian qua cho thấy hệ thống pháp luật và việc thực thi pháp luật còn nhiều bất cập so với yêu cầu phát triển của đất nước. Với những quy định chưa đầy đủ, chưa chặt chẽ và chưa hoàn thiện, pháp luật TTHS, nhất là Bộ luật TTHS 2003 luôn bị “kết tội” là “nguyên nhân hàng đầu, cơ bản đầu tiên dẫn đến tình trạng oan, sai trong TTHS”. Bởi theo phân tích của TS.Trịnh Tiến Việt (Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội), nếu những chủ thể tiến hành tố tụng cố ý “lách luật”, lợi dụng những kẽ hở trong pháp luật TTHS để bỏ lọt tội phạm hay làm oan người vô tội sẽ “rất khó phát hiện”. Đây cũng chính là một trong những nguyên nhân làm cho tình hình tội phạm ẩn và tiềm ẩn tăng lên đáng kể, nhiều tội phạm “lọt lưới luật pháp” và cũng nhiều người vô tội phải “vô phúc đáo tụng đình” [55].Ngoài những nguyên nhân khách quan, thì không ít nguyên nhân chủ quan từ chính những người tiến hành tố tụngnhiều Thẩm phán chưa thực sự có trách nhiệm, không chịu cập nhật kiến thức pháp luật để trau dồi kiến thức chuyên môn, nghiên cứu vụ án hình sự còn sơ sài hoặc do chịu những tác động “tế nhị” dẫn đến tình trạng “quên” áp dụng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ…, thậm chí áp dụng điều luật không đúng, quyết định hình phạt tùy tiện, chưa thống nhất.

Bộ luật TTHS năm 2015 được thông qua đã khắc phục những hạn chế, bất cập của Bộ luật TTHS năm 2003 về trách nhiệm của CQTHTT trong quá trình chứng minh VAHS. Bộ luật TTHS 2015 đề cao trách nhiệm chứng minh VAHS của CQTHTT cụ thể tại Điều 15 nguyên tắc xác định sự thật của vụ án. Quy định rõ trách nhiệm của chủ thể tiến hành tố tụng khi vi phạm pháp luật trong quá trình tố tụng tại Khoản 2 Điều 17 Bộ luật TTHS năm 2015. Bộ luật TTHS năm 2015 cũng đã bổ sung thêm các cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành hoạt động điều tra và quy định cụ thể trách nhiệm của từng cơ quan, chức danh tại Điều 35, 36, 37. Bộ luật TTHS năm 2003 chỉ quy định cụm từ ”nhiệm vụ, quyền hạn” thì nay Bộ luật TTHS năm 2015 đã bổ sung thành ”nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm” của các CQTHTT, người tiến hành tố tụng, bên cạnh nhiệm vụ, quyền hạn thì các CQTHTT, người tiến hành tố tụng còn phải thực thi trách nhiệm của mình theo luật định khi chứng minh tội phạm trong VAHS. Bộ luật TTHS năm 2015 đã đề cập đến việc TA xác minh, thu thập, bổ sung chứng cứ tại Điều 252 nâng cao trách nhiệm của TA trong quá trình làm sáng tỏ vụ án đánh giá một cách toàn diện quá trình điều tra vụ án của CQĐT và VKS, tránh làm oan người vô tội, xét xử đúng người đúng tội. Tuy Bộ luật TTHS năm 2015 mới được sửa đổi, bổ sung thêm những quy định mới nhằm hoàn thiện Bộ luật TTHS và đảm bảo hoạt động tố tụng đạt hiệu quả cao, thì chúng ta cần chờ đợi khi Bộ luật này được thi hành trong thực tiễn và đánh giá khả năng hoàn thiện những bất cập của Bộ luật TTHS năm 2003 ra sao.

*3.1.3. Nguyên nhân của hạn chế*

*3.1.3.1. Nguyên nhân từ những quy định của pháp luật*

Bộ luật TTHS năm 2003 sau quá trình thi hành đã bộc lộ nhiều khuyết điểm cần phải sửa đổi bổ sung, cụ thể:

Trong giai đoạn khởi tố, Bộ luật TTHS năm 2003 chỉ quy định trách nhiệm của CQĐT, VKS có trách nhiệm tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố mà không quy định trách nhiệm của các cơ quan tổ chức khác, đây là một trong những thiếu sót của Bộ luật 2003, dẫn đến chưa rằng buộc và phát huy đầy đủ trách nhiệm của các cơ quan tố tụng trong đấu tranh phòng và chống tội phạm, chỉ quy định trách nhiệm cho CQĐT, VKS sẽ dẫn đến bỏ lọt tội phạm, công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm không được đảm bảo (Điều 103). Bộ luật TTHS năm 2015 đã khắc phục tình trạng trên, Bộ luật TTHS năm 2015 quy định cụ thể trách nhiệm tiếp nhận và thẩm quyền giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố tại Điều 145 Bộ luật TTHS năm 2015.

Mọi tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố phải được tiếp nhận đầy đủ, giải quyết kịp thời. Cơ quan, tổ chức có trách nhiệm tiếp nhận không được từ chối tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố. Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố. Cơ quan, tổ chức khác tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm [39]*.*

Bộ luật TTHS năm 2015 đã bổ sung thêm quy định về trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức khác mà Bộ luật TTHS năm 2003 không quy định. Với sự quy định đầy đủ như vậy đã phát huy đầy đủ trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức trong việc đấu tranh, phòng chống tội phạm. Bộ luật TTHS năm 2015 cũng quy định trình tự, thủ tục tiếp nhận tin báo của các cơ quan có thẩm quyền THTT, nếu cơ quan, tổ chức, cá nhân trực tiếp tố giác, báo tin về tội phạm, kiến nghị khởi tố thì cơ quan có thẩm quyền THTT phải lập biên bản tiếp nhận và ghi vào sổ tiếp nhận. Nếu tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố gửi qua dịch vụ bưu chính, điện thoại hoặc qua phương tiện thông tin khác thì ghi vào sổ tiếp nhận. VKS có trách nhiệm chuyển ngay tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố kèm theo tài liệu có liên quan đã tiếp nhận cho Cơ quan điều tra có thẩm quyền; Bộ luật cũng quy định Các cơ quan, tổ chức khác sau khi nhận được tố giác, tin báo về tội phạm thì chuyển ngay cho CQĐT có thẩm quyền. Trường hợp khẩn cấp thì có thể báo tin trực tiếp qua điện thoại hoặc hình thức khác cho CQĐT nhưng sau đó phải thể hiện bằng văn bản.

 Bộ luật TTHS năm 2003 quy định thời điểm thực hiện chức năng quyền công tố của VKS là “từ khi khởi tố vụ án” như vậy, trong quá trình giải quyết tin báo, tin tố giác tội phạm và kiến nghị khởi tố trước khi khởi tố VAHS của CQĐT sẽ không được kiểm soát chặt chẽ, có thể dẫn đến lạm quyền). Để khắc phục hạn chế và nhằm tăng cường trách nhiệm cho VKS, Bộ luật TTHS năm 2015 đã quy định thời điểm thực hiện chức năng thực hành quyền công tố sớm hơn từ khi “giải quyết nguồn tin về tội phạm” (Điều 159). Bên cạnh đó Bộ luật cũng bổ sung thêm trách nhiệm giải quyết tranh chấp về thẩm quyền giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố (Điều 150).

Trong giai đoạn điều tra VAHS, liên quan đến vấn đề trả hồ sơ để điều tra bổ sung, quy định Điều 168 Bộ luật TTHS năm 2003 trong thực tế gặp nhiều khó khăn, nhất là trường hợp VKS ra quyết định trả hồ sơ cho CQĐT để điều tra bổ sung khi thấy “còn thiếu những chứng cứ quan trọng trong vụ án mà VKS không thể tự mình bổ sung được”, bởi nhận thức không thống nhất về “chứng cứ quan trọng”. Tình trạng này dẫn đến một số vụ án phải trả đi trả lại hồ sơ giữa CQĐT và VKS, dẫn đến kéo dài thời gian giải quyết vụ án.

Thực hiện Nghị quyết 08-NQ/TW của Bộ chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 thì trách nhiệm của VKS được đề cao nhằm “tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, việc bắt, giam, giữ đảm bảo đúng pháp luật…VKS các cấp chịu trách nhiệm về những oan sai trong việc bắt, tạm giữ, tạm giam thuộc phạm vi quyền phê chuẩn của mình, tăng cường công tố hoạt động điều tra, gắn công tố với hoạt động điều tra”.Nhằm thể chế hóa chủ trương của Đảng, tăng cường hơn nữa trách nhiệm của VKS, Bộ luật TTHS năm 2015 đã có những sửa đổi, bổ sung quan trọng đối với trách nhiệm của VKS trong giai đoạn điều tra VAHS: Một là, quy định cụ thể nhiệm vụ, quyền hạn của VKS khi thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp trong giai đoạn điều tra (Điều 165, Điều 166). Hai là, quy định thêm trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày nhận được quyết định khởi tố bị can, quyết định thay đổi hoặc bổ sung quyết định khởi tố bị can, VKS phải phê chuẩn hoặc hủy bỏ; đồng thời bổ sung quy định trường hợp VKS yêu cầu bổ sung chứng cứ, tài liệu thì trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày nhận được chứng cứ, tài liệu bổ sung, VKS phê chuẩn hoặc hủy bỏ quyết định khởi tố bị can (Điều 179, Điều 180). Ba là, ngoài hai hoạt động tố tụng bắt buộc phải có sự tham gia của KSV là khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm tử thi thì Bộ luật bổ sung thêm 05 trường hợp bắt buộc phải có KSV tham gia gồm: Đối chất, nhận dạng, nhận biết giọng nói, khám xét, thực nghiệm điều tra (các Điều 189, 190, 191,193, 201, 202, 204). Năm là, nhằm bảo đảm cho KSV nắm chắc chứng cứ, tài liệu trong giai đoạn điều tra, Bộ luật quy định cụ thể những trường hợp VKS phải trực tiếp tiến hành một số hoạt động điều tra:  trường hợp để kiểm tra, bổ sung tài liệu, chứng cứ khi xét phê chuẩn lệnh, quyết định của Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra hoặc trường hợp phát hiện có dấu hiệu oan, sai, bỏ lọt tội phạm, vi phạm pháp luật mà VKS đã yêu cầu bằng văn bản nhưng không được khắc phục hoặc trường hợp để kiểm tra, bổ sung tài liệu, chứng cứ khi quyết định việc truy tố (Điều 165). Sáu là, Khi phát hiện việc điều tra không đầy đủ, vi phạm pháp luật thì VKS yêu cầu Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra thực hiện các hoạt động: Tiến hành hoạt động điều tra đúng pháp luật; Kiểm tra việc điều tra và thông báo kết quả cho Viện kiểm sát; Cung cấp tài liệu liên quan đến hành vi, quyết định tố tụng có vi phạm pháp luật trong việc điều tra.(Điều 166)....[5, tr 129-130].

Bộ luật TTHS năm 2003 không quy định cụ thể các nhiệm vụ, quyền hạn của VKS khi thực hành quyền công tố và kiểm sát trong giai đoạn truy tố. Để phù hợp với quy định của Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2014, Bộ luật TTHS năm 2015 đã bổ sung 02 điều (Điều 236 và Điều 237) nhằm quy định đầy đủ nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của VKS trong giai đoạn truy tố.

Trong giai đoạn xét xử, nhằm cụ thể hóa Hiến pháp năm 2013 “tranh tụng trong xét xử được bảo đảm” trong giai đoạn này VKS thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử (Điều 266 và Điều 267). *Trong phiên tòa xét xử Kiểm sát viên VKS cũng cấp phải có mặt để thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử tại phiên tòa. Đối với vụ án nghiêm tọng, phức tạp thì có thể có nhiều KSV* (Điều 289). KSV sẽ trình bày bản cáo trạng của mình trước TA đối với bị cáo dựa trên quá trình điều tra thu thập chứng cứ.

Theo quy định tại Điều 27 của BLTTHS 2003 thì TA là một trong các chủ thể có nhiệm vụ tìm ra những nguyên nhân và điều kiện phạm tội, nếu xét dưới góc độ tội phạm học thì mục đích của việc tìm ra nguyên nhân và điều kiện phạm tội là nhằm để đấu tranh phòng ngừa tội phạm cụ thể, tuy nhiên xác định TA là một trong các cơ quan có nhiệm vụ tìm ra những nguyên nhân và điều kiện phạm tội, như vậy vấn đề đặt ra là nhiệm vụ này có đồng nhất với chức năng chứng minh tội phạm và chức năng buộc tội không? Bởi lẽ nếu một khi TA vừa có chức năng chứng minh tội phạm vừa trừng trị tội phạm là chưa hợp lý, nếu như vậy tính khách quan, rành mạch giữa các chức năng trong tố tụng sẽ không còn phân định rõ ràng, chồng lấn lẫn nhau,v,v...Do vậy, Bộ luật TTHS năm 2015 đã bỏ nguyên tắc phát hiện và khắc phục nguyên nhân và điều kiện phạm tội ra khỏi nguyên tắc của Bộ luật TTHS năm 2015. Tuy nhiên, không còn nằm trong nguyên tắc của Bộ luật TTHS thì không có nghĩa là TA không có trách nhiệm chứng minh tội phạm. Quy định TA có trách nhiệm chứng minh tội phạm sẽ bất hợp lý với chức năng xét xử của TA, sẽ ảnh hưởng đến các phán quyết của TA khi xét xử.

*3.1.3.2. Nguyên nhân từ phía chủ thể có trách nhiệm chứng minh*

Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của các CQTHTT chưa đáp ứng được quá trình phát hiện và điều tra tội phạm.Với sự phát triển mạnh mẽ của khoa học, công nghệ thông tin những tội phạm công nghệ cao ngày càng phát triển mạnh trong khi trình độ của các cán bộ điều tra, các ĐTV, KSV còn nhiều hạn chế. Vì vậy đặt ra một yêu cầu với hoạt động chứng minh tội phạm là phải có sự đầu tư kỹ lưỡng về mặt nhân lực cả số lượng và chất lượng. Tuy nhiên cũng có những trường hợp do nhận thức kém, biện pháp nghiệp vụ còn non kém hoặc tư duy theo ý muốn chủ quan của người THTT dẫn tới nhưng sai lầm đáng tiếc xảy ra.

Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 24/5/2005 của Bộ Chính trị về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 đã nhận định “đội ngũ cán bộ tư pháp, bổ trợ tư pháp còn thiếu; trình độ nghiệp vụ và bản lĩnh chính trị của một bộ phận cán bộ còn yếu, thậm chí một số cán bộ còn sa sút về phẩm chất, đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp, vẫn còn tình trạng oan sai trong điều tra, Hiện nay, đội ngũ ĐTV, KSV, cán bộ, công chức làm trong ngành tư pháp tuy đã tăng cường đáng kể nhưng chưa đáp ứng được yêu cầu của tình hình mới, vẫn còn thiếu về số lượng. Cần nhanh chóng bổ sung đủ số lượng ĐTV, KSV đáp ứng đòi hỏi yêu cầu thực tế của công tác giải quyết các VAHS. Ở giai đoạn hiện nay, khi diễn biến của tình hình tội phạm ngày càng phức tạp và gia tăng về số lượng một cách đáng lo ngại đòi hỏi đội ngũ cán bộ chuyên trách của CQĐT, VKS phải đặc biệt chú ý .

ĐTV, KSV là những chủ thể có trách nhiệm chứng minh, trực tiếp tiến hành các hoạt động chứng minh nhằm xác định sự thật của vụ án ra kết luận, quyết định phù hợp với vụ án. Do đó, trình độ năng lực, tinh thần trách nhiệm và phẩm chất đạo đức của các chủ thể này là yếu tố quyết định chất lượng của hoạt động chứng minh. Một bộ phận thiếu về chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng, một số ít không chuyên tâm vào nghề nghiệp, suy thoái đạo đức dẫn đến những vi phạm nghiêm trọng trong quá trình chứng minh, gây mất lòng tin của nhân dân. Trình độ ĐTV, KSV còn chưa thực sự đồng đều. Số lượng cán bộ tư pháp có bằng cử nhân luật hệ chính quy còn chưa đáp ứng được yêu cầu, còn lại là bằng tại chức, đào tạo từ xa. Kỹ năng làm việc, trình độ tin học, ngoại ngữ còn hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu đặt ra, nhất là ở các huyện vùng sâu, vùng xa. Vì vậy, đảm bảo đội ngũ cán bộ tư pháp đủ về mặt số lượng và chất lượng là yêu cầu thiết yếu đặt ra.

Cần kịp thời nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, trình độ pháp lý cho ĐTV, KSV. Nhân tố con người được coi là nhân tố quan trọng, chất lượng hoạt động của mọi hoạt động. Mặt khác, quá trình chứng minh ở giai đoạn điều tra còn có tính phức tạp cao. Trong quá trình này, các chủ thể THTT được pháp luật trao cho quyền tự do đánh giá chứng cứ trên cơ sở niềm tin nội tâm, ý thức pháp luật của mình. Vì vậy, chỉ khi các chủ thể có trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao, nắm vững pháp luật thì các quyết định tố tụng của họ mới có cơ sở thực tế, đảm bảo tính đúng đắn, tính phù hợp với pháp luật và đó là cơ sở quan trọng làm giảm tình trạng oan, sai trong TTHS. Trong thời gian tới, Nhà nước cần quan tâm không chỉ mở các lớp tập huấn ngắn hạn cho các ĐTV mà cần có kế hoạch đào tạo nghề mội cách chính quy cho các chủ thể này.

3.1.3.3. Nguyên nhân khác

*Vai trò của người bào chữa chưa được đề cao trong tố tụng*

Luật sư với vai trò là người bào chữa, đây không chỉ là quyền mà còn là trách nhiệm pháp lý, là nghĩa vụ nghề nghiệp của họ. Muốn thực hiện được quyền và nghĩa vụ này người bào chữa phải tiến hành thu thập chứng cứ để có đủ phương tiện chứng minh. Tuy nhiên, quyền thu thập chứng cứ, tài liệu có liên quan đến vụ án còn bị hạn chế. Khi thực hiện việc bào chữa họ chỉ dựa vào các chứng cứ do bên buộc tội cung cấp, điều này đã không tạo được sự bình đẳng giữa các bên trong tranh tụng; và còn nhiều bất hợp lý khác cần phải có sự nghiên cứu để sửa đổi bổ sung kịp thời [10]. Mặt khác, thủ tục cấp giấy chứng nhận bào chữa cho luật sư bị gây khó dễ bởi chính CQTHTT khiến cho luật sư phải mất rất nhiều thời gian, nhiều khi không đảm bảo quyền lợi cho bị can, bị cáo.

*Những người tham gia tố tụng khác*:

Trình độ hiểu biết pháp luật nói chung, pháp luật hình sự và pháp luật TTHS nói riêng của người dân còn hạn chế. Các trung tâm trợ giúp pháp lý của Nhà nước hoạt động chưa sâu rộng, đặc biệt là ở miền núi và nông thôn, do lực lượng mỏng và yếu. Điều này trực tiếp ảnh hưởng đến hiệu quả thực hiện quyền chứng minh của người dân khi họ tham gia tố tụng. Ngoài ra, chúng ta chưa có một cơ chế pháp lý hoàn chỉnh để bảo vệ người bị hại và người làm chứng khi họ tố giác hành vi phạm tội với các cơ quan chức năng, điều này cùng với sự kém hiểu biết của người dân, dẫn tới tình trạng khá phổ biến hiện nay là người dân sợ bị trả thù mà không dám tố giác tội phạm, gián tiếp bao che cho hành vi phạm tội, không hợp tác với các cơ quan THTT, gây khó khăn rất lớn cho hoạt động chứng minh tội phạm.

Tình hình chấp hành pháp luật của Cơ quan giám định, giám định viên: Số lượng vụ, việc giám định, có sự tham gia của giám định viên không cao. Số lượng kết quả giám định có vi phạm (trong đó: vi phạm về thời hạn, vi phạm về hình thức, nội dung) vẫn còn tồn tại.

*Nguyên nhân từ yếu tố cơ sở vật chất - kỹ thuật:*

Trong những năm vừa qua, Đảng và Nhà nước quan tâm nên cơ sở vật chất, trang thiết bị làm việc của ngành điều tra, kiểm sát đã được tăng cường, nhưng so với yêu cầu của cải cách tư pháp thì vẫn chưa đáp ứng được. Cơ sở vật chất - kỹ thuật và điều kiện làm việc của đội ngũ ĐTV, KSV, Luật sư chưa đáp ứng được yêu cầu công tác. Một số trụ sở còn rất chật hẹp, không đủ phòng làm việc, phòng nghiên cứu hồ sơ; phòng lấy hỏi cung bị can và lấy lời khai những người tham gia tố tụng có hạn, chưa đáp ứng đủ về số lượng và chất lượng; chưa có hệ thống âm thanh và các phương tiện ghi âm, ghi hình, máy chiếu có chất lượng tốt phục vụ công tác… Cơ sở vật chất, kỹ thuật phục vụ cho hoạt động của cơ quan THTT còn chưa được quan tâm, đầu tư, xây dựng đúng mức gây ảnh hưởng không nhỏ tới công tác và làm việc của những người làm công tác tư pháp, ảnh hưởng tới hiệu quả của hoạt đọng chứng minh.

Đời sống vật chất và tinh thần của ĐTV, KSV là yếu tố quan trọng ảnh hưởng tới chất lượng và hiệu quả công việc mà họ đảm nhiệm. Tuy đã được cải tiến một bước nhưng chế độ tiền lương và phụ cấp nghề nghiệp đối với ĐTV, KSV địa phương (đặc biệt ở cấp huyện) ở nước ta vẫn còn thấp so với đặc thù nghề nghiệp.

Chế độ tiền lương, chính sách đãi ngộ dành cho các cán bộ làm công tác tư pháp nói chung và chủ thể có trách nhiệm chứng minh nói riêng còn chưa thỏa đáng. Đây là một trong những nguyên nhân dẫn tới những tồn tại, vướng mắc trên. Chính thực tế này dẫn tới sự thiếu hụt nguồn nhân sự trong ngành tư pháp, dễ phát sinh tiêu cực như tham nhũng, nhận hối lộ… Chế độ và chính sách đãi ngộ chưa thỏa đáng làm cho các cán bộ không yên tâm công tác, toàn tâm, toàn ý lo cho công việc, ảnh hưởng không nhỏ tới hiệu quả của hoạt động chứng minh.

*Nguyên nhân từ lề lối làm việc:*

 Còn một bộ phận cán bộ, ĐTV, KSV thiếu kinh nghiệm thực tiễn, còn lung túng trong công tác, một số cán bộ thiếu trách nhiệm và lương tâm nghề nghiệp, vi phạm pháp luật, vi phạm về đạo đức, lối sống... Thực trạng này cũng là một nhân to dẫn tới thực trạng thiếu khách quan, công bằng, làm sai lệch sự thật khách quan của VAHS của các cán bộ tư pháp trong đó có các chủ thể có trách nhiệm chứng minh, ảnh hưởng tới việc giải quyết đúng đắn VAHS.

**3.2. Giải pháp góp phần nâng cáo hiệu quả trách nhiệm chứng minh vụ án hình sự của cơ quan tiến hành tố tụng**

*3.2.1. Giải pháp đối với các quy định của pháp luật*

Bộ luật TTHS năm 2015 ra đời đã có những thay đổi nhằm tăng cường vị trí, chức năng và nâng cáo trách nhiệm chứng minh tội phạm của các CQTHTT. Vì là Bộ luật mới được điều chỉnh, bổ sung khá nhiều các điểm mới quy định về trình tự, thủ tục tố tụng nên để có thể áp dụng một cách có hiệu quả trong công tác điều tra và chứng minh tội phạm trong VAHS thì đòi hỏi phải có những hướng dẫn cụ thể hơn nữa để kịp thời làm sáng tỏ những tư tưởng, định hướng của Bộ luật TTHS mới. Kịp thời hướng dẫn các chủ thể có trách nhiệm khi tham gia vào quá trình tố tụng nhận thực được quyền và nghĩa vụ của mình, tránh áp dụng luật một cách tùy nghi dẫn đến những hậu quả làm ảnh hưởng đến sự tôn nghiêm, lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích của nhân dân.

Nhận thấy rằng, Bộ luật TTHS năm 2015 đã kịp thời sửa đổi những bất cập của Bộ luật TTHS năm 2003 về trách nhiệm chứng minh tội phạm của các CQTHTT. Các nhà làm luật cần dự liệu những bất cập có thể xảy ra trong quá trình áp dụng để kịp thời có phương hướng điều chỉnh cho phù hợp. Cải cách mạnh mẽ thủ tục tố tụng tư pháp theo hướng dân chủ, bình đẳng công khai, minh bạch, chặt chẽ, nhưng thuận tiện, đảm bảo sự tham gia và giám sát của nhân dân đối với hoạt động tư pháp. Theo định hướng này, ngoài những nguyên tắc đã có về dân chủ, bình đẳng thì BLTTHS cần phải bổ sung nguyên tắc cơ bản: “Bảo đảm mọi hoạt động của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án phải được công khai, minh bạch” với nội dung: 1) Mọi hoạt động TTHS từ khi áp dụng một số biện pháp ngăn chặn, biện pháp thu thập chứng cứ (trước khi có quyết định khởi tố của cơ quan có thẩm quyền); giai đoạn khởi tố; điều tra, truy tố, xét xử đến thi hành án đều phải được công khai. 2) Các hoạt động TTHS phải rõ ràng trên cơ sở qui định của pháp luật. 3) Chủ thể có nghĩa vụ công khai minh bạch trong hoạt động tố tụng hình sự là các cơ quan tiến hành tố tụng (THTT) và người THTT. 4) Đối tượng nhận được công khai từ các cơ quan THTT và người THTT là những người tham gia tố tụng, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến vụ án. 5) Pháp luật qui định các hình thức công khai về hoạt động tố tụng hình sự. 6) Pháp luật qui định cơ chế tham gia và giám sát của nhân dân đối với hoạt động tư pháp. Với những nội dung này của nguyên tắc sẽ phải loại bỏ khá nhiều các qui định hiện hành của BLTTHS 2003, cũng như khắc phục được những khó khăn khi luật sư tiếp cận vụ án như hiện nay. Mặt khác, nội dung nguyên tắc này còn thể hiện định hướng tăng cường dân chủ trong hoạt động TTHS mà Nghị quyết 49 của Bộ Chính trị đã chỉ ra [ 9, Tr.246].

 Tổ chức và hoạt động của CQĐT được thể chế hóa trong pháp luật TTHS, cụ thể hơn là ở trong BLTTHS và Pháp lệnh Tổ chức điều tra hình sự hiện hành. Việc Quốc hội đưa vào Chương trình xây dựng luật và pháp lệnh nhiệm kỳ 13 Dự án Luật Tổ chức điều tra hình sự đồng thời với việc sửa đổi, bổ sung BLTTHS đang đặt ra vấn đề là nội dung nào về chế định điều tra thì đưa vào BLTTHS, còn nội dung nào thì đưa vào Luật Tổ chức điều tra hình sự. Theo tôi, một khi đã có đạo luật riêng về điều tra tội phạm thì phương án tối ưu là tập trung tất cả những quy định về điều tra tố tụng vào đó, theo đúng mô hình đạo luật về thi hành án hình sự. Trong trường hợp đó, BLTTHS chỉ tập trung điều chỉnh hoạt động xét xử. Điều này cũng hoàn toàn phù hợp với yêu cầu cải cách tư pháp: Coi xét xử là khâu trung tâm của hoạt động tư pháp [30].

 Tuy nhiên, không nên quy định trách nhiệm chứng minh VAHS đối với TA. TA cũng có nhiệm vụ bảo vệ pháp luật nhưng thực hiện nhiệm vụ đó thông qua chức năng xét xử của mình, TA không phải là người truy tố bị cáo nên không có nghĩa vụ chứng minh tội phạm. Trách nhiệm chứng minh tội phạm thuộc về CQTHTT thực hiện chức năng buộc tội (CQĐT, VKS), với tư cách là cơ quan ra phán quyết, TA không có nhiệm vụ chứng minh tội phạm cũng như chứng minh sự vô tội, không nên quy định TA phải trực tiếp xác định các tình tiết vụ án, trực tiếp hỏi người tham gia tố tụng để tránh hiểu nhầm là TA làm thay chức năng buộc tội, gỡ tội; trái với yếu tố tranh tụng.

*3.2.2. Giải pháp đối với các cơ quan tiến hành tố tụng có trách nhiệm chứng minh*

Các CQTHTT có vai trò quan trọng trong quá trình chứng minh VAHS, cho nên một VAHS có được tiến hành chứng minh đúng quy định của pháp luật hay không phụ thuộc phần lớn vào các chủ thể tiến hành tố tụng. Để nâng cao hiệu quả trách nhiệm chứng minh vụ án của CQTHTT thì cần có các giải pháp:

*Thứ nhất, Xây dựng đội ngũ cán bộ có năng lực, chuyên môn, nghiệp vụ*

Cần tiến hành các giải pháp nhằm xây dựng đội ngũ ĐTV, Kiểm sát đủ về số lượng, giỏi về trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, có phẩm chất đạo đức tốt và tinh thần trách nhiệm cao để bổ sung nguồn lực cho CQĐT, giảm thiểu tình trạng án quá tải mà đội ngũ ĐTV, KSV không đủ hoặc yếu về chuyên môn nghiệp vụ khi điều tra án,không làm ảnh hưởng đến chất lượng của hoạt động chứng minh, nhất là các CQĐT cấp quận, huyện, miền núi, hải đảo xa xôi. Cần củng cố và hoàn thiện mối quan hệ của các CQĐT với các cơ quan khác hỗ trợ điều tra.

Đảm bảo về mặt chất lượng đội ngũ cán bộ có trách nhiệm chứng minh trong các cơ quan THTT. Cần thực hiện đầy đủ theo quy định của pháp luật ngay từ khuân tuyển dụng, bổ nhiệm thật tột, đầy đủ, chính xác. Ngoài ra, cần phải có thêm yêu cầu về trình độ ngoại ngữ, tin học để có thể tiếp thu và ứng dụng các cơ sở vật chất, kỹ thuật tiên tiến của nước ngoài về điều tra hình sự. Chế độ tuyển chọn phải công khai, công bằng, minh bạch… Xây dựng đội ngũ ĐTV, KSV của nước ta có phẩm chất đạo đức tốt, trình độ chuyên môn và kỹ năng nghề nghiệp giỏi là yêu cầu cấp thiết. Nâng cao trình độ pháp lý nghiệp vụ, ý thức trách nhiệm và đạo đức nghề nghiệp của những người THTT.

 Đảm bảo đủ về số lượng các chủ thể có trách nhiệm chứng minh, hạn chế tình trạng làm việc quá tải và làm tồn đọng án, chất lượng giải quyết vụ án được nâng cao. Vì vậy, cần tăng cường hơn nữa công tác tuyển dụng, bổ nhiệm các cán bộ, công chức và phân công công việc hợp lý.

Bên cạnh việc tiêu chuẩn hóa đội ngũ cán bộ theo quy định chung trong giai đoạn hiện nay thì đòi hỏi thường xuyên bồi dưỡng kiến thức pháp lý và kinh nghiệm thực tiễn trong hoạt động chứng minh cho những người THTT. Tăng cường công tác tổng kết, rút kinh nghiệm, phát hiện những tồn tại sai sót trong hoạt động TTHS liên quan đến đối tượng chứng minh để khắc phục, uốn nắn kịp thời. Làm rõ trách nhiệm đối với những người để xảy ra sai sót trên cơ sở đó xem xét xử lý tùy theo mức độ vi phạm. Đối với những người cố ý vi phạm thì cần nghiêm khắc xử lý để từ đó nâng cao hơn nữa ý thức trách nhiệm và phẩm chất đạo đức của đội ngũ những người THTT.

Thường xuyên đào tạo, bồi dưỡng theo chuyên đề về trình độ chuyên môn và kỹ thuật kỹ năng nghề nghiệp cho đội ngũ ĐTV để đáp ứng yêu cầu về chất lượng của ĐTV. Việc đào tạo ĐTV tương lai ở các trường, Học viện của Bộ công an cần có sự đổi mớ về nội dung chương trình theo hướng cơ bản, tòa diện, gắn với thực tiễn để khi ra trường các học viên có khả năng nhanh chóng tiếp cận thực tế, vận dụng thành thạo lý thuyết được trang bị vào công việc của mình.

*Thứ hai, Nâng cao nhận thức của người tiến hành tố tụng*

 Nâng cao nhận thức cho các người tiến hành tố tụng để khắc phục tình trạng buộc tội một chiều trong hoạt động điều tra, truy tố, xét xử. Để tìm ra sự thật của vụ án thì ĐTV, KSV, Thẩm phán phải dựa trên tính khách quan của các tình tiết, tôn trọng sự thật khách quan tránh để cho tư duy nhìn nhận vụ án một chiều mà kết án.

Khuynh hướng buộc tội một chiều còn liên quan chặt chẽ đến tiêu chí đánh giá hiệu quả hoạt động của CQTHTT, người tiến hành tố tụng. Nếu CQTHTT đã khởi tố bị can, bắt bị can để tạm giam, mà sau này phái đình điều tra, đình chỉ vụ án hoặc TA tuyên bị cáo không phạm tội, thường bị đánh giá rằng, CQTHTT, người tiến hành tố tụng có liên quan hoạt động kém hiệu quả. Cách nhìn nhận vấn đề như vậy dẫn đến việc người tiến hành tố tụng không có động lực để ra quyết định đình chỉ điều tra, đình chỉ vụ án do không có sự kiện phạm tội, do hành vi không cấu thành tội phạm, do hết thời hạn điều tra không chứng minh được bị can thực hiện hành vi phạm tội. Cần phải có cách nhìn ngược lại, nếu đã khởi tố, áp dụng các biện pháp ngăn chặn đối với bị can, mà sau đó CQTHTT xác định được bị can không phạm tội và ra quyết định đình chỉ điều tra, VKS ra quyết định đình chỉ vụ án hoặc TA tuyên bị cáo không phạm tội, thì đây phài được coi là sự chiến thắng của công lý, coi đó là sức mạnh, hiệu quả hoạt động của cơ quan tiến hành tố lụng và phải dược dư luận xã hội hoan nghênh. Những cán bộ có trách nhiệm của CQTHTT đã phát hiện ra những trường hợp oan, sai trong TTHS phải được khen thưởng xứng đáng, vì chính họ đã lấy lại niềm tin của những người bị oan, sai vào sự công minh của pháp luật.

Thứ ba, nắm vững quy định của pháp luật. NTHTT phải nắm vững quy định của pháp luật tố tụng hình sự về tư cách của từng NTGTT để dễ dàng áp dụng. Từng CQTHTT cần phải quán triệt quy định về NTGTT trong BLTTHS và văn bản hướng dẫn đến tất cả những NTHTT trong cơ quan để thống nhất áp dụng. Khi có sự hiểu khác nhau về tư cách NTGTT, các CQTHTT cần phải thống nhất khi họp phối hợp ba ngành hàng tháng hoặc có thể họp bất thường để tránh việc phải trả hồ sơ điều tra bổ sung cũng như tránh bị sửa, hủy án sau khi xét xử [9]

*3.2.3. Giải pháp khác*

*Thứ nhất*, Cần tăng cường hơn nữa sự tham gia của người bào và bảo đảm quyền bào chữa của bị can, bị cáo trong quá trình tố tụng hình sự. Quyền bào chữa không chỉ cần thiết cho bị can, bị cáo mà còn cần thiết và có lợi cho chính các cơ quan tiến hành tố tụng, cho nhiệm vụ xác định sự thật khách quan của vụ án, xét xử đúng người đúng tội, không để lọt tội phạm và không làm oan người vô tội

*Thứ hai*, Đầu tư phương tiện kỹ thuật hình sự phục vụ hoạt động điều tra và hoạt động giám định đáp ứng ngày càng tốt yêu cầu chứng minh tội phạm trong tình hình hiện nay. Thực tiễn cho thấy, trong tình hình tội phạm diễn biến phức tạp như hiện nay thì đòi hỏi quá trình điều tra, chứng minh, ĐTV, kỹ thuật viên, giám định viên phải áp dụng nhiều phương tiện kỹ thuật để phát hiện, ghi nhận, thu giữ và nghiên cứu những dấu vết, tài liệu, chứng cứ. Phạm vi những phương tiện kỹ thuật được áp dụng trong quá trình này càng mở rộng bao nhiêu thì khả năng thu thập, đánh giá và sử dụng chứng cứ càng cao bấy nhiêu. Bởi vậy cần phải đổi mới công tác sắp xếp, bố trí hợp lý cán bộ điều tra nói chung và cán bộ kỹ thuật hình sự nói riêng và tăng cường đầu tư phương diện kỹ thuật hình sự.

*Thứ ba,* Cần có điều chỉnh chế độ tiền lương và phụ cấp hợp lý hơn cho đội ngũ cán bộ, Điều tra vên, KSV, Thẩm phán và Hội thẩm. Mặc dù, Nhà nước ta đã có những chính sách đãi ngộ cho những người THTT những thực sự chưa thỏa đáng so với tính chất và mức độ của công việc mà họ được giao. Đồng thời có chế độ khen thưởng kịp thời, động viên khích lệ với những cán bộ có tinh thần trách nhiệm cao và hoàn thành tốt nhiệm vụ… Cần phải có những biện pháp để đổi mới hoạt động của CQĐT, VKS cho hợp lý. Thực tế, tổ chức và hoạt động của những cơ quan THTT này còn nhiều điểm bất hợp lý như: Trong các CQĐT vẫn còn hiện tượng phân tán lực lượng, chưa đảm bảo tính chuyên sâu trong hoạt động điều tra các loại tội phạm, thiếu sự phối hợp đồng bộ để đạt hiệu quả cao trong hoạt động điều tra; Tình trạng chồng chéo, khó phân định rõ ràng được chức năng và nhiệm vụ của VKS với các CQĐT…

Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, thiết kế hạ tầng phục vụ cho các cơ quan THTT. Trong điều kiện phát triển mạnh mẽ của khoa học kỹ thuật và công nghệ hiện nay thì yếu tố này càng có ý nghĩa quan trọng. Vì vậy, để nâng cao hoạt động chứng minh thì cần phải có sự đầu tư cho cho các cơ quan THTT. Kịp thời trang bị cho các cơ quan này các phương tiện kỹ thuật hiện đại phục vụ công tác tiếp nhận, lưu trữ và xử lý thông tin về tội phạm…

*Thứ tư,* Tăng cường công tác tuyên truyền giáo dục pháp luật, thực hiện có hiệu quả các biện pháp bảo đảm cho công dân tham gia tích cực vào việc điều tra chứng minh tội phạm. Thực tiễn cho thấy có một bộ phận dân cư do thiếu hiểu biết về pháp luật nên đôi khi còn có thái đồ tiêu cực trong đấu tranh phòng chống tội phạm do sợ mất thời gian, sợ dính lứu đến pháp luật, sợ bị trả thù… nên không tích cực tham gia vào việc tố giác tội phạm. Thậm chí có người còn vì những lý do cá nhân khác nhau mà cung cấp thông tin thiếu chính xác, sai sự thật gây khó khăn cho cơ quan THTT trong quá trình điều tra, chứng minh vụ án. Bởi vậy, công tác tuyên truyền giáo dục cho nhân dân là cần thiết và cần được thực hiện bằng nhiều hình thức như: thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, thông qua đoàn thể quần chúng, thông qua việc tổ chức các cuộc thi tìm hiểu pháp luật dưới dạng sân khấu hóa và đặc biệt quan tâm hơn nữa đến công tác giáo dục pháp luật trong các trường học.

*Thứ năm*, Thực hiện tốt công tác tiếp nhận và xử lý tin báo tố giác tội phạm. Đảm bảo điều kiện thuận tiện cho nhân dân tham gia vào việc đấu tranh phòng chống tội phạm như đa dạng hóa các hình thức tiếp nhận tin báo (nhận tin trực tiếp, qua hòm thư tố giác…) đồng thời đảm bảo an toàn cho những người tố giác tội phạm, người làm chứng. Thực hiện việc trả thù lao cho những người làm chứng theo đúng quy định của pháp luật. Đối với những người có thành tích trong công tác đấu tranh phòng chống tội phạm cần được khen thưởng kịp thời cả về tinh thần và vật chất. Tăng cường hợp tác quốc tế trong đấu tranh phòng, chống tội phạm có tính chất quốc tế.

**KẾT LUẬN CHƯƠNG III**

 Trách nhiệm chứng minh trong VAHS của các CQTHTT có vai trò và ý nghĩa quan trọng đối với việc làm sáng tỏ sự thật của vụa án, làm sáng tỏ hành vi và động cơ phạm tội cũng như các tìm ra các tình tiết chứng tỏ không có sự kiện phạm tội. Nhà nước đã trao quyền và trách nhiệm tiến hành tố tụng cho các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng nhằm đề cao vao trò và trách nhiệm của các cơ quan .

Tuy nhiên, vẫn còn tồn tại nhiều vấn đề bất cập làm ảnh hưởng tới trách nhiệm chứng minh tội phạm của các chủ thể có thẩm quyền. Việc nhận thức đúng và đầy đủ lý luận về chứng cứ và chứng minh trong tố tụng hình sự nói chung cũng như về trách nhiệm chứng minh trong giai đoạn TTHS của CQĐT, VKS, TA đảm bảo cho hoạt động của các cơ quan THTT, người THTT trong giai đoạn này được khách quan, chính xác.

Để đáp ứng kịp thời yêu cầu và đòi hỏi của thực tiễn đấu tranh phòng, chống tội phạm Bộ luật TTHS năm 2015 ra đời cùng với hệ thống pháp luật tố tụng hình sự sự hiện hành đã tạo ra nhiều chuyển biến mạnh mẽ, tích cực trong ý thức cũng như trong thực tiễn trong trách nhiệm của từng CQTHTT. Bộ luật TTHS năm 2015 đã sửa đổi, bổ sung kịp thời những khiếm khuyết của Bộ luật TTHS năm 2003 nhằm tăng cường hơn nữa trách nhiệm của các chủ thể THTT.

**KẾT LUẬN**

Trách nhiệm chứng minh trong VAHS thuộc về các CQTHTT. Pháp luật TTHS đã quy định rõ và cụ thể trách nhiệm của từng CQTHTT, điển hình là CQĐT, VKS, TA. Mỗi cơ quan tại mỗi giai đoạn TTHS có trách nhiệm riêng biệt nhưng lại có sự kiểm soát lẫn nhau trong hoạt động TTHS.

Giai đoạn điều tra, CQĐT và VKS giữ vai trò chủ đạo. Với tính chất là một giai đoạn độc lập của tố TTHS, giai đoạn điều tra vụ án hình sự có chức năng thực hiện các nhiệm vụ cụ thể nhằm áp dụng các biện pháp cần thiết do luật định để chứng minh việc thực hiện tội phạm và người phạm tội, xác định rõ những nguyên nhân và điều kiện phạm tội, đồng thời kiến nghị các cơ quan và tổ chức hữu quan áp dụng đầy đủ các biện pháp khắc phục và phòng ngừa tội phạm; Thời điểm của giai đoạn này được bắt đầu từ khi cơ quan, người tiến hành tố tụng hình sự có thẩm quyền ra quyết định khởi tố VAHS và kết thúc bằng bản kết luận điều tra và quyết định của CQĐT về việc đề nghị VKS truy tố bị can trước TA hoặc đình chỉ vụ án hình sự tương ứng.

Giai đoạn truy tố thể hiện quyền công tố của VKS trong hoạt động TTHS. Với tính chất là một giai đoạn độc lập của hoạt động tố tụng hình sự, giai đoạn truy tố về hình sự có chức năng thực hiện các nhiệm vụ cụ thể do luật định kiểm tra lại tính hợp pháp và có căn cứ của toàn bộ các hành vi tố tụng mà CQĐT có thẩm quyền đã áp dụng để bảo đảm cho các quyết định của VKS được chính xác và khách quan góp phần truy cứu trách nhiệm hình sự đúng tội, đúng người và đúng pháp luật. Thời điểm của giai đoạn này được bắt đầu từ khi VKS nhận được các tài liệu của vụ án hình sự (bao gồm cả kết luận điều tra và đề nghị truy tố) do CQĐTchuyển đến và kết thúc bằng việc VKS ra một trong ba loại quyết định sau: 1) Truy tố bị can trước Tòa án bằng bản cáo trạng (kết luận về tội trạng), 2) Trả lại hồ sơ để điều tra bổ sung hoặc là 3) Đình chỉ hay tạm đình chỉ vụ án hình sự tương ứng.

Giai đoạn xét xử, Xét xử là chức năng quan trọng nhất của TA nói riêng và của toàn bộ quá trình tố tụng hình sự nói chung nhằm áp dụng các biện pháp cần thiết do luật định để kiểm tra lại tính hợp pháp và có căn cứ của toàn bộ các quyết định mà CQĐT và VKS đã thông qua trước khi chuyển VAHS sang TA, nhằm loại trừ các những hậu quả tiêu cực của các sơ xuất, sai lầm hoặc sự lạm dụng đã bị bỏ lọt trong ba giai đoạn tố tụng hình sự trước đó (khởi tố, điều tra và truy tố), chuẩn bị đưa vụ án ra xét xử, hoặc trả lại hồ sơ để điều tra bổ sung hoặc đình chỉ (hay tạm đình chỉ) vụ án.

Thực tiễn đã chứng minh rằng vai trò của các CQTHTT trong hoạt động chứng minh VAHS có vai trò quan trọng góp phần vào công cuộc bảo vệ pháp chế, bảo vệ an ninh trật tự xã hội và lợi ích của Nhà nước, nhân dân. Bên cạnh đó tồn tại những bất cập từ chính những CQTHTT, những bất cập từ phía Nhà nước và các chủ thể khác….Đòi hỏi cần nâng cao hơn nữa hiệu quả của Bộ luật TTHS và trách nhiệm thực thi của các chủ thể có thẩm quyền để hạn chế những tồn tại đang xảy ra.

**DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO**

* 1. Vương Văn Bép (2013), “*Những vấn đề lý luận và thực tiễn về chế định chứng cứ trong luật tố tụng hình sự Việt Nam*”, Luận án tiến sĩ luật học, Hà Nội.
	2. Lang Văn Bảo (2003), “*Quan hệ giữa Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát trong khởi tố, điều tra vụ án hình sự*”, Luận văn thạc sĩ luật học, Hà Nội.
	3. GS - TSKH Lê Cảm (2004), “Một số vấn đề lý luận chung về các giai đoạn tố tụng”, *Tạp chí Luật học*,(2).
	4. Thái Chí Bình (2011), Vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng thuộc trường hợp xác định không đúng tư cách người tham gia tố tụng theo pháp luật Tố tụng hình sự Việt Nam*, Toà án nhân dân*, Số 2/2011, tr. 26 – 34.
	5. PGS.TS. Nguyễn Hòa Bình (2016), *Những nội dung mới trong Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015*, NXB. Chính trị Quốc gia.
	6. TS. Nguyễn Ngọc Chí (chủ biên) (2003), G*iáo trình Luật tố tụng hình sự Việt Nam,* NXB. Đại học Quốc Gia Hà Nội.
	7. Lê Tiến Châu, (2003), “ Một số vấn đề về tranh tụng trong tố tụng hình sự Việt Nam”, *Tạp chí khoa học pháp lý,* (1).
	8. Ths Nguyễn Văn Cừ (2005), *Chứng minh trong tố tụng hình sự Việt Nam*. NXB Tư pháp
	9. Nguyễn Ngọc Chí (2008), “ Đảm bảo sự vô tư của người tiến hành tố tụng, người phiên dịch, người giám định”, *Tạp chí Nhà nước và pháp luật*, (8); tr. 53-57.
	10. Nguyễn Ngọc Chí (2008), “Các nguyên tắc cơ bản trong luật tố tụng hình sự - những đề xuất sửa đổi, bổ sung”, *Tạp chí khoa học ĐHQGHN, kinh tế - Luật, (*24) tr. 239-253.
	11. Bùi Kiên Diện (1997), “Về trách nhiệm chứng minh tội phạm”, *Tạp chí luật học,* (1).
	12. Mạc Thị Duyên (2012), *Hoạt động chứng minh trong xét xử sơ thẩm Vụ án hình sự*, Luận văn thạc sĩ luật học, Hà Nội.
	13. Đảng cộng sản Việt Nam (2002), *Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 02/01/2002 của Bộ Chính trị về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới*, Hà Nội.
	14. Đỗ Văn Đương (2000), *Thu thập, đánh giá và sử dụng chứng cứ trong điều tra vụ án hình sự ở Việt Nam hiện nay*, Luận án tiến sĩ luật học, Hà Nội.
	15. Đảng cộng sản Việt Nam (2005), *Nghị quyết số 48-NQ/TW ngày 24/5/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020*,

Hà Nội.

* 1. Đảng cộng sản Việt Nam (2005), *Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày*

*02/6/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm*

*2020*, Hà Nội;

* 1. TS. Đỗ Văn Đương (2006), *Chứng cứ và chứng minh trong vụ án hình sự*, NXB Tư pháp.
	2. Ths. Nguyễn Viết Hoạt (2007), “Bản chất của hoạt động điều tra trong tố tụng hình sự”, *Tạp chí khoa học pháp lý*,(3).
	3. Nguyễn Cảnh Hợp, “Các nguyên tắc của tố tụng hình sự trong điều kiện xây dựng Nhà nước pháp quyền”, *Tạp chí khoa học pháp lý,* (01).
	4. PGS.TS. Nguyễn Văn Huyên (2011), *Giáo trình luật tố tụng hình sự Việt Nam*, Nhà xuất bản Tư pháp.
	5. Vũ Ngọc Hà (2013), “*Chứng minh trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự*”, Luận văn thạc sĩ luật học, Hà Nội.
	6. Phạm Hồng Hải (1999), *Đảm bảo quyền bào chữa của người bị buộc tội* Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
	7. Trần Thu Hạnh (2013), “Cơ chế đam bảo sự vô tư của những người tiến hành tố tụng hoặc người tham gia tố tụng trong luật tố tụng hình sự Việt Nam hiện hành”, *Tạp chí khoa học ĐHQGHN, luật học,* tập 29, (4) tr.1-14.
	8. PGS.TS. Nguyễn Văn Huyên – TS. Lê Lan Chi (2016), *Bình luận khoa học Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015*, NXB. Lao động.
	9. Nguyễn Thành Long (2010), “*Nguyên tắc suy đoán vô tội trong luật tố tụng hình sự Việt Nam*”, Luận án tiến sĩ luật học, Hà Nội.
	10. TS. Vũ Gia Lâm (2014), “Nguyên tắc suy đoán vô tội trong tố tụng hình sự”, *Tạp chí luật học*, (01).
	11. Phạm Lê Liên (2013), Từ điển tiếng việt thông dụng (2013), NXB. Giáo dục. Tr.239, 970.
	12. Liên hợp quốc (1948), *Tuyên ngôn quốc tế nhân quyền*.
	13. Liên hợp quốc (1998), *Quy chế Rome về tòa án hình sự quốc tế.*
	14. PGS.TS. Trần Đình Nhã - Ủy ban Quốc phòng an ninh Quốc hội (2012), “ Về chế định điều tra tội phạm trong Bộ luật tố tụng hình sự”, *Tạp chí Kiểm sát*, (21).
	15. Vũ Đức Ninh (2013), “*Thẩm quyền của Viện kiểm sát trong giai đoạn truy tố*”, Luận văn thạc sĩ luật học, Hà Nội.
	16. Nguyễn Minh Ngọc (2014), “*Quá trình chứng minh trong tố tụng hình sự*”, Luận văn thạc sĩ luật học, Hà Nội.
	17. Hoàng Thị Thoa (2014), “ *Vai trò của thẩm phán Tò án nhân dân cấp quận, huyện trong xét xử các vụ án hình sự*”, Luận văn thạc sĩ luật học , Hà Nội.
	18. Quốc Hội (1988), *Bộ luật tố tụng hình sự*, Hà Nội.
	19. Quốc Hội (1992), *Hiến pháp nước cộng hào xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, Hà Nội.
	20. Quốc Hội (2003), *Bộ luật tố tụng hình sự*, Hà Nội.
	21. Quốc Hội (2009), *Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước*, Hà Nội.
	22. Quốc Hội (2013), *Hiến pháp nước cộng hào xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, Hà Nội.
	23. Quốc Hội (2015), *Bộ luật tố tụng hình sự*, Hà Nội.
	24. GS.TS Đỗ Ngọc Quang (2012) “Hoàn thiện thủ tục khởi tố vụ án, khởi tố bị can trong tố tụng hình Sự theo yêu cầu của cải cách tư pháp” *Tạp chí Kiểm sát*,(08).
	25. Hoàng Thị Minh Sơn (2008), “Hoàn thiện các quy định về thu thập, đánh giá và sử dụng chứng cứ trong tố tụng hình sự”, *Tạp chí luật học*, (7).
	26. TS. Nguyễn Văn Tuân (2015), *Một số vấn đề về luật tố tụng hình sự Việt Nam*, NXB Tư pháp.
	27. Trần Quang Tiệp (2007), “Đối tượng chứng minh và nghĩa vụ chứng minh trong Bộ luật TTHS năm 2003”, *Tạp chí Kiểm sát*, (2), tr22-26.
	28. Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, (2012), “ *Báo cáo kết quả công tác năm 2012 và nhiệm vụ công tác năm 2013 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội tại kỳ họp thứ 6 Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội* (khóa XIV)”, Hà Nội.
	29. Tòa án nhân dân tối cao, (2012), “ *Báo cáo tổng kết công tác năm 2012 và nhiệm vụ trọng tâm công tác năm 2013 của ngành Tòa án nhân dân*”, Hà Nội.
	30. Ts. Võ Khánh Vinh (2012), *Bình luận khoa học Bộ luật tố tụng hình sự của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, NXB Tư pháp.
	31. Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2014), *“Tham luận hội nghị tập huấn công tác kiểm sát việc tạm giữ, tạm giam và thi hành án hình sự”.*
	32. Viện nghiên cứu khoa học pháp lý (Bộ tư pháp) (2006), *Bình luận khoa học Bộ luật tố tụng hình sự Việt Nam năm 2003*, NXB Tư pháp.
	33. Viện kiểm sát nhân dân tối cao, (2015), “*Báo cáo tổng kết thực tiễn 10 năm thi hành Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003*”, Hà Nội.
	34. Viện kiểm sát nhân dân tối cao, (2015), “*Tổng kết công tác 2015 và triển khai công tác 2016 của ngành Kiểm sát nhân dân*”, Hà Nội.
	35. <http://www.dhluathn.com/2015/01/nguyen-tac-xac-nhan-su-that-cua-vu-bai.html>.
	36. <http://isl.vass.gov.vn/noidung/tintuc/Lists/TinHoatDongKhoaHoc/View_Detail.aspx?ItemID=1319>.
	37. <http://vietnamnet.vn/vn/chinh-tri/244897/bo-cong-an-de-xuat-mo-hinh-co-quan-dieu-tra-tinh-gon.html>.
	38. <http://tcdcpl.moj.gov.vn/qt/tintuc/Pages/dien-dan-cong-tac-tu-phap.aspx?ItemID=84>.
	39. <http://moj.gov.vn/qt/tintuc/Pages/nghien-cuu-trao-doi.aspx?ItemID=1507>.
	40. <http://tks.edu.vn/thong-tin-khoa-hoc/chi-tiet/79/42>;
	41. <https://rongadida.wordpress.com/2015/03/24/ban-ve-nguyen-tac-xac-dinh-su-that-trong-vu-an-hinh-su>.
	42. Criminal – Procedural code of The Russian Federation – No. 174 – FZ of December 18, 2001.